

CỘNG SẢN

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

8

8.1979

TOÀN DÂN THAM GIA XÂY DỰNG HIẾN PHÁP MỚI

SAU khi bản dự thảo Hiến pháp mới được đưa ra cho cán bộ trung cấp và cao cấp của Đảng và Nhà nước thảo luận, Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã chỉnh lý và Bộ chính trị Trung ương Đảng đã xem xét và quyết định đưa bản dự thảo này ra toàn dân thảo luận.

Đây là lần đầu tiên cuộc thảo luận bản dự thảo Hiến pháp mới được tổ chức rộng rãi trong nhân dân ở khắp mọi vùng trên đất nước ta.

Cuộc thảo luận này trước hết đáp ứng lòng mong muốn của nhân dân cả nước ta đóng góp vào việc xây dựng Hiến pháp mới. Nó hợp với ý nguyện của toàn dân ta được thảo luận và xác định quyền làm chủ tập thể về mọi mặt của mình trong đạo luật cơ bản của Nhà nước; xác lập và củng cố nền chuyên chính vô sản để xây dựng và bảo vệ vững chắc một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; xác định những quyền lợi và nghĩa vụ của mình; xác định những thiết chế của Nhà nước.

Cuộc thảo luận này là một bước hết sức quan trọng nhằm làm cho Hiến pháp mới của nước ta thật sự phản ánh nguyện vọng và ý chí của toàn dân ta là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, cả nước ta vừa ra sức đẩy mạnh sản xuất, đề phòng bão, lụt, ổn định đời sống nhân dân, vừa chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống chủ nghĩa bành trướng Trung-quốc. Thắng lợi oanh liệt của hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vừa qua đang cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta hăng hái thực hiện những nhiệm vụ trước mắt. Kết quả của kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa VI thể hiện ý chí sắt đá của 50 triệu đồng bào ta kiên quyết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cuộc thảo luận bản dự thảo Hiến pháp mới phải thật sự trở thành một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, một cuộc vận động dân chủ xã hội chủ nghĩa trong toàn dân, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân ta, làm cho mọi người gắn bó với chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội.



Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân làm chủ việc xây dựng pháp luật và làm chủ pháp luật. Pháp luật là công cụ phục vụ và bảo vệ chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Hiến pháp mới – đạo luật cơ bản của Nhà nước ta – là sự thể chế hóa quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động nước ta. Nó xác định những nguyên tắc cơ bản, những cơ cấu chủ yếu của chế độ làm chủ tập thể, những quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của người lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp mới còn là bản tổng kết những thành tựu cách mạng đã đạt được từ trước đến nay, bao gồm những kết luận khoa học rút ra từ những kinh nghiệm trong mấy chục năm qua của chính quyền nhân dân do Đảng ta lãnh đạo, đồng thời là luật cơ bản bảo đảm sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bao gồm những nguyên lý hướng dẫn hành động của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xây dựng Hiến pháp mới không phải chỉ là công việc của một số cơ quan chuyên trách, mà phải có sự đóng góp tích cực và rộng rãi của nhân dân.

Do đó, một yêu cầu rất quan trọng của cuộc thảo luận này là thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước tích cực tham gia thảo luận và góp ý kiến thiết thực xây dựng Hiến pháp mới. Nhân dân ta, với ý thức chính trị đã được thử thách và rèn luyện trong mấy chục năm qua, với vị trí của người làm chủ đất nước, người trực tiếp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất định sẽ đóng góp nhiều ý kiến xác đáng xây dựng Hiến pháp mới, làm cho Hiến pháp mới thể hiện đầy đủ nguyện vọng, ý chí và quyền làm chủ tập thể của toàn dân ta. Sự tham gia đông đảo, sôi nổi của nhân dân ta vào việc xây dựng Hiến pháp mới nói lên tình hơn hân của chế độ xã hội chủ nghĩa, tình nhân dân của Hiến pháp mới.

Thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng Hiến pháp mới là một dịp tốt để cán bộ và nhân dân ta nâng cao nhận thức về chủ nghĩa xã

hội và pháp chế xã hội chủ nghĩa, về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, phát huy tài năng và trí sáng tạo của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiến pháp mới chính là sự thể hiện về mặt pháp lý, sự xác định mô hình chủ nghĩa xã hội, những nguyên lý cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực, những mục tiêu và quy luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội, những biện pháp chủ yếu bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vì vậy, cuộc thảo luận lần này sẽ đưa lại cho nhân dân ta những hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa xã hội, về bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp là đạo luật cơ bản mà mọi công dân đều có nhiệm vụ phải hiểu biết và tuân theo một cách nghiêm chỉnh. Nó quy định trên nét lớn những hành động được phép và những hành động bị nghiêm cấm, thể hiện những nguyên tắc pháp lý xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, nó cũng xác định cụ thể những quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản mà mỗi công dân được hưởng và phải thực hiện. Cho nên, cuộc thảo luận này còn làm cho nhân dân ta nắm vững pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, ý thức đấu tranh chống mọi hành động vi phạm pháp luật, thấy rõ sự khác nhau về bản chất giữa Hiến pháp xã hội chủ nghĩa và hiến pháp tư sản, khắc phục những quan điểm tư sản về tự do dân chủ và pháp chế. Đồng thời, nâng cao sự hiểu biết về quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, làm cho nhân dân thấy rõ mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ. Nhà nước ta có nhiệm vụ bảo đảm cho công dân thực hiện quyền lợi chính đáng của mình, đồng thời đòi hỏi công dân làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, đối với xã hội. Công dân làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, đối với xã hội cũng tức là đem lại quyền lợi thiết thực cho mình.

Qua thảo luận, thấm nhuần tinh thần và nội dung cơ bản của bản dự thảo Hiến pháp mới, phát huy ý thức làm chủ tập thể, nâng cao trình độ hiểu biết chính trị của mình, nhân dân ta càng tăng thêm nhiệt tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, đầy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, thực hành tiết kiệm, tăng năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước và mọi mặt công tác khác. Tinh thần phấn khởi và lòng yêu mến chế độ tốt đẹp của nhân dân ta thể hiện trong cuộc thảo luận sẽ là một trong những nhân tố chính trị và tinh thần thúc đẩy cán bộ và nhân dân ta vươn lên khắc phục những khó khăn, phát huy năng lực sáng tạo trong lao động sản xuất, công tác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.



Đề bào đảm cuộc thảo luận đạt kết quả tốt, điều có ý nghĩa quyết định là các cấp phải quán triệt yêu cầu phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong suốt cả cuộc vận động, trong nội dung tuyên truyền, giáo dục, trong cách tổ chức, hướng dẫn và cả trong tư tưởng chỉ đạo cuộc thảo luận, bảo đảm tự do tư tưởng, dân chủ thảo luận, mạnh dạn liên hệ thực tế để làm sáng tỏ thêm những quan điểm, tư tưởng của Hiến pháp mới.

Lần này, đối tượng tham gia đông đảo là quần chúng công nhân, nông dân, lao động trí óc và các tầng lớp lao động khác, trong đó có nhiều tập thể, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, lứa tuổi và nghề nghiệp khác nhau, ở các vùng rất khác nhau, có hoàn cảnh và trình độ về các mặt không đồng đều. Muốn đạt yêu cầu, việc thảo luận nhất thiết phải được tiến hành chu đáo, thiết thực và sâu rộng, bằng nhiều hình thức linh hoạt và phong phú, theo một kế hoạch sát hợp, nhất là đối với cấp cơ sở. Như vậy, mọi người dân mới có điều kiện thuận lợi, dễ dàng tham gia cuộc sinh hoạt chính trị quan trọng này.

Trong quá trình thảo luận, để làm rõ ý kiến đóng góp của mình, những người tham gia cuộc thảo luận có thể liên hệ tình hình thực tế, nêu ra những thiếu sót, sai phạm của các cơ quan, cán bộ. Những tổ chức và cán bộ, nhân viên có trách nhiệm tham gia cuộc vận động này cần tích cực động viên đông đảo quần chúng hăng hái góp ý kiến, đề cao dân chủ xã hội chủ nghĩa, thu thập đầy đủ ý kiến của nhân dân để chỉnh lý tốt bản dự thảo Hiến pháp. Đồng thời, xác định thái độ thật sự tôn trọng ý kiến phê bình xây dựng của quần chúng, lắng nghe nghiêm túc, ghi nhận đầy đủ và cùng các cơ quan có liên quan tích cực sửa chữa những sai sót do quần chúng nêu ra hoặc trả lời những vấn đề quần chúng chưa rõ. Làm tốt việc này chính là thiết thực khuyến khích quần chúng phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mình, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền, cán bộ với nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền nhân dân vững mạnh, tăng cường đoàn kết toàn dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất. Những tư tưởng, thái độ lệch lạc và cách làm hình thức, hời hợt trong việc tổ chức thảo luận bản dự thảo Hiến pháp mới cần được phê phán và uốn nắn kịp thời. Đồng thời, chúng ta cũng cần đề phòng những phần tử xấu xuyên tạc, khiêu khích, quấy rối và phá hoại.

Cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, bệnh viện, cửa hàng, trường học và các thôn, ấp, khối phố là những đơn vị tổ chức thảo luận ở cơ sở. Kết quả thảo luận ở cơ sở lũy thuộc một phần rất quan

trọng vào việc các tổ chức của Đảng, các cán bộ, đảng viên thực hiện nhiệm vụ vận động nhân dân và cùng nhân dân tích cực tham gia thảo luận dự thảo Hiến pháp, tùy thuộc chất lượng của đội ngũ báo cáo viên, hướng dẫn viên, tùy thuộc công tác tuyên truyền, giải thích mục đích, yêu cầu của cuộc thảo luận, những vấn đề cơ bản trong dự thảo Hiến pháp, tùy thuộc việc uốn nắn kịp thời những tư tưởng không đúng hạn chế kết quả cuộc thảo luận.



Thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng Hiến pháp mới của nước mình là một quyền lợi mà chỉ có trải qua đấu tranh cách mạng lâu dài người dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mới được hưởng. Mỗi điều khoản của Hiến pháp đều liên quan mật thiết đến đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta, có quan hệ đến hiện tại và tương lai của đất nước ta. Tính hơn hân của chủ nghĩa xã hội thể hiện rõ rệt ở chỗ không có một sự kiện chính trị quan trọng nào, một quyết định hệ trọng nào của đất nước mà nhân dân lại không có quyền bày tỏ ý kiến, tham gia thảo luận, và mọi ý kiến xây dựng, lành mạnh của quần chúng nhân dân đều được Nhà nước lắng nghe và nghiên cứu, tiếp thụ. Vì vậy, nhân dân cả nước ta hãy hăng hái tham gia cuộc thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến xây dựng Hiến pháp mới, làm cho Hiến pháp mới thật sự là của nhân dân, một vũ khí sắc bén trong tay nhân dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Với tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, cán bộ và nhân dân ta hãy hăng hái tham gia cuộc thảo luận xây dựng Hiến pháp mới, làm cho cuộc thảo luận này thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, thể hiện sinh động ý thức và quyền làm chủ tập thể của mọi người lao động nước ta.

THÔNG CÁO

BAN chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-nam vô cùng đau đớn báo tin với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và kiều bào ở nước ngoài:

Đồng chí NGUYỄN-LƯƠNG-BẰNG

Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam,
Đại biểu Quốc hội khóa sáu, Phó chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam,

Sau một thời gian bị bệnh nặng, được Đảng và Nhà nước hết lòng chăm sóc, các thầy thuốc và nhân viên y tế tận tình cứu chữa nhưng vì bệnh quá nặng nên đồng chí không qua khỏi được, đã từ trần hồi 3 giờ 50 phút, ngày 20 tháng 7 năm 1979 tại Hà-nội, thọ 75 tuổi.

Đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng qua đời là một tổn thất lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Đề tổ lòng tưởng nhớ đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt-nam, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng chính phủ và Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-nam quyết định:

1 - Tổ chức quốc tang.

2 - Toàn quốc đề tang đồng chí Phó chủ tịch Nguyễn-Lương-Bằng trong ba ngày, kể từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 7 năm 1979.

3 - Ban chấp hành trung ương Đảng, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng chính phủ và Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-nam sẽ tổ chức lễ truy điệu trọng thể đồng chí Phó chủ tịch Nguyễn-Lương-Bằng.

Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương sẽ tổ chức lễ truy điệu tại Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân thành phố.

4 - Cử một Ủy ban lễ tang Nhà nước gồm một số đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt-nam và các đoàn thể nhân dân ta để phụ trách việc tổ chức lễ tang.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta biến đau thương thành sức mạnh ra sức làm tròn mọi nhiệm vụ trước mắt nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hà-nội, ngày 20 tháng 7 năm 1979

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM,
ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM,**

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM.**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT-NAM**

CHÚNG TÔI NGUYỆN MÃI MÃI XỨNG ĐÁNG VỚI ĐỒNG CHÍ!

*Điều văn do đồng chí Phạm-Văn-Đồng, Ủy viên Bộ chính trị
Trung ương Đảng, Thủ tướng Chính phủ, đọc trong buổi
lễ truy điệu Phó chủ tịch Nguyễn-Lương-Bằng.*

DỒNG chí Nguyễn-Lương-Bằng kính mến của chúng ta không còn nữa!

Đồng chí mất đi là một tổn thất rất lớn đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Toàn Đảng và toàn dân ta vô cùng đau xót và thương tiếc đồng chí, một nhà lãnh đạo sáng suốt, một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một tấm gương trong sáng đối với nhiều thế hệ những người cộng sản chúng ta từ khi Đảng ta ra đời đến nay.

Xuất thân từ giai cấp công nhân, đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng, với tên hoạt động cách mạng «Sao Đỏ» nổi tiếng, là một đồng chí thuộc lớp chiến sĩ đầu tiên của cách mạng Việt-nam. Từ một thanh niên yêu nước, sớm được Chủ tịch Hồ-Chí-Minh chỉ dẫn, đồng chí đã trở thành một người hoạt động xuất sắc của Việt-nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, một đảng viên ưu tú của Đảng cộng sản Việt-nam.

Dưới sự chỉ dẫn trực tiếp của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, đồng chí hoạt động trong những người yêu nước Việt-nam ở ngoài nước, ở trên tàu biển, ở miền Bắc và miền Nam nước ta. Đồng chí là người hăng hái truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở Việt-nam, một trong những người tham gia xây dựng

Đảng ta về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong hai mươi năm hoạt động dưới chế độ thực dân, từ năm 1925 đến 1945, đồng chí bị bắt ba lần và hai lần vượt ngục. Đường đầu với những cuộc tra tấn dã man của quân thù, đồng chí không hề nao núng, một dạ trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với Đảng cộng sản và giai cấp công nhân, nêu cao khí tiết cách mạng. «Sao Đỏ» đã chiếu ánh sáng chói lọi đối với những người cách mạng, và là mối khiếp sợ của kẻ thù. Mặc dù biết bao thủ đoạn gian xảo và độc ác, chúng không thể nào lay chuyển nổi một chiến sĩ cộng sản gan vàng dạ sắt. Qua hơn mười năm bị giam cầm ở nhiều nhà tù, trải qua mọi thử thách của khủng bố trắng, thiếu thốn, bệnh tật, đồng chí vẫn nêu cao tinh thần kiên cường, bất khuất, lãnh đạo và giáo dục các đồng chí của mình, đấu tranh ngày càng mạnh mẽ chống quân thù và bọn phản bội.

Sau khi vượt ngục lần chót, đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng đã cùng các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng ta và của Tổng bộ Việt-minh, ra sức xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức nhân dân đấu tranh trong hoàn cảnh hết sức khó khăn gian khổ dưới

ách áp bức của hai đế quốc Pháp, Nhật, đẩy tới cao trào cứu nước, giành độc lập dân tộc. Cùng với Chủ tịch Hồ-Chí-Minh và Trung ương Đảng, đồng chí đã tham gia lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, và là một trong những người sáng lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Đồng chí đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng nền tài chính của nước ta, và tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp.

Là Đại sứ đầu tiên của nước ta tại Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết, đồng chí đã góp phần tích cực vào việc củng cố và phát triển tình hữu nghị anh em và tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Liên-xô.

Trong thời gian hai cuộc kháng chiến, đồng chí có nhiều dịp được ở bên cạnh Chủ tịch Hồ-Chí-Minh và là một người cộng sự đặc lực trong việc xây dựng Đảng ta, giáo dục đảng viên, chăm lo sự vững vàng của Đảng về tư tưởng và tổ chức.

Trên cương vị Phó chủ tịch nước, đồng chí là người bạn thân thiết của Chủ tịch Tôn-Đức-Thắng, người đứng đầu Nhà nước ta, tiếp tục sự nghiệp của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, sự nghiệp chiến đấu vì hòa bình, độc lập, thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Bất kỳ hoạt động ở ngoài nước hay ở trong nước, đồng chí luôn luôn kết hợp tình thân yêu nước nồng nàn với tình thân quốc tế cao cả; một lòng đoàn kết với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đoàn kết với phong trào giải phóng dân tộc, dân chủ và hòa bình.

Học tập những đạo đức quý báu của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, đồng chí là người khiêm tốn, giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thực hiện dân chủ, giữ vững kỷ luật,

phục tùng tổ chức, đoàn kết rộng rãi và chặt chẽ, rất mực thương yêu đồng chí và chăm lo đời sống của nhân dân. Cái tên « Anh Cả » mà chúng ta thường gọi là biểu tượng của mẫu mực, sự trong sáng của tình đồng chí, tình anh em.

Cuộc đời hoạt động của đồng chí là một tấm gương sáng của người cộng sản Việt-nam, vừa giàu tình thân yêu nước, vừa giàu tình thân quốc tế vô sản.

Anh Cả kính mến và thân yêu,

Trái tim Anh đã ngừng đập. Nhưng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta rất tự hào về Anh, về đồng chí Sao Đỏ, đồng chí Nguyễn-Lương-Bằng. Đồng chí năm nay vừa tròn 75 tuổi; kể từ khi giác ngộ, đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng. Tấm gương của đồng chí là giá trị tinh thần mãi mãi tỏa sáng đối với nhiều thế hệ những người cộng sản và thanh niên ta, nhân dân ta. Tinh thần cách mạng, đạo đức cộng sản chủ nghĩa của đồng chí là bất diệt.

Mục đích hoạt động và lý tưởng của đồng chí đã được thực hiện và sẽ được thực hiện hoàn toàn. Nước nhà đã độc lập, thống nhất và cả nước đang đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng của nhân dân thế giới đang liên tiếp giành được thắng lợi. Chủ nghĩa xã hội đã thành hiện thực vĩ đại trên quả đất và nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn như đồng chí hằng mong muốn.

Dù còn phải vượt qua nhiều khó khăn, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta nhất định anh dũng tiến lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới như đồng chí vẫn thường nhắc nhở.

Vĩnh biệt Anh Cả kính mến và thân yêu, chúng tôi nguyện mãi mãi xứng đáng với đồng chí!

HOÀN THÀNH TỐT CÔNG TÁC CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG NGHIỆP TƯ DOANH Ở CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ MIỀN NAM

ĐỖ - MƯỜI

MỘT trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay của nhân dân ta là *phải hoàn thành tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh ở các tỉnh và thành phố miền Nam, nhằm củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong các ngành kinh tế quốc dân.* Việc hoàn thành tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh ở các tỉnh và thành phố miền Nam có một ý nghĩa rất quan trọng. Có xác lập, củng cố, mở rộng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thì mới thúc đẩy được lực lượng sản xuất phát triển, mới huy động được mọi năng lực tiềm tàng của đất nước phục vụ nhiệm vụ xây dựng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng lưu thông phân phối hàng hóa, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước, động viên được sức người, sức của để bảo vệ Tổ quốc. Khuynh hướng buông lơi cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam là có hại cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc chống chủ nghĩa hành trưởng và bá quyền nước lớn của bọn cầm quyền phản

động Bắc-kinh và có hại cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

Mấy năm qua, chúng ta đã làm được nhiều việc trong công tác cải tạo và xây dựng công nghiệp và thương nghiệp ở các tỉnh miền Nam theo chủ nghĩa xã hội.

Đến nay, chúng ta đã căn bản hoàn thành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh, xóa bỏ về căn bản giai cấp tư sản thành thị ở các tỉnh, thành phố miền Nam.

Các cơ sở tư bản tư doanh loại lớn và vừa trong công nghiệp, xây dựng, vận tải, y tế, dịch vụ... đã được chuyển thành xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh. Một số cơ sở tư bản tư doanh loại nhỏ được tổ chức thành xí nghiệp hợp tác, làm gia công cho Nhà nước. Chúng ta đã xóa bỏ kinh doanh thương nghiệp của giai cấp tư sản và thương nghiệp tư nhân kinh doanh các mặt hàng do Nhà nước thống nhất quản lý.

Nhà nước đã trực tiếp quản lý các ngành kinh tế then chốt, các cơ sở kinh tế, văn hóa quan trọng, thống nhất quản lý và mở rộng kinh doanh các mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nhân dân. Thị trường xã hội chủ nghĩa được mở rộng và củng cố từng bước. Hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa đang chiếm ưu thế tuyệt đối trong các ngành công nghiệp và thương nghiệp. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò nòng cốt trong toàn bộ nền kinh tế ở các tỉnh và thành phố miền Nam.

Chúng ta đã bước đầu tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối hàng hóa theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước, tiến thêm một bước trong việc phân bổ lại lao động xã hội và dân cư ở các thành phố đông dân.

Trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và phức tạp như hiện nay, việc căn bản hoàn thành công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh, xóa bỏ về căn bản giai cấp tư sản thành thị ở các tỉnh và thành phố miền Nam là một thắng lợi to lớn về kinh tế và chính trị.

Thắng lợi này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đẩy mạnh sản xuất, mở rộng lưu thông hàng hóa, tăng cường quản lý thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ, bảo đảm và ổn định đời sống nhân dân, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, phát huy vai trò làm chủ tập thể của công nhân và nhân dân lao động ở miền Nam, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới, góp phần tăng cường quốc phòng toàn dân, bảo đảm an ninh chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm chiến thắng mọi hành động xâm lược của bọn phản động Trung-quốc đối với nước ta.

Tuy nhiên, chúng ta còn nhiều thiếu sót cần khắc phục và còn nhiều

việc phải làm. Các cơ sở công nghiệp và thương nghiệp tư doanh chưa được cải tạo còn nhiều: gần một nghìn cơ sở tư bản tư doanh loại nhỏ, nhiều cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp với gần một nửa số lao động thủ công chuyên nghiệp, hơn nửa triệu tiểu thương. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa còn yếu trên nhiều mặt. Việc thu mua năm nguồn hàng trong tay Nhà nước, nhất là nông sản, thủy sản đạt kết quả thấp; Nhà nước chưa làm chủ được thị trường, thị trường không có tổ chức còn rộng và chưa được quản lý tốt, do đó giá cả nhiều loại hàng hóa tiêu dùng lên rất cao.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh chưa gắn chặt với việc tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối hàng hóa trong cả nước, chưa gắn chặt với việc xây dựng và tăng cường quản lý của các ngành, các cấp.

Trong các xí nghiệp đã được cải tạo, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố vững chắc, trình độ quản lý các mặt hoạt động của xí nghiệp theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa còn thấp, chưa phát huy hết năng lực sản có của xí nghiệp để phát triển sản xuất, bảo đảm thực hiện kế hoạch Nhà nước và ổn định đời sống nhân dân.

Việc giáo dục và xây dựng con người mới, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho những người lao động chưa được quan tâm đúng mức. Việc tiếp tục giáo dục, cải tạo người tư sản hầu như bị buông lỏng. Việc uốn nắn, sửa chữa những sai sót trong việc thực hiện các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa ở nhiều đơn vị, địa phương chưa làm liên tục và triệt để.

Vì vậy, công tác tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh ở các tỉnh và thành phố miền Nam còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Vấn đề nổi lên cần giải quyết thật tốt là: *đi đôi với*

việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh, phải chú ý củng cố và hoàn thiện dần quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tập trung sức đầy mạnh sản xuất và xây dựng tốt thị trường xã hội chủ nghĩa.



Trong thời gian tới, cần nắm vững mục đích cơ bản của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa mà Trung ương Đảng và Chính phủ đã đề ra là: *đẩy mạnh sản xuất, mở rộng lưu thông phân phối xã hội chủ nghĩa gắn liền cải tạo với tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối theo phương hướng của kế hoạch Nhà nước, Nhà nước làm chủ thị trường.*

Muốn đạt được mục đích nói trên, cần thấu suốt hơn nữa quan điểm của Đảng kết hợp cải tạo với xây dựng; và trong nhận định về quan hệ giữa hai mặt cải tạo và xây dựng, phải coi mặt xây dựng là chính: cải tạo đến đâu, phải củng cố và tăng cường quản lý theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa đến đấy. Cải tạo công thương nghiệp tư doanh theo chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với giáo dục, xây dựng con người mới trong hàng ngũ những người lao động, và cải tạo người tư sản từ người bóc lột thành người lao động.

Cần nhận thức rõ toàn bộ quá trình kết hợp cải tạo và xây dựng là nhằm tạo ra quan hệ sản xuất mới và lực lượng sản xuất mới, cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới, cả đời sống vật chất và đời sống văn hóa xã hội mới.

Kinh nghiệm thực tế trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh ở các tỉnh và thành phố miền Nam, trong mấy năm qua cho chúng ta thấy rất rõ, ngành nào nắm vững quan điểm kết hợp cải tạo với xây dựng, biết gắn liền cải tạo với

tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối theo phương hướng kế hoạch Nhà nước, thì ngành ấy hoàn thành tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân. Thiếu sót lớn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa của ngành thương nghiệp ở các tỉnh miền Nam chính là ở chỗ: không kết hợp được việc xóa bỏ thương nghiệp tư doanh với việc tổ chức lại nền thương nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa để phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân. Do đó, mạng lưới thu mua của nội thương, lương thực, hải sản... rất yếu, công tác thu mua đạt kết quả rất thấp. Tổ chức thương nghiệp quốc doanh rất yếu trên nhiều mặt: lực lượng hàng hóa, cơ sở vật chất và kỹ thuật, tổ chức và lao động... Thị trường có tổ chức ở miền Nam mới chiếm lĩnh gần 40% doanh số bán lẻ trên thị trường xã hội. Thị trường tự do còn rộng, tiểu thương còn quá đông, giá cả hàng hóa lên cao, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt cân đối trong nền kinh tế quốc dân, đến phát triển sản xuất và ổn định đời sống nhân dân.

Cải tạo quan hệ sản xuất tức là xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, lạc hậu, lỗi thời, xây dựng nên một quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa, tiến bộ, hơn hẳn quan hệ sản xuất cũ trên nhiều mặt. Nếu xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư doanh mà sau đó không xây dựng được một hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa vững mạnh về mọi mặt, chẳng những thay thế được thương nghiệp tư bản tư doanh mà còn kinh doanh hơn hẳn thương nghiệp tư bản tư doanh, bảo đảm phục vụ sản xuất phát triển, phục vụ tốt đời sống nhân dân, thì quan hệ sản xuất mới làm thế nào đứng vững và phát triển được, chủ nghĩa xã hội làm thế nào chiến thắng được chủ nghĩa tư bản trên lĩnh vực lưu thông phân phối và thị trường, và do đó chính quyền chuyên chính vô sản của

chúng ta làm sao hoàn thành được cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng miền Nam thành hậu phương vững chắc cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc chống quân Trung-quốc xâm lược.

Vì vậy, các ngành cần nắm vững quan điểm của Đảng, kết hợp cải tạo với xây dựng, kết hợp cải tạo với tổ chức lại sản xuất và lưu thông phân phối, hoàn thành tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh ở các tỉnh miền Nam. Việc hoàn thành tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp phải được thể hiện rõ nét ở chỗ: công tác cải tạo phục vụ và thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển; có nhiều hàng tiêu dùng cho nhân dân và xuất khẩu. Đó là tiêu chuẩn số một để đánh giá kết quả công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa của chúng ta.



Để thực hiện đúng quan điểm trên đây của Đảng, các ngành cần làm tốt việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh, đi đôi với củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất và xây dựng tốt thị trường, xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, cần tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp; hoàn thành nhanh gọn việc cải tạo các cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh còn lại theo các hình thức thích hợp; tổ chức lại các cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đưa 70% lao động chuyên nghiệp vào các tổ hợp tác sản xuất và hợp tác xã. Cần củng cố và nâng cao kết quả cải tạo, củng cố và

hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong các cơ sở đã cải tạo, nhằm phát huy tính hơn hẳn của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, khai thác hết khả năng tiềm tàng trong khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp để đẩy mạnh sản xuất, làm ra nhiều hàng tiêu dùng để phục vụ đời sống nhân dân và xuất khẩu thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước.

Sản xuất quyết định lưu thông phân phối, nhưng lưu thông phân phối lại có tác động trở lại đối với sản xuất. Vì vậy, sau khi tiến hành cải tạo công nghiệp và thương nghiệp tư bản tư doanh, tổ chức lại các ngành sản xuất theo các hình thức xã hội chủ nghĩa, vấn đề nổi lên là muốn đẩy mạnh các ngành sản xuất phát triển, phải tổ chức lại các ngành lưu thông phân phối, cải tạo và chuyển một phần lớn lưu thông sang sản xuất và làm các dịch vụ cần thiết cho đời sống nhân dân, quản lý tốt thị trường; các tổ chức thương nghiệp quốc doanh phải lớn mạnh nhanh chóng để có đủ sức đáp ứng các nhu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân, có đủ sức làm chủ thị trường, đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, nâng giá, lũng đoạn giá cả thị trường. Chính đó là vấn đề mấu chốt, và cũng là chỗ yếu nhất hiện nay của kinh tế các tỉnh miền Nam.

Vì vậy, một mặt Nhà nước cần phát triển nhanh chóng lực lượng thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, mở rộng lưu thông phân phối, củng cố và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, làm chủ thị trường, làm chủ lưu thông phân phối, bảo đảm tốt việc phân phối những hàng hóa thuộc nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Mặt khác, cần giáo dục cho cán bộ và nhân dân chấp hành tốt các chính sách về lưu thông phân phối của Nhà nước, nhất là giáo dục nông dân làm tốt nghĩa vụ bán sản phẩm cho Nhà nước, và đòi

hỏi mọi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành các chính sách này.

Các ngành lưu thông phân phối phải bám sát sản xuất, khai thác mọi khả năng tiềm tàng để đẩy mạnh sản xuất, sắp xếp công việc cho những người chưa có việc làm, cải tạo tiêu thương, chuyển hẳn phần lớn sang sản xuất, cải tạo các đô thị từ chỗ là đô thị « tiêu thụ » trở thành đô thị « sản xuất ». Trên cơ sở sản xuất phát triển, các ngành nói trên tăng cường công tác thu mua, tập trung thống nhất nguồn hàng vào tay Nhà nước, để Nhà nước có đủ lực lượng phân phối cho các nhu cầu cần thiết của toàn xã hội. Trên cơ sở nắm vững nguồn hàng trong tay, các ngành lưu thông phân phối mới có điều kiện thuận lợi để quản lý tốt thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng, ổn định đời sống nhân dân. Tình trạng thu mua chạy theo giá thị trường tự do ở các tỉnh miền Nam như hiện nay chỉ có tác dụng khuyến khích người đi buôn chứ không khuyến khích người sản xuất và bảo vệ lợi ích của công nhân và nông dân.

Các ngành lưu thông phân phối cần có sự *chuyển biến căn bản trong công tác thu mua năm nguồn hàng*, tức là thực hiện động viên cao độ nguồn hàng vào tay Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước nắm được đại bộ phận sản phẩm hàng hóa của xã hội và khuyến khích tích cực sản xuất của người lao động.

Cần hiểu rằng tập trung sản phẩm hàng hóa của xã hội vào tay Nhà nước là vấn đề có *tính nguyên tắc* để tổ chức lưu thông hàng hóa có kế hoạch. Chỉ có làm như vậy mới bảo đảm cho sản xuất phát triển đúng hướng, mới cải tạo được người sản xuất nhỏ đi theo chủ nghĩa xã hội, quản lý tốt thị trường, và mới bảo đảm được lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng. Trước tình hình

mất cân đối lớn trong nền kinh tế nếu các ngành nói trên không đẩy mạnh công tác thu mua năm nguồn hàng để bảo đảm nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và của xuất khẩu, thì càng làm cho sự mất cân đối giữa hàng và tiền, giữa thu và chi ngân sách, thu và chi tiền mặt, giữa xuất khẩu và nhập khẩu... thêm căng thẳng, và do đó Nhà nước sẽ không làm tròn nhiệm vụ ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thu mua nông sản là bộ phận cấu thành quan trọng của những mối liên hệ kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn. Tinh thần cơ bản trong chính sách thu mua nông sản là các ngành kinh tế dựa vào quy hoạch và kế hoạch sản xuất, *thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều, thực hiện chính sách thu mua, chính sách giá cả hợp lý do Nhà nước chỉ đạo*. Trung ương Đảng đã quyết định thi hành trong cả nước Nghị quyết số 12 của Bộ chính trị về thu mua lương thực bao gồm ba điểm: thuế, hợp đồng hai chiều, mua theo giá thỏa thuận đối với số lương thực còn lại. Trung ương Đảng cũng quyết định vận dụng tinh thần đó để cải tiến chính sách thu mua các sản phẩm khác của kinh tế tập thể và cá thể. Đối với công nghiệp, các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế tập thể và cá thể được phép mở rộng sản xuất và lưu thông những mặt hàng không do Nhà nước cung ứng vật tư và thống nhất quản lý theo giá cả linh hoạt, việc sản xuất những mặt năng dùng nguyên liệu trong nước, dùng phế liệu, phế phẩm được khuyến khích.

Chính sách thu mua nông sản thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều mà Trung ương Đảng đề ra lần này có nội dung rất mới và toàn diện. Nó gắn chặt với việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông phân phối, gắn chặt với việc cải tạo xã hội chủ

nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, gắn chặt với việc đẩy mạnh « ba cuộc cách mạng » ở nông thôn, xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, củng cố cơ sở, chấn chỉnh tổ chức và cải tiến quản lý trong các ngành, các cấp. Đây không chỉ là vấn đề trao đổi hàng hóa đơn thuần, mà là một vấn đề *vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa chính trị*, vừa có tác dụng thúc đẩy việc hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp miền Nam, vừa phục vụ, vừa thúc đẩy mọi mặt công tác của Đảng và Nhà nước ở nông thôn tiến lên theo đường lối, chủ trương, chính sách mà Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng đã đề ra.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa chăm lo bảo đảm đời sống của các tầng lớp nhân dân, trước hết là đời sống của công nhân, cán bộ, bộ đội, những người « làm công ăn lương » trong khu vực Nhà nước. Hiện nay, đời sống của họ đang gặp nhiều khó khăn. Nhà nước đặc biệt quan tâm giải quyết những khó khăn trong đời sống của công nhân, viên chức... để họ phấn khởi sản xuất, công tác và chiến đấu.

Nhưng muốn giải quyết tốt vấn đề ổn định đời sống nhân dân, Nhà nước phải tìm mọi cách đẩy mạnh sản xuất. Ở miền Nam hiện nay, dựa trên kết quả của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa mà đẩy mạnh sản xuất phát triển, tiến hành thu mua, tập trung nguồn hàng vào trong tay Nhà nước và phân phối tốt các hàng hóa thiết yếu cho đời sống nhân dân. Nhất là trong tình hình cung và cầu về hàng hóa mất cân đối lớn, các ngành lưu thông phân phối *phải đề cao tinh thần trách nhiệm đối với đời sống nhân dân*, làm thật tốt công tác thu mua và phân phối theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, chống mọi hành vi tham ô, móc ngoặc, cửa quyền, gây phiền hà cho dân, chứ

không phải là để cho thị trường tự do phát triển với hoạt động đầu cơ tích trữ, nâng giá những hàng hóa thiết yếu đối với đời sống, bóp chẹt nhân dân.

Trong tình hình hiện nay, vấn đề tăng cường thu mua năm nguồn hàng, trước hết là những mặt hàng quan trọng, ở những vùng sản xuất tập trung; thực hiện đúng đắn hợp đồng kinh tế hai chiều, xây dựng tốt quan hệ giữa Nhà nước với nông dân, dân đánh cá và những người làm các ngành nghề thủ công..., làm tốt việc phân phối những mặt hàng quan trọng cho nhân dân theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo vệ người sản xuất và người tiêu dùng khỏi bị bọn con buôn bóc lột; là những *nhiệm vụ trung tâm trước mắt* mà các ngành lưu thông phân phối cần nắm vững và làm thật tốt. Có như vậy, Nhà nước mới bảo đảm ổn định được đời sống nhân dân, mới phát huy được kết quả của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố được quan hệ sản xuất mới, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất hàng tiêu dùng.

Muốn củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong các cơ sở đã được cải tạo, các ngành, các địa phương cần dựa trên cơ sở quy hoạch sản xuất và kinh doanh của các cơ sở đã cải tạo, mà xác định phương hướng sản xuất và kế hoạch sản xuất của các cơ sở này, đồng thời chỉ đạo các cơ sở này thực hiện đúng kế hoạch Nhà nước và chấp hành các chính sách của Đảng và Nhà nước. Dựa trên cơ sở củng cố và nâng cao kết quả của cải tạo, các ngành không ngừng cải tiến tổ chức và hoạt động của các cơ sở kinh tế quốc doanh, làm cho các cơ sở quốc doanh tỏ rõ tính hơn hẳn so với kinh tế tập thể và cá thể, và trở thành những pháo đài xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cần nắm vững nguyên tắc quản lý xã hội chủ nghĩa và áp dụng

ngay những nguyên tắc ấy trong các cơ sở vừa mới được tái tạo, không nên do dự. Cải tạo đến đâu là phải quản lý theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa đến đấy. Nên áp dụng ngay điều lệ xí nghiệp quốc doanh do Nhà nước ban hành theo tinh thần Chỉ thị số 463/TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các xí nghiệp đã được quốc doanh hóa do trung ương hoặc do địa phương đang quản lý: đồng thời áp dụng ngay điều lệ xí nghiệp công tư hợp doanh trong các xí nghiệp công tư hợp doanh và điều lệ hợp tác xã trong các cơ sở kinh doanh tập thể.

Mặt khác, cần chú ý xây dựng ngay các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong các xí nghiệp đã được cải tạo, làm cho các tổ chức này phát huy vai trò tích cực của nó.

Đi đôi với việc củng cố các cơ sở đã cải tạo, cần tiếp tục đẩy mạnh việc cải tạo các cơ sở tư bản tư doanh còn lại, hoàn thành việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành giao thông vận tải, lâm nghiệp, nhà thầu xây dựng, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, cho thuê nhà đất và các cơ sở kinh doanh dịch vụ quan trọng. Đối với ngành hải sản, cần hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các cơ sở chế biến, cơ sở hậu cần cho đánh bắt hải sản. Riêng trong khâu đánh bắt, nên đưa một bộ phận quan trọng lao động nghề cá vào các tổ chức làm ăn tập thể.

Trong quá trình cải tạo và xây dựng công thương nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách và chế độ. Các ngành, các địa phương cần nắm vững nội dung các chính sách, chế độ ấy để thi hành cho tốt và kiểm tra việc chấp hành của cấp dưới bảo đảm cho công tác cải tạo và xây dựng kinh tế được tiến hành theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Việc cải tạo kinh tế công nghiệp và thương nghiệp tư doanh ở các tỉnh và thành phố miền Nam phải đi đôi với việc giáo dục và xây dựng con người mới trong hàng ngũ những người lao động và cải tạo người tư sản từ người bóc lột thành người lao động. Đây là nhiệm vụ nặng nề và lâu dài nhất của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta biết rằng mục đích của chuyên chính vô sản là xóa bỏ các giai cấp bóc lột, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, và động lực chủ yếu của chuyên chính vô sản là nhân dân lao động nắm quyền làm chủ tập thể xã hội, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Đảng ta đã từng vạch rõ là muốn tiến hành công cuộc cải tạo xã hội, chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Và Đảng ta đã từng nhấn mạnh vai trò tự giác của nhân dân lao động trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu không phát huy được vai trò làm chủ của quần chúng trong sự nghiệp cách mạng này, thì công cuộc cải tạo và xây dựng không thể thành công được. Sau khi hoàn thành công tác cải tạo các xí nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội, nếu những người lao động làm việc trong các cơ sở ấy không được giác ngộ về chủ nghĩa xã hội, và nếu chúng ta không phát huy được quyền làm chủ tập thể của họ để xây dựng và phát triển xí nghiệp, thì ai là người bảo vệ và phát huy những thành quả của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa? Lê-nin đã từng nói: « Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân » (1).

Vì vậy, khuyến khích coi nhẹ công việc giáo dục, xây dựng con người

(1) V. Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 26, trang 327.

mới trong công nhân và những người lao động ở các cơ sở vừa mới được cải tạo và coi nhẹ việc cải tạo người tư sản, là một khuynh hướng sai lầm, có hại cho công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Muốn làm tốt nhiệm vụ này, chúng ta phải dựa vào công nhân, tin công nhân và ra sức giáo dục, rèn luyện để họ thật sự xứng đáng với vai trò của mình. Đây là một cuộc giáo dục kiên trì, đầy tính chất cách mạng của Đảng đối với quần chúng lao động, nhằm bài trừ mọi thói hư, tật xấu, do chế độ thực dân mới để lại, bài trừ những lề thói của bọn bóc lột, và những tập quán lạc hậu đã thấm sâu vào quần chúng lao động. Cuộc đấu tranh để bài trừ những tàn dư tư tưởng của chế độ cũ trong con người

lao động, cũng là nhằm xây dựng cho được con người mới *biết yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, quý trọng của công, không ăn cắp, không dẫu cơ, luôn gắn bó với tập thể, với xí nghiệp, với Nhà nước xã hội chủ nghĩa.*

Đó là một nhiệm vụ hết sức nặng nề nhưng rất vẻ vang. Đảng ta đã tự đặt cho mình nhiệm vụ giúp đỡ giai cấp công nhân đảm nhiệm tốt vai trò của mình là người giáo dục, tổ chức và lãnh đạo công cuộc cách mạng này. Thiếu vai trò ấy của giai cấp công nhân, thì chủ nghĩa xã hội không thể thắng lợi được. Vì vậy phải tin và dựa vào công nhân, phát huy vai trò làm chủ tập thể của công nhân và những người lao động trong công việc quản lý các xí nghiệp đã được cải tạo.

Phân bố lại lực lượng lao động để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

CHẾ-VIỆT-TẤN



ẶC dù bị thất bại nặng nề ở Cam-pu-chia cũng như ở các tỉnh biên giới phía tây nam và phía bắc nước ta, các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc vẫn nuôi cuồng vọng bành trướng và âm mưu thôn tính nước ta và các nước anh em Lào, Cam-pu-chia.

Hiện nay cũng như về lâu dài ở nước ta và hai nước láng giềng anh em: Lào, Cam-pu-chia, quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội gắn liền với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa lại càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

« Vấn đề mấu chốt hiện nay là phải nắm vững mối quan hệ cơ bản giữa xây dựng đất nước với bảo vệ đất nước, mối quan hệ cơ bản giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng » (1). Quan triệt mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng trong việc phân bố lại lực lượng lao động xã hội ở nước ta là một vấn đề có tầm chiến lược quan trọng cho cả nước bảo đảm cho chúng ta hoàn thành tốt hai nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và thực hiện nghĩa vụ quốc tế của nhân dân

ta. Việc phân bố lại lực lượng lao động và dân cư trên quy mô lớn sẽ diễn ra liên tục nhiều năm tới trong mọi tình huống, tuân theo các tính chất của quy luật phân công mới lao động xã hội trong quá trình công nghiệp hóa. Việc này không chỉ đáp ứng những yêu cầu trước mắt về xây dựng, bảo vệ Tổ quốc mà còn hết sức cần thiết cho tương lai phát triển của Tổ quốc ta.

Bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta xác định một quy luật phát triển quan trọng của lịch sử Việt-nam: *dựng nước và giữ nước gắn bó chặt chẽ với nhau.*

Đất nước ta có tài nguyên phong phú, lại ở vào một vị trí chiến lược trọng yếu trên bờ biển Thái-bình-dương ở vùng Đông Nam Á. Từ xưa đến nay, không một thế lực bành trướng nào muốn làm bá chủ khu vực Đông Nam Á mà không có mưu đồ cướp nước ta, để biến nước ta thành một bàn đạp chiến lược, một căn cứ quân sự của chúng.

(1) Võ-Nguyên-Giáp: " Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới ". *Tạp chí Cộng sản*, số 5-1979, trang 17.

Chỉ tính từ kháng chiến chống Tần (thế kỷ III trước công nguyên) đến kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (cuối thế kỷ XX), trong vòng 23 thế kỷ, thời gian cầm vũ khí đánh giặc đã chiếm mất của dân tộc ta trên 12 thế kỷ. Từ thế kỷ III trước công nguyên đến thế kỷ XVIII, qua 20 thế kỷ đấu tranh chống nạn bành trướng của các triều đại phong kiến Trung-quốc, dân tộc ta đã chiến thắng mọi âm mưu xâm lược và đồng hóa của kẻ thù. Từ giữa thế kỷ XIX đến đại thắng mùa xuân năm 1975 và mùa xuân năm 1979, sau hơn một thế kỷ đấu tranh, dân tộc ta đã chiến thắng các cường quốc đế quốc chủ nghĩa, từ phát xít Nhật, thực dân Pháp, đến đế quốc Mỹ, bọn bành trướng bá quyền Trung-quốc. Rõ ràng, nạn ngoại xâm là một mối đe dọa có tính chất thường xuyên đối với đất nước ta và quá trình xây dựng trong hòa bình thật sự đã bị ngắt quãng bởi những cuộc chiến đấu chống ngoại xâm ác liệt.

Vì vậy, trong công cuộc lao động xây dựng đất nước, chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng chống lại các cuộc xâm lược và âm mưu nô dịch của địch đối với nước ta. Quy luật lịch sử đã tạo ra một cách đứng của Việt-nam trong lịch sử mà mãi mãi người Việt-nam chúng ta không được quên: *vừa dựng nước, vừa giữ nước, và phải luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chống ngoại xâm.*

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam (tháng 12-1976) đã nêu rõ: « Xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước. Đi đôi với việc xây dựng đất nước về mọi mặt, phải ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho đất nước sẵn sàng đánh bại mọi cuộc tiến công của bọn xâm lược. Phải kết hợp chặt chẽ nghĩa vụ lao động với nghĩa vụ quân sự để vừa

đầy mạnh xây dựng kinh tế vừa bảo đảm củng cố quốc phòng một cách vững chắc » (2).

Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: « Nhiệm vụ xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh của chúng ta có lực lượng thường trực mạnh và lực lượng hậu bị rộng rãi được huấn luyện tốt; có quân đội nhân dân chính quy, hiện đại gồm các quân chủng, binh chủng cần thiết; có bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, có lực lượng dân quân du kích và dân quân tự vệ hùng hậu. Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc trên thế giới thì chúng ta còn phải chú ý đầy đủ hiện đại hóa lực lượng quốc phòng và khả năng phòng thủ của đất nước. Trong giai đoạn mới, các lực lượng vũ trang có hai nhiệm vụ: luôn luôn sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tích cực làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Trên tinh thần đó, phải thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự và chế độ quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế; phải ra sức phát triển công nghiệp quốc phòng » (3).

Việc phân bổ lại lực lượng lao động và dân cư nhằm thực hiện phân công lao động xã hội phải gắn chặt với yêu cầu tăng cường khả năng quốc phòng. *Phải « kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong việc phân bổ lực lượng lao động »*(4). Việc phân bổ lại lực lượng lao động và dân cư cần được tiến hành theo các hướng sau đây:

— Trong thế chiến lược vững chắc gắn bó ba nước Việt-nam, Lào, Cam-

(2),(3) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 25, 65.

(4) Báo cáo của Hội đồng Chính phủ tại kỳ họp thứ năm (tháng 5-1979) Quốc hội khóa sáu.

pu-chia, cần kết hợp việc bố trí các vùng chiến lược với các vùng kinh tế, điều phối sức lao động và dân cư xây dựng cơ sở sản xuất lương thực, khu công nghiệp, kết cấu hạ tầng...

Việc chuyển khoảng 10 triệu người trong những năm tới từ các vùng quá đông dân (trên 10 người sống trên một héc-ta) ở đồng bằng sông Hồng, các tỉnh miền Trung đến các vùng biên giới, hải đảo, vào đồng bằng sông Cửu-long, lên cao nguyên miền Trung, các vùng phía tây các tỉnh dọc Trường-sơn để mở rộng diện tích canh tác của nước ta lên gấp đôi so với hiện nay và phát triển kinh tế, hình thành các tuyến chiến đấu tại chỗ, tạo các vùng hậu cứ trực tiếp cho chiến trường khi có chiến tranh, hình thành hậu phương vững mạnh của nước ta gắn liền với hậu phương của các nước anh em Lào - Cam-pu-chia.

- Quy hoạch toàn diện lực lượng sản xuất và phân bố dân cư như: sắp xếp lại mạng lưới các đô thị, khu công nghiệp, bố trí lại các điểm dân cư ở nông thôn, hình thành các điểm định canh định cư mới cho đồng bào du canh, du cư, phân bố lại và phát triển mạng lưới giao thông vận tải, xây dựng cho cả nước ta một hệ thống chiến lược kinh tế và quốc phòng vững mạnh, có tính đến quan hệ hợp tác với hai nước anh em Lào, Cam-pu-chia, bảo đảm đánh thắng bất cứ loại chiến tranh nào với các quy mô khác nhau có thể xảy ra.

Quy hoạch phân bố sản xuất và dân cư này sẽ được thường xuyên điều chỉnh cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và nhận thức mới về quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng vũ trang với ba thứ quân bao gồm bộ đội chủ lực tinh nhuệ được trang bị những vũ khí hiện đại nhất, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

Lực lượng bộ đội chủ lực sẽ có số quân đủ sức cần thiết cho chiến đấu, có cân đối với khả năng kinh tế, đồng thời lại có lực lượng dự nhiệm được huấn luyện sẵn sàng, khi cần sẽ động viên để bổ sung trong thời hạn ngắn nhất.

Lực lượng dân quân tự vệ được huấn luyện quân sự ở trình độ cao và được tổ chức rộng rãi kết hợp với lao động sản xuất, bảo đảm vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

- Việc đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật từ cán bộ kỹ thuật đến công nhân lành nghề cũng cần được tiến hành theo hướng một mặt chú ý đến yêu cầu xây dựng kinh tế, xây dựng công nghiệp quốc phòng, phát triển khoa học kỹ thuật; mặt khác, bảo đảm được yêu cầu bổ sung cho lực lượng vũ trang một tỷ lệ ngày càng cao về lao động kỹ thuật để xây dựng các binh chủng kỹ thuật ở trình độ cao, đủ sức sử dụng các loại vũ khí hiện đại để đánh thắng mọi loại chiến tranh xâm lược của kẻ thù.

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc ta, kẻ thù bành trướng xâm lược phương Bắc luôn luôn âm mưu thôn tính và nô dịch nước ta. Tỏ tiền ta đã dựng nước và giữ nước trong thế hòa bình vũ trang và sẵn sàng đánh thắng mọi cuộc xâm lược.

Ngày nay và lâu dài về sau này, đối với những kinh nghiệm thường xuyên lặp lại của lịch sử ấy, nước ta không bao giờ được xem thường, và chúng ta phải luôn kế thừa những di sản về dựng nước, giữ nước của tổ tiên ta để tiếp tục phát triển lên trong hoàn cảnh mới.

Xưa kia, đương đầu với kẻ thù phương Bắc, trong điều kiện lịch sử trước đây, nước ta đất không rộng, người không đông, mà chúng ta đã có thể đương đầu và chiến thắng những kẻ thù xâm lược từ nhiều phía, kể cả những thế lực xâm lược hung

bạo nhất của thời đại. Tò tiên ta, những người từng «lao tâm khổ tri khi vận nước gian truân» nghĩ «giữ nước từ lúc chưa nguy», từng «lấy xưa nghiệm nay, xét suy mọi cơ hưng phế», đã rút kinh nghiệm tìm ra «những nguyên nhân thất đắc xưa nay», trên cơ sở đó, nắm được quy luật của việc chuẩn bị cho đất nước một cuộc chiến tranh chống xâm lược và định ra được kế sách giữ nước tối ưu ở mỗi thời đại. Kế sách đó ở mỗi hoàn cảnh lịch sử có khác nhau, nhưng chung quy lại là biết phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc, «khoan thứ sức dân», biết động viên tập hợp lực lượng của cả dân tộc trong sự nghiệp giữ nước, chống ngoại xâm.

Trong việc xây dựng lực lượng của ông cha ta trước đây, một mặt có lực lượng tinh nhuệ, vươn tới đỉnh cao của binh khí kỹ thuật thời đại bấy giờ, mặt khác, có kế hoạch xây dựng lực lượng vũ trang trong những người đang lao động sản xuất và có biện pháp động viên khi cần thiết, cho nên trong nhiều trường hợp, chỉ sau một thời gian ngắn, đã có một lực lượng đông đảo được chỉ huy giỏi, đánh bại được đội quân xâm lược đông đảo được trang bị binh khí kỹ thuật tốt của địch.

Đề có một lực lượng quân đội thường trực với số lượng cần thiết, đồng thời vẫn duy trì lực lượng lao động cho sản xuất nông nghiệp, ông cha ta đã thực hiện chính sách «ngụ binh ư nông» (tức là gửi binh ở nông nghiệp và nông thôn). Theo chính sách này các trai tráng đến tuổi thì phải làm nghĩa vụ quân sự; quân lính được chia ruộng đất công của làng, xã và luân phiên nhau về tham gia sản xuất nông nghiệp. Người lính vừa làm nghĩa vụ quân sự, vừa tham gia sản xuất nông nghiệp. Chính sách «ngụ binh ư nông» các thời Lý, Trần và Lê ở thế kỷ XI và XV, với những nhà chiến lược chính trị, quân sự kiệt

xuất như: Lý-Thường-Kiệt, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi... đã là một nhân tố quyết định thắng lợi trong những cuộc kháng chiến hiên hách chống ngoại xâm, đánh bại các đạo quân xâm lược to lớn của bọn phong kiến Trung-quốc.

Ngày nay đất nước ta đã khác xưa rất nhiều. Đất nước ta trải dài từ Lũng-cú thuộc tỉnh Hà-tuyên ở phía bắc đến tận mũi Cà-mâu của tỉnh Minh-hải ở phía nam, có biển Đông bao bọc, có sông lớn, núi cao, cùng với hai nước Cam-pu-chia và Lào đoàn kết chặt chẽ tạo thành một thế đứng mạnh mẽ trên bán đảo Đông-dương. Dân nước ta trên 50 triệu người cùng với các dân tộc anh em Cam-pu-chia và Lào, đã có thế mạnh khác xưa. Trên con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đến nay nước ta không còn là nước nông nghiệp lạc hậu như xưa kia với các thôn, xóm rời rạc, lẻ tẻ, mà đã bước đầu có công nghiệp với các đô thị, khu công nghiệp; nông thôn đã được tổ chức lại theo lối làm ăn tập thể với các khu vực dân cư đang được quy hoạch lại. Nước ta đang trên con đường trở thành một nước có cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại và quốc phòng vững mạnh. Nhân tố cực kỳ quan trọng quyết định mọi thắng lợi là nước ta có chế độ xã hội chủ nghĩa, có đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Chúng ta phải xây dựng đất nước đủ sức chống lại mọi hình thức nô dịch và thôn tính của nước ngoài có thể xảy ra qua các hình thức chủ yếu như: vũ trang xâm lược, xâm lược bằng kinh tế, và nô dịch bằng «chất xám». Vì vậy, việc phát triển mạnh mẽ nền kinh tế quốc dân không ngừng củng cố quốc phòng, tăng cường tiềm lực khoa học kỹ thuật với đội ngũ cán bộ nắm được tri thức khoa học kỹ thuật ở đỉnh cao của thời đại, là yêu cầu rất quan trọng để bảo đảm độc lập, tự do của dân tộc.

Việc phân bố lực lượng lao động phải bảo đảm xây dựng được nền quốc phòng toàn dân diện, hiện đại chống lại có hiệu quả mọi hình thức xâm lược.

Lực lượng vũ trang của chúng ta phải đủ sức đánh bại các lực lượng vũ trang xâm lược có số quân đông và được trang bị binh khí kỹ thuật hiện đại. Kế thừa kinh nghiệm lịch sử của dân tộc, chúng ta sẽ xây dựng và rèn luyện phần lớn lực lượng vũ trang của ta ngay trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp theo hướng kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, bên cạnh một bộ phận là bộ đội thường trực tinh nhuệ đủ sức đánh bại các loại chiến tranh ở bất cứ quy mô nào. Lực lượng ấy có một tỷ lệ lao động kỹ thuật cao có đủ trình độ sử dụng các binh khí kỹ thuật, và những chiến sĩ được rèn luyện tinh thông về nghệ thuật chiến đấu trong mọi tình huống và khi có điều kiện vẫn tham gia sản xuất góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

Mặt khác, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, tiến hành « vũ trang toàn dân », tổ chức tốt các lực lượng dự nhiệm và phân bố lại lao động, bố trí lại dân cư nhằm tạo được một thể chiến lược như Đại tướng Võ-Nguyên-Giáp đã viết: « thể chiến lược của ta phải là thể chiến lược của toàn dân, của cả nước, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt sẵn sàng đứng lên bảo vệ đất nước từ biên giới, đất liền đến hải đảo và thềm lục địa. Kể thù đụng đến bất cứ nơi nào của Tổ quốc ta, trên không, dưới đất, hay ngoài biển, thì nhất định chúng sẽ bị trừng trị đích đáng.

Để tạo nên một thể chiến lược như vậy, cùng với việc động viên và tổ chức toàn dân làm nghĩa vụ quốc phòng, tăng cường lực lượng vũ trang, lợi dụng và cải tạo thiên nhiên..., chúng ta phải giải quyết tốt vấn đề bố cục chiến lược của nền quốc phòng kết hợp với bố cục chiến lược của

nền kinh tế. Phân bố lại lực lượng lao động, có kế hoạch từng bước động viên nhân dân lên miền núi và xuống ven biển, mở mang các vùng kinh tế mới, là hết sức cần thiết để xây dựng các khu vực chiến lược mạnh cả về kinh tế và quốc phòng » (5).

Trong tình hình hiện nay, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự hết hợp với chế độ nghĩa vụ lao động, sắp xếp tốt lực lượng lao động sản xuất, đẩy mạnh sản xuất và xây dựng trong mọi tình huống đồng thời tăng cường lực lượng chiến đấu, là một yêu cầu lớn đặt ra trong tất cả các ngành, các địa phương, các cơ sở, nhất là trên địa bàn huyện, trong các hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp... các xí nghiệp, công trường.

Đất nước ta sẽ dành tỷ lệ cần thiết và yêu cầu phải sử dụng có hiệu quả nhất lực lượng lao động ưu tú cho quốc phòng. Ở từng địa phương, từng cơ sở, phải tiến hành việc phân bố lực lượng lao động cho sản xuất và chiến đấu, có kế hoạch bố trí linh hoạt và cơ động để nhanh chóng huy động thêm lực lượng lao động, các phương tiện vật chất cần thiết đồng thời bảo đảm có cán bộ kỹ thuật, công nhân thạo nghề, cán bộ quản lý chốt ở hợp tác xã, ở vùng phong trào còn yếu, và lao động xuất sắc để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất xây dựng kinh tế, củng cố phong trào quần chúng, xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu tại chỗ.

Tất cả các cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật còn ở độ tuổi nghĩa vụ quân sự đang công tác, sản xuất và xây dựng đều được huấn luyện về quân sự và cần có người dự bị thay thế để có thể sẵn sàng sung vào các binh chủng kỹ thuật mà không ảnh hưởng gì đến công tác, sản xuất và xây dựng.

Cần nâng cao năng lực tác chiến và hiệp đồng trong chiến tranh hiện

(5) Tạp chí Học tập, số 5-1976, trang 39.

đại của dân quân tự vệ bằng cách đào tạo sĩ quan và hạ sĩ quan cho dân quân tự vệ.

Để việc phân bố lực lượng lao động cho sản xuất và chiến đấu được hợp lý, « cần xác định tỷ lệ hợp lý giữa quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, giữa các binh chủng và quân chủng của quân đội nhân dân. « Cần xác định tỷ lệ hợp lý giữa lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị, có kế hoạch động viên và mở rộng quân đội trong từng tình huống, có kế hoạch trang bị và bảo đảm hậu cần, bảo đảm kỹ thuật cho lực lượng vũ trang » (6). Ở mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi đơn vị cơ sở, xí nghiệp, hợp tác xã... cần xây dựng lực lượng vũ trang dự nhiệm theo các phương án sắp xếp lực lượng lao động bảo đảm được sản xuất, công tác của ngành, địa phương, đơn vị và bảo đảm được yêu cầu động viên của Nhà nước bổ sung cho bộ đội thường trực trong mọi tình huống.

Phải tăng cường bộ đội thường trực theo nguyên tắc tuyển quân đúng đối tượng, đúng kế hoạch Nhà nước, đồng thời phải hết sức coi trọng việc bảo đảm số lao động cần thiết cho sản xuất theo đúng chủ trương của Đảng: « vừa mạnh về kinh tế vừa mạnh về quốc phòng, mạnh về kinh tế để mạnh về quốc phòng và mạnh về quốc phòng để bảo vệ Tổ quốc. bảo vệ công cuộc xây dựng kinh tế ».

Trong quân đội, cần hết sức tiết kiệm về chi tiêu, về sử dụng nhân lực, Lực lượng lao động phục vụ cho quốc phòng như làm phòng tuyến

xây dựng các công sự chiến đấu... Phải được sử dụng với hiệu suất cao theo một phương án chu đáo, một kế hoạch cụ thể và có định mức chặt chẽ, tránh làm ô ạt, có tính chất hình thức lãng phí.

Khi chưa có chiến sự hoặc ở nơi chiến sự chưa lan đến, tất cả các lực lượng vũ trang đều phải làm kinh tế, góp phần tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Các đơn vị quân đội, kể cả các đơn vị nhỏ, đều cần kết hợp với địa phương hoặc có kế hoạch riêng nhằm những mục tiêu thiết thực, có điều tra nghiên cứu kỹ, có phương án kinh tế, kỹ thuật cụ thể để tham gia xây dựng kinh tế, và phải coi trọng hiệu quả kinh tế.

Làm được như vậy, các lực lượng vũ trang sẽ góp phần tăng cường lực lượng kinh tế, làm cơ sở vững mạnh cho quốc phòng.

Trong tình hình mới của đất nước, hưởng ứng Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Nhà nước, với việc tăng cường quản lý kinh tế, tăng năng suất lao động trong sản xuất, xây dựng với việc phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở khắp các đơn vị cơ sở, với việc phân bố và sắp xếp tốt lực lượng lao động cho sản xuất và chiến đấu, chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(6) Báo cáo của Hội đồng Chính phủ tại kỳ họp thứ năm (tháng 5-1979) Quốc hội khóa sáu.

Phong trào thi đua với hợp tác xã

Định-công ở tỉnh Thanh-hóa

LÊ-THẾ-SƠN

NHỮNG năm trước đây, Thanh-hóa có nhiều điển hình tiên tiến trong nông nghiệp. Song nhiều kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến không được áp dụng rộng rãi. Số hợp tác xã trung bình và yếu kém chưa có chuyển biến đáng kể, có nơi này sinh tiêu cực, luân quần trong vòng khó khăn kéo dài. Tình trạng đó làm cho phong trào sản xuất nông nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp dậm chân tại chỗ.

Năm 1977, Tỉnh ủy Thanh-hóa đã nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm của hợp tác xã Định-công và một số hợp tác xã tiên tiến khác trong tỉnh. Từ việc tổng kết kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến, xây dựng mô hình tiên tiến, tỉnh chúng tôi phát động phong trào thi đua, « Định-công hóa » các hợp tác xã trong toàn tỉnh.

Đến nay, phong trào thi đua với hợp tác xã Định-công đã và đang có bước phát triển mới. Nét nổi bật của phong trào là ý thức làm chủ tập thể của quần chúng được phát huy và đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Phong trào đã có tác dụng thúc đẩy các hợp tác xã nông nghiệp mở rộng sản xuất, tăng cường công tác

quản lý, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Nhiều nhân tố mới về mở thêm diện tích canh tác, tăng diện tích gieo trồng, phát triển màu và làm vụ đông, phát triển chăn nuôi tập thể và chăn nuôi gia đình xã viên, mở mang nghề thủ công, tổ chức đời sống... đã xuất hiện, không chỉ ở những hợp tác xã khá, mà đã lan rộng ra các hợp tác xã trung bình và hợp tác xã lâu nay vốn yếu kém.

Phong trào thi đua với hợp tác xã Định-công còn được gắn với các phong trào thi đua khác trong tỉnh, như phong trào tổ chức công trường thủ công làm thủy lợi trên địa bàn tỉnh và huyện, phong trào công nghiệp phục vụ nông nghiệp, phong trào xây dựng con người mới làm chủ tập thể, v.v. Do đó phong trào lao động sản xuất và tổ chức đời sống trong tỉnh ngày càng phát triển rộng và chắc.

Phong trào thi đua làm theo điển hình tiên tiến đã thể hiện rõ tính cách mạng và tính quần chúng, đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực cho các hoạt động sản xuất, xây dựng, tổ chức đời sống và quản lý xã hội trong tỉnh.

Có được những bước phát triển mới của phong trào như trên chính là do tỉnh chúng tôi đã chú ý lựa chọn, tổng kết điển hình tiên tiến, đồng thời tổ chức, phát động phong trào thi đua một cách liên tục, rộng khắp.

PHÁT TRIỂN ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN VÀ TỔNG KẾT TỐT NHỮNG KINH NGHIỆM CỦA NÓ

Định-công là một hợp tác xã được xây dựng từ một hoàn cảnh nghèo nàn, lạc hậu như nhiều hợp tác xã trong tỉnh. Từ sáu khi hợp nhất thành hợp tác xã toàn xã (1970), Định-công đã tạo được những chuyển biến có tính chất toàn diện cả về sản xuất, xây dựng và tổ chức đời sống. Năm 1977 Định-công đạt gần 9 tấn thóc một héc-ta, 3,5 con lợn một héc-ta gieo trồng; các ngành nghề chiếm tỷ trọng 23,75% thu nhập của hợp tác xã. Lao động bước đầu được tổ chức lại theo hướng chuyên môn hóa. Năng suất lao động hằng năm tăng 14,7%.

Do sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện một bước đáng kể. Đi đôi với việc cải thiện đời sống vật chất, sinh hoạt văn hóa, tinh thần cũng đổi mới rõ rệt. Người lao động có việc làm. Trẻ em được chăm sóc, học hành trong các nhà trẻ, lớp mẫu giáo và trường phổ thông. Người tàn tật, già cả, neo đơn được hợp tác xã giúp đỡ. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, y tế, thông tin truyền thanh phát triển tốt.

Hợp tác xã đã thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời bảo đảm cho mọi người được hưởng phúc lợi xã hội, vừa chăm lo lợi ích của nông dân, tăng tích lũy cho hợp tác xã để mở rộng sản xuất, vừa làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Hợp tác xã Định-công tuy còn có một số nhược điểm, nhưng ở đây đã

xuất hiện những điều kiện của một mô hình tiên tiến toàn diện, có sức thuyết phục, hướng các hợp tác xã trong tỉnh vào việc học tập và làm theo điển hình tiên tiến.

Một là, đến nay Định-công đã bước đầu vượt ra khỏi vòng luẩn quẩn của sản xuất nhỏ ở một vùng đồng chiêm trũng, đã tổ chức lại nền kinh tế của mình với một cơ cấu hợp lý, có chuyên môn hóa và hiệp tác hóa, có trồng trọt và chăn nuôi, có nông nghiệp và thủ công nghiệp, có kinh tế và văn hóa phát triển hài hòa. Cơ cấu sản xuất này thật sự đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất ngày càng mở rộng, vượt qua những thử thách của thiên tai, bảo đảm sản xuất và đời sống ngày càng tăng.

Hai là, trong quá trình đi lên, Định-công đã thực hiện sự kết hợp giữa hoàn thiện quan hệ sản xuất mới với tăng cường lực lượng sản xuất, giữa xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật với việc cải thiện từng bước đời sống xã viên, giữa phát huy tinh thần tự lực tự cường với sự giúp đỡ của Nhà nước, của các ngành kinh tế ở huyện và tỉnh, giữa nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của đảng bộ với việc phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng xã viên... Tất cả những việc làm đó tạo nên sức mạnh tổng hợp để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, nhằm xây dựng nền kinh tế mới, chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền văn hóa mới ở nông thôn. Hợp tác xã đã biết tìm mọi biện pháp để khai thác tiềm lực về ruộng đất và lao động của mình, đồng thời tích cực tiếp thụ sự tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp để phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động, vừa khuyến khích người lao động, vừa tăng dần tích lũy, tăng phúc lợi tập thể. Từ đó động viên được quần chúng, làm cho quần chúng xã viên gắn bó với tập thể trong lao động sản xuất và xây dựng cuộc sống mới.

Ba là, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch và nhiệt tình với tập thể, làm hạt nhân lãnh đạo trong mọi phong trào quần chúng. Trên cơ sở thống nhất nhận thức về nhiệm vụ chính trị, đảng bộ Định-công đã tiến hành các biện pháp về củng cố tổ chức, nâng cao phẩm chất cách mạng, nâng cao trình độ chính trị và năng lực lãnh đạo, công tác của cán bộ, đảng viên.

Với sự đánh giá như trên, Tỉnh ủy chúng tôi đã chọn hợp tác xã Định-công làm điểm tổng kết, phân tích rút ra những bài học kinh nghiệm cơ bản và có tính phổ biến, phát động các hợp tác xã trong tỉnh học tập, phấn đấu đuổi kịp và vượt hợp tác xã Định-công.

Việc tổng kết kinh nghiệm của hợp tác xã Định-công là một quá trình tiến hành từ dưới lên, trước hết là từ sự thảo luận của đảng bộ và quần chúng xã viên của hợp tác xã Định-công, với sự tham gia ý kiến của các cơ quan thuộc các ngành chuyên môn cấp huyện và cấp tỉnh, đồng thời có ý kiến đóng góp của các cơ quan chỉ đạo và quản lý kinh tế và cán bộ nghiên cứu lý luận của trung ương. Cuối cùng là sự trực tiếp nghe báo cáo, xem xét tại chỗ, thảo luận và kết luận của tập thể Tỉnh ủy. Mặc dù trong quá trình nghiên cứu, thảo luận còn có những ý kiến khác nhau về những thành quả của hợp tác xã Định-công (còn có mặt đạt chưa cao), nhưng mọi người đều thừa nhận rằng hợp tác xã Định-công thật sự là mô hình tiên tiến toàn diện, có sức hấp dẫn, hơn hẳn các hợp tác xã khác về nhiều mặt cơ bản. Sự hấp dẫn của Định-công là ở chỗ có cơ cấu kinh tế hợp lý giữa trồng trọt (chủ yếu là lương thực), chăn nuôi (chủ yếu là chăn nuôi lợn) và ngành nghề (chủ yếu là gạch ngói), kết hợp được kinh tế với văn hóa, sản xuất với đời sống.

Quá trình tổng kết kinh nghiệm của Định-công còn được kết hợp với việc tổng kết từng mặt hoạt động của

các hợp tác xã tiên tiến khác, như thâm canh lúa của hợp tác xã Xuân-thành và Đông-hòa, chăn nuôi của hợp tác xã Định-tân, phát triển vụ đông của hợp tác xã Hoàng-hợp, thâm canh màu của hợp tác xã Phú-lộc, trồng rừng và trồng màu của hợp tác xã Diên-lư... Cách tổng kết này, một mặt làm rõ được giá trị điển hình toàn diện của hợp tác xã Định-công, mặt khác bổ sung thêm những mặt tiên tiến của các hợp tác xã khác, làm cho việc học tập và nhân điển hình tiên tiến được hoàn chỉnh hơn, phong phú hơn.

TỔ CHỨC THI ĐUA VỚI ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Việc tổ chức thi đua với điển hình tiên tiến, học tập điển hình tiên tiến đòi hỏi phải chuẩn bị những điều kiện, những yếu tố tinh thần và vật chất, bảo đảm cho những kinh nghiệm tiên tiến đi sâu vào quần chúng, biến thành những hành động cách mạng cụ thể đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực. Phong trào « Định-công hóa » thực chất là một phương pháp mở rộng điển hình tiên tiến. Phong trào ấy chỉ trong một thời gian ngắn đã phát triển rộng rãi.

Trước hết, chúng tôi tổ chức giới thiệu, thảo luận những kinh nghiệm của điển hình theo một hệ thống từ trên xuống dưới. Tập thể Tỉnh ủy đích thân nghiên cứu đề tạo ra sự nhất trí ngay từ đầu. Sự nhất trí của Tỉnh ủy tạo ra sức mạnh cho việc tổ chức phát động phong trào học tập và làm theo điển hình tiên tiến. Ngoài ra, còn có sự phối hợp vận dụng các hình thức tuyên truyền cổ động trên báo chí, đài phát thanh, hướng dẫn tham quan..., làm cho mọi ngành, mọi hợp tác xã thấy rõ giá trị cơ bản của điển hình, tạo ra sự nhất trí cao từ tỉnh đến cơ sở, từ cấp ủy đến cán bộ, đảng viên, thu hút mọi người suy nghĩ về những kinh

những kinh nghiệm của điển hình. Từ đó đi tới nhất trí với kinh nghiệm của điển hình, công nhận điển hình, quyết tâm học tập và thi đua với điển hình tiên tiến.

Trên cơ sở nhất trí và công nhận kinh nghiệm của điển hình, các hợp tác xã khác trong tỉnh có thể vận dụng các kinh nghiệm tiên tiến đó phù hợp với điều kiện cụ thể của mình để nhanh chóng vươn lên đạt và vượt điển hình tiên tiến.

Hai là, phân loại các hợp tác xã trong huyện theo những tiêu chuẩn kinh tế nhất định để hướng dẫn, giúp đỡ từng loại hợp tác xã có kế hoạch phấn đấu cụ thể, nhằm phát huy những tiềm năng sẵn có tăng năng suất lao động, tăng nhanh sản lượng lương thực thực phẩm, từng bước cải thiện đời sống xã viên, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và tăng nhanh sản phẩm bán cho Nhà nước. Việc phân loại hợp tác xã có thể theo bốn tiêu chuẩn: 1) Phân loại theo diện tích canh tác bình quân đầu người trong hợp tác xã, nhằm giúp các hợp tác xã sử dụng tốt đất đai và sức lao động. 2) Phân loại theo giá trị tổng sản lượng và giá trị thu nhập mỗi bình quân của một lao động (quy). Đây là một chỉ tiêu về năng suất lao động có quan hệ đến việc giải quyết mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng trong hợp tác xã. 3) Phân loại theo sản lượng lương thực bình quân đầu người làm ra trong năm, để giải quyết nhu cầu ăn của xã viên, dành một phần cho chăn nuôi, và bán lương thực hàng hóa cho Nhà nước. 4) Phân loại theo sản lượng thịt sản xuất trong năm, để giải quyết mối quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa nhu cầu về thịt tiêu dùng cho xã viên và thực phẩm bán cho Nhà nước.

Các tiêu chuẩn về giá trị sản lượng bình quân lao động, sản lượng lương thực bình quân đầu người, sản lượng thịt lợn bình quân trên mỗi đơn vị

diện tích canh tác là những mục tiêu kinh tế cần đạt và vượt trong cuộc thi đua với hợp tác xã tiên tiến. Thực tế của các hợp tác xã tiên tiến cho thấy rằng một lao động (quy) trong năm phải đạt được từ 900 đến 1000 đồng trở lên, mới giải đáp được nhu cầu cần thiết của xã viên và có tích lũy cho hợp tác xã. Lương thực tính theo đầu người phải đạt từ 450 đến 500 kg trở lên, mới ổn định được mức ăn của xã viên, mở rộng chăn nuôi và có sản phẩm lương thực hàng hóa cung cấp cho Nhà nước. Hợp tác xã Định công, với 938m² diện tích canh tác/1 nhân khẩu, năm 1977 đạt 534 kg lương thực/1 nhân khẩu, và 1319đ về giá trị tổng sản lượng/1 lao động (quy).

Từ việc phân loại hợp tác xã để đầu tư tư liệu sản xuất có trọng điểm, các ngành cấp trên cần giao hẳn vật tư cho huyện để huyện chủ động tác động vào từng loại hợp tác xã.

Ba là, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý từ huyện đến hợp tác xã về các bài học của điển hình tiên tiến là vấn đề có tầm quan trọng quyết định đối với việc mở rộng điển hình ra các hợp tác xã trong toàn tỉnh. Cán bộ đi học kinh nghiệm của điển hình tiên tiến được quần chúng lựa chọn. Yêu cầu bồi dưỡng cho cán bộ là làm cho họ nắm chắc những quan điểm cơ bản của Đảng về phát triển sản xuất nông nghiệp. Từ đó, đi sâu nghiên cứu những kinh nghiệm của điển hình tiên tiến, đặc biệt là những kinh nghiệm về tổ chức lại sản xuất, và đi sâu vào các mặt tổ chức quản lý, sử dụng đất đai, sức lao động và hiệu quả kinh tế. Bồi dưỡng thêm cho cán bộ những kiến thức về nghiệp vụ quản lý, về các biện pháp kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, giúp họ hiểu rõ và nắm vững chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa tổ chức Đảng ở cơ sở với hợp tác xã, đặc biệt là giúp họ

phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên. Thông qua đội ngũ cán bộ đã được bồi dưỡng mà bồi dưỡng cho đông đảo cán bộ, đảng viên, xã viên về những kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến, lựa chọn những mục tiêu, những việc làm và có biện pháp động viên xã viên thực hiện (kết hợp với tổ chức cho các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến cơ sở học tập và làm theo điển hình tiên tiến), đem lại hiệu quả từ không toàn diện đến toàn diện để trở thành hợp tác xã tiên tiến.

Bốn là, huy động các ngành của tỉnh, huyện phục vụ việc mở rộng điển hình tiên tiến. Những việc làm của hợp tác xã đều liên quan tới những vấn đề thuộc về các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Vì vậy muốn mở rộng điển hình tiên tiến, một điều không thể thiếu được là phải cải tiến công tác quản lý của các ngành, các cấp.

Năm là, cần nâng cao không ngừng

điển hình tiên tiến để cho bản thân điển hình tiếp tục phát huy vai trò «ngọn cờ» trong phong trào thi đua. Chúng tôi đã giúp cho hợp tác xã Định-công đưa những mặt chưa thật mạnh tiến lên, như: chăm lo công tác xây dựng Đảng, bồi dưỡng cán bộ, giúp đỡ giải quyết về quy trình kỹ thuật chăn nuôi lợn, tăng thêm thiết bị cho nghề làm ngói, giúp đỡ hoàn thiện nền nếp quản lý của hợp tác xã, tạo điều kiện mở rộng diện tích canh tác, v.v. Chính do những việc làm cụ thể đó mà phong trào lao động sản xuất ở Định-công càng sôi nổi hơn lên, xã viên thêm phấn khởi, đảng bộ và cán bộ càng đề cao trách nhiệm trong công tác. Và trong phong trào thi đua, chính «ngọn cờ» tiên tiến cũng tích cực thi đua, những nhân tố mới lại xuất hiện thêm trong bản thân điển hình. Do đó điển hình không chỉ là «ngọn cờ» nêu làm hình mẫu mà chính «ngọn cờ» cũng nằm trong phong trào thi đua.

Hà-bắc chuyển hướng công tác lãnh đạo và chỉ đạo

NGUYỄN-VĂN-NOÂN

TỪ sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Đại hội đại biểu lần thứ IV của đảng bộ tỉnh Hà-bắc, nhân dân các dân tộc tỉnh chúng tôi đã có những cố gắng lớn trên các mặt phát triển sản xuất, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước và bảo đảm đời sống của mình.

Về nông nghiệp, mặc dù có nhiều khó khăn về thời tiết, thiếu vật tư, phân bón, nhiều lao động trẻ khỏe được điều đi nơi khác, trong hai năm 1977 — 1978, Hà-bắc đều vượt chỉ tiêu kế hoạch về diện tích gieo trồng. Năm 1977 vượt 2,8%, tăng 10,6% so với năm 1976. Năm 1978 vượt 0,3%, tăng 9,3% so với năm 1977. Đặc biệt, diện tích màu năm 1977 vượt 1,9% kế hoạch, năm 1978 tăng 31,3% so với năm 1977. Diện tích trồng sản năm 1977 tăng 4 lần so với năm 1976, năm 1978 tăng hơn 5 lần so với năm 1976. Phong trào thâm canh có chuyển biến khá, nhất là phong trào làm thủy lợi, cải tạo đất. Nhiều điển hình tiên tiến về thâm canh đã xuất hiện như hợp tác xã Cảnh-thuy, hợp tác xã Tân-hồng, hợp tác xã Tân-cầu, hợp tác xã Quý-sơn... Một số mặt tiêu cực trong công tác

quản lý giảm đi rõ rệt. Những hiện tượng khoán màu cho hộ, ăn chia theo đội, tham ô lợi dụng, lấn chiếm ruộng đất, về cơ bản đã được khắc phục. Do có những cố gắng đó, tổng sản lượng lương thực năm 1978 đạt 498 nghìn tấn, tăng 88 nghìn tấn so với năm 1977 và 72 nghìn tấn so với năm 1976 là năm được mùa lớn. Đặc biệt, sản lượng màu tăng nhanh, từ 13,7% (năm 1976) tăng lên 24,2% (năm 1978) trong tổng sản lượng lương thực, vượt chỉ tiêu Đại hội đảng bộ tỉnh đề ra 2,2%.

Các mặt công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, lưu thông phân phối... đều có tiến bộ và bước đầu thu được những kết quả đáng phấn khởi.

Do có những tiến bộ về sản xuất, cho nên nhìn chung, đời sống của nhân dân trong tỉnh được ổn định và có vùng, có mặt được cải thiện hơn trước. Khối lượng hàng hóa làm nghĩa vụ đối với Nhà nước ngày càng tăng. Năm 1978 Hà-bắc làm nghĩa vụ lương thực đạt 103% kế hoạch, thực phẩm đạt 110% kế hoạch (riêng thịt trâu đạt 130%), tổng giá trị hàng xuất khẩu đạt 102,2% kế hoạch.

Giữa lúc đảng bộ và nhân dân Hà-bắc đang ra sức phấn đấu phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế với quyết tâm và khí thế mới theo Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng thì bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh giờ nhiều thủ đoạn xấu xa, trắng trợn phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chúng tôi chủ trương, một mặt phải khắc phục mọi khó khăn, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, xây dựng kinh tế, đưa nhịp độ phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế tiến lên một bước mới; mặt khác, tích cực củng cố quốc phòng, chuẩn bị mọi mặt đề sẵn sàng đối phó với những hành động quân sự liều lĩnh của phía Trung-quốc. Khắp các địa phương trong tỉnh đã dấy lên phong trào thi đua sôi nổi đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu. Vì vậy khi tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta ngày 17-2-1979, trên nhiều mặt, tỉnh Hà-bắc chúng tôi đã ở tư thế sẵn sàng. Chúng tôi đã nhanh chóng huy động ra mặt trận Lạng-son, Cao-bằng một số đơn vị chiến đấu đề tăng cường cho tỉnh bạn, đã thu mua thêm ngoài kế hoạch 1.900 tấn lương thực, giao nộp vượt mức kế hoạch 40% về thịt lợn, 32% về thịt trâu bò đề phục vụ kịp thời nhu cầu đột xuất. Các ngành giao thông vận tải, thương nghiệp, bưu điện, y tế... đã khẩn trương triển khai kế hoạch phục vụ chiến đấu ở tiền tuyến và phục vụ sẵn sàng chiến đấu ở địa phương. Hà-bắc cũng đã tổ chức đón tiếp và chăm sóc thương binh, sắp xếp và giúp đỡ đồng bào ở biên giới sơ tán.

Mặc dù còn có những thiếu sót, chúng tôi đã cố gắng góp phần nhỏ mọn của mình vào cuộc chiến đấu chung của nhân dân ta chống Trung-quốc xâm lược.



Vấn đề hết sức quan trọng đặt ra với tỉnh chúng tôi lúc này là *chuyển hướng một cách mạnh mẽ và cơ bản toàn bộ công tác lãnh đạo và chỉ đạo* cho phù hợp với tình hình mới, đáp ứng một cách tích cực nhất những yêu cầu của thời kỳ mới. Sự chuyển hướng ấy phải quán triệt tinh thần vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, thực hiện nghiêm chỉnh Lời kêu gọi của Ban chấp hành trung ương Đảng và lệnh tổng động viên của Nhà nước. Chúng tôi biết rằng, tỉnh Hà-bắc ở vào một vị trí chiến lược quan trọng, vừa là hậu phương trực tiếp của các tỉnh biên giới, vừa là một « cửa ngõ » của thủ đô, một « lá chắn » của các tỉnh đồng bằng Bắc-bộ. Ngày xưa, trong lịch sử chống bọn phong kiến phương Bắc, nơi đây đã từng diễn ra những trận quyết chiến chiến lược như trận Như-nguyệt, Xương-giang,... và đã từng là mồ chôn hàng mấy vạn quân xâm lược. Nhân dân Hà-bắc chúng tôi thường rất tự hào về xứ sở Kinh-bắc ngàn năm văn vật của mình, tự hào về quê hương quan họ, về truyền thống Như-nguyệt, Xương-giang, về chiến khu Yên-thế chống Pháp của Hoàng-Hoa-Thám, tự hào về các đồng chí Ngô-Gia-Tự và Nguyễn-Văn-Cừ, những chiến sĩ cộng sản nổi tiếng kiên cường, là người cùng quê hương mình. Vì vậy, chúng tôi càng động viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình, phát huy truyền thống vẻ vang của Hà-bắc, sẵn sàng đánh thắng quân Trung-quốc xâm lược trong bất cứ tình huống chiến tranh nào.

Về tổ chức hành động, chúng tôi đã có kế hoạch chuyển nhanh sang phương hướng *vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu*, kết hợp chặt chẽ yêu cầu sản xuất với yêu cầu chiến đấu. Chúng tôi biết rằng thế mạnh của Hà-bắc chúng tôi là sản xuất lương thực và thực phẩm, trong tình

tình mới này, chúng tôi càng phải phát huy thế mạnh của mình để tạo điều kiện bảo đảm đời sống của nhân dân trong tỉnh, chuẩn bị tốt hậu cần tại chỗ và đáp ứng yêu cầu chung của đất nước. Chúng tôi chủ trương phải kiên quyết mở rộng diện tích trồng cây lương thực (hết sức coi trọng màu, đặc biệt là sắn, ngô, và khoai lang), mở rộng diện tích vụ đông, đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính, đồng thời tích cực làm phân bón, cải tạo đồng ruộng, hoàn chỉnh thủy nông, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng và phát triển chăn nuôi, nhằm tăng nhanh khối lượng lương thực và thực phẩm. Chúng tôi đặc biệt coi trọng việc củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất kết hợp với cải tiến quản lý, trước hết là tổ chức quản lý lao động, coi đây là vấn đề cực kỳ quan trọng để bảo đảm vừa đẩy mạnh sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu. Bởi vì có làm tốt vấn đề này thì mới rút được lao động trong nông nghiệp đi làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, mới thực hiện được yêu cầu mỗi đơn vị sản xuất đồng thời là một đơn vị chiến đấu, và mới có điều kiện để làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước và chi viện tiền tuyến. Ở Hà-bắc, trong nhiều năm trước đây, công tác củng cố hợp tác xã, cải tiến quản lý có những mặt tiêu cực và trì trệ, chúng tôi muốn nhân dịp này, kết hợp với yêu cầu của tình hình mới, đẩy công tác này tiến lên một bước mới. Với những suy nghĩ đó, chúng tôi đã và đang tăng cường chỉ đạo củng cố các hợp tác xã nông nghiệp kết hợp với tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý, chú ý giúp đỡ các hợp tác xã yếu kém vươn lên, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình tiên tiến. Ở các huyện miền núi, kết hợp việc giao đất giao rừng cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh với việc tổ chức lại sản xuất, sớm khắc phục những

hiện tượng tiêu cực trong công tác quản lý. Chúng tôi đã mở hội nghị tổng kết kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến trong tỉnh, phát động phong trào học tập và làm theo các hợp tác xã Vũ-thắng (Thái-bình) Định-công (Thanh-hóa), Cảnh-thụy (Hà-bắc). Đồng thời tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo từ tỉnh, huyện đến cơ sở về quản lý lao động, giúp cán bộ nâng cao kiến thức tổ chức, điều hành lao động sao cho hợp lý và đạt hiệu quả cao. Tỉnh và huyện đang chỉ đạo cụ thể việc quản lý lao động.

Các mặt sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, lưu thông phân phối, tài chính ngân hàng, văn hóa xã hội... đều được chuyển hướng cho phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất và kết hợp chặt chẽ với sản xuất, chúng tôi đã *khẩn trương củng cố và xây dựng lực lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tăng cường luyện tập quân sự, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu* theo tinh thần «quân sự hóa toàn dân», «mỗi bản làng, mỗi cơ quan, xí nghiệp là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ, cả tỉnh là một chiến trường diệt địch». Tất cả mọi người trong độ tuổi quy định đều được tổ chức vào dân quân tự vệ. Tất cả các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã, trường học, bệnh viện,... đều được tổ chức thành ba bộ phận: bộ phận trực tiếp chiến đấu, bộ phận phục vụ chiến đấu (cũng được tổ chức thành tiểu đội, trung đội, đại đội, có sinh hoạt thường xuyên, có chỉ huy chặt chẽ), và bộ phận bảo vệ, di chuyển tài liệu, tài sản, sơ tán các cụ già và trẻ em khi có lệnh. Hiện nay xã nào cũng có đại đội chiến đấu cơ động. Đội thủy lợi 202 đồng thời là đội chiến đấu cơ động. Thôn nào cũng có trung đội dân quân. Đội sản xuất nào cũng có lực lượng chiến đấu. Mỗi cụm sản xuất đồng thời là một cụm chiến đấu

liên hoàn. Trong các xí nghiệp, mỗi «ca» sản xuất có một đơn vị chiến đấu, vừa làm nhiệm vụ sản xuất vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Đến nay, lực lượng dân quân tự vệ đã chiếm 15% số dân trong toàn tỉnh, và đã được trang bị thêm nhiều vũ khí. Các đơn vị bộ đội địa phương của tỉnh và huyện được củng cố, tăng thêm số quân, lập thêm một số binh chủng mới. Các cơ quan quân sự tỉnh, huyện và nhiều xã được bổ sung lực lượng, tăng cường chất lượng, nhất là ở những địa bàn xung yếu. Các cơ quan này đã có kế hoạch nắm chắc và điều hành hoạt động của các lực lượng vũ trang, xây dựng và bổ sung các phương án chiến đấu và phục vụ chiến đấu; từ phương án đánh địch ban đêm, đánh địch ban ngày ở mọi hướng, mọi phía, ở từng tuyến, từng điểm, đến phương án dự trữ hậu cần, cất giấu lương thực, đạn dược, sơ tán dân, sơ tán vật tư, máy móc. Chúng tôi đã tổ chức tập dượt chiến đấu ở một số xã đề tất cả các xã trong tỉnh đến rút kinh nghiệm. Trong công tác chuẩn bị phục vụ chiến đấu, chúng tôi chú trọng bảo đảm hậu cần, xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, củng cố mạng lưới y tế xã kết hợp với việc thành lập, bồi dưỡng, huấn luyện các tổ, đội cứu thương, các đội phẫu thuật lưu động của huyện, tỉnh.

Với nhận thức sâu sắc rằng cuộc chiến đấu này là chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mọi người dân đều có trách nhiệm phải trụ bám kiên cường, đánh địch quyết liệt, giữ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi đã động viên nhân dân ra sức xây dựng và củng cố các phòng tuyến chiến đấu. Ở khắp các địa phương trong tỉnh đang đẩy lên phong trào huyện tập chiến đấu đi đôi với đào đắp công sự, xây dựng hầm hào, rào làng chiến đấu, biến mỗi làng thành một chiến lũy, mỗi góc phố thành một pháo đài, mỗi cụm sản xuất thành một cụm chiến đấu liên hoàn diệt

địch. Kết hợp chặt chẽ việc chuẩn bị đánh địch tại chỗ với việc chủ động ngăn chặn địch từ xa, chúng tôi còn đưa lực lượng đi xây dựng phòng tuyến chiến đấu ở biên giới. Ngay từ cuối năm 1978 chúng tôi đã đưa lên biên giới các đơn vị thanh niên làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế kết hợp với củng cố quốc phòng. Gần đây tỉnh chúng tôi lại huy động hàng vạn người đi làm công sự chiến đấu.

Về công tác giữ gìn trật tự an ninh, các cấp ủy Đảng đã có kế hoạch chỉ đạo tập trung, kiên quyết và chặt chẽ hơn trước. Khi cuộc chiến đấu ở biên giới phía bắc kết thúc. Tỉnh ủy đã mở hội nghị cán bộ lãnh đạo tỉnh và huyện đề rút kinh nghiệm và có những biện pháp tiếp tục tăng cường giữ gìn trật tự an ninh. Một mặt tiếp tục động viên nhân dân tham gia phong trào «Toàn dân thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc»; mặt khác ra sức củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng. Chúng tôi nhận thức rằng, muốn chặn đứng âm mưu phá hoại của địch, cần phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, kết hợp chặt chẽ việc xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh với việc thành lập các tổ an ninh nhân dân ở cơ sở, tạo thành một mạng lưới bảo vệ dày đặc và vững chắc trong nhân dân. Các cơ quan công an tỉnh và huyện chịu trách nhiệm trực tiếp về việc này, có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cán bộ và đưa cán bộ về giúp đỡ, tăng cường cho cơ sở. Tất cả các cơ sở, nhất là các cơ sở quan trọng đều phải rà soát lại đội ngũ của mình. Đồng thời phải chấp hành nghiêm túc các chế độ trực chiến, tuần tra, canh gác. Cho đến nay, việc thực hiện thông tri số 17 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về cuộc vận động toàn dân tham gia giữ gìn trật tự an ninh đã bước đầu thu được những kết quả tốt. Ở tất cả các xã và các đơn vị cần thiết đã thành lập xong tổ an ninh nhân dân, và về cơ bản đã làm sạch địa bàn.

Những hiện tượng trộm cắp giảm đi nhiều.

Cùng với việc chuyển hướng các mặt công tác nói trên, chúng tôi đã và đang ra sức củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là ở cơ sở, coi đây là vấn đề mấu chốt bảo đảm cho mọi thắng lợi. Trong hai năm 1977 — 1978, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của đảng bộ tỉnh, chúng tôi đã tổ chức một đợt học tập Điều lệ Đảng kết hợp với thực hiện Thông tri 22 của Ban bí thư Trung ương Đảng nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở của Đảng, tăng cường đoàn kết nội bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng. Đây là một cuộc vận động lớn về xây dựng Đảng ở tỉnh chúng tôi. Cuộc vận động này có tác dụng làm chuyển biến mạnh mẽ mọi công tác ở địa phương. Các tổ chức Đảng, nhất là tổ chức cơ sở đã được kiện toàn một bước. 72 đảng bộ xã và hàng trăm chi bộ hợp tác xã trước đây yếu kém nay đã được củng cố; hàng nghìn ban đảng ủy và chi ủy đã được kiện toàn. Số đảng bộ yếu kém từ 21,5% năm 1977 giảm xuống còn 14,5% năm 1978. Phát huy kết quả của cuộc vận động này, chúng tôi đang tiếp tục đi sâu giáo dục, rèn luyện đảng viên theo yêu cầu mọi cấp ủy và đảng viên phải triệt để tôn trọng và nghiêm túc thực hiện Điều lệ Đảng. Sau khi quân Trung-quốc xâm lược bị đánh bại, Tỉnh ủy Hà-bắc tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn đảng bộ để kiểm điểm rút kinh nghiệm nhằm củng cố tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Các cấp ủy Đảng và đảng viên đã liên hệ, tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc, cả về nhận thức lẫn hành động, biểu dương những đồng chí dũng cảm, kiên cường và xử trí đúng mức những người thoái hóa, bạc nhược. Ở tám huyện có 6.502 đảng

viên trước đây thuộc loại trung bình, qua đợt này đã trở thành đảng viên tích cực. Có 3.583 đảng viên được biểu dương về thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu, 336 người ưu tú được kết nạp vào Đảng. Trong đợt này Tỉnh ủy cũng đã bổ sung 20 đồng chí cho các ban huyện ủy, 315 đồng chí cho các đảng ủy cơ sở. Chúng tôi chú trọng tăng cường cán bộ cho cơ sở, trước hết là những cơ sở yếu kém và có vị trí kinh tế, quân sự quan trọng. Đến nay đã có hàng trăm cán bộ tỉnh và huyện được tăng cường cho cơ sở, bao gồm cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quân sự, cán bộ làm công tác vận động quần chúng. Các cấp, các ngành đã chú trọng cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng tác phong sâu sát, cụ thể, làm việc có chương trình, kế hoạch, có điều tra, nghiên cứu, có đơn đốc, kiểm tra, có sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, theo tác phong quân sự hóa. Các chế độ sinh hoạt Đảng, tự phê bình và phê bình, phân công, quản lý đảng viên... đang cố gắng đi dần vào nề nếp.

Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn cũng bước đầu có những chuyển biến tốt. Đoàn thanh niên có phong trào « Ba xung kích làm chủ tập thể », hàng hái tòng quân, tình nguyện đi chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đẩy mạnh sản xuất. Hội phụ nữ phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tích cực vận động chống con, anh em đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu, vận động chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội. Công đoàn đẩy mạnh thi đua sản xuất, cải tiến công tác, tích cực luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ cơ quan, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Thời gian qua, tỉnh chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong việc chuyển hướng các mặt công tác lãnh đạo và chỉ đạo cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Tuy nhiên, cho đến

(Xem tiếp trang 44)

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG Ở ĐẢNG BỘ NHÀ MÁY CƠ KHÍ YÊN-VIÊN

ĐẠM - MAI

NHÀ máy cơ khí Yên-viên thuộc Bộ Điện - than, trước đây là nhà máy ĐK 120, hình thành từ một xưởng sửa chữa làm nhiệm vụ sửa chữa ô tô và máy phát điện di-ê-đen. Mấy năm gần đây, nhà máy đảm nhận thêm nhiệm vụ chế tạo các phụ tùng sửa chữa máy khai thác mỏ, máy phát điện di-ê-đen... Hiện nay nhà máy có gần 600 cán bộ, công nhân, trong đó có 165 công nhân có tay nghề cao và gần 80 cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học và trung học kỹ thuật. Đảng bộ nhà máy có 115 đảng viên. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh của nhà máy có 230 đoàn viên.

Trước đây, trong nhiều năm liền, đảng bộ nhà máy hầu như không làm công tác phát triển Đảng (chỉ có một chi bộ kết nạp được một người lớp đảng viên Hồ-Chí-Minh năm 1971). Chỉ từ năm 1976 - 1977 lại đây, vấn đề phát triển Đảng mới được đảng bộ quan tâm. Năm 1977 có 6 người được kết nạp vào Đảng; năm 1978: 10 người; 5 tháng đầu năm 1979: 3 người. Công tác phát triển Đảng ở

đây đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đảng viên, kiện toàn tổ chức Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, thúc đẩy việc thực hiện mọi nhiệm vụ của nhà máy.

Dưới đây là một số kinh nghiệm của đảng bộ nhà máy cơ khí Yên-viên về công tác phát triển Đảng.

— *Nâng cao nhận thức về công tác phát triển Đảng trong đảng viên và trong quần chúng.*

Những năm 1975 - 1976, khi thực hiện chủ trương cải tiến quản lý xí nghiệp, đưa công tác quản lý vào nề nếp và tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ thì một vấn đề lớn đặt ra trước đảng bộ là: thiếu cán bộ, thiếu đảng viên. Trong đảng bộ, số đảng viên lớn tuổi chiếm tỷ lệ cao (tuổi đời bình quân của đảng viên là 41), không có một đảng viên nào dưới 30 tuổi. Tỷ lệ đảng viên ở khâu trực tiếp sản xuất thấp hơn tỷ lệ đảng viên ở các phòng, ban (năm 1976 tỷ lệ đảng viên trực tiếp sản xuất là 47%, gián tiếp là 53%). Nhiều tổ sản xuất chưa có hoặc có quá ít đảng viên. Số

đồng cán bộ chủ chốt ở cơ sở là người ngoài Đảng. Nhiều chủ trương, nghị quyết của cấp trên, của đảng bộ không được phổ biến kịp thời cho công nhân.

Tình trạng nói trên đặt ra trước các đồng chí lãnh đạo nhà máy nhiều khó khăn. Ai cũng thấy sờ sờ như vậy là do đã hàng chục năm đảng bộ nhà máy không quan tâm làm công tác phát triển Đảng và nếu tình hình này không được khắc phục thì chắc chắn sẽ còn ảnh hưởng xấu tới nhiều mặt công tác. Đảng ủy quyết định tổ chức đợt sinh hoạt chuyên đề về công tác phát triển Đảng trong đảng bộ. Trước hết, đảng ủy tự kiểm điểm về trách nhiệm của mình đối với công tác phát triển Đảng, phân tích tình hình, tìm nguyên nhân gây ra sự trì trệ ấy. Bản kiểm điểm của đảng ủy được đưa về các chi bộ để đảng viên thảo luận, liên hệ, bổ sung thêm những vấn đề cụ thể của từng chi bộ. Bản kiểm điểm ấy còn được đưa ra để các đoàn thể quần chúng thảo luận, góp ý kiến.

Qua thảo luận thì thấy: về *phía cấp ủy*, từ đảng ủy đến các chi ủy đều chưa quan tâm đến công tác phát triển Đảng, vừa không nắm được nguyện vọng của quần chúng, vừa không có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng quần chúng, chỉ ngồi chờ khi nào quần chúng có đủ điều kiện thì kết nạp. và cũng do đã lâu không làm công tác phát triển Đảng cho nên các chi bộ đều lúng túng, không nắm được những yêu cầu về thủ tục kết nạp người vào Đảng.

Về *phía đảng viên*, số đông không nắm được mục đích, yêu cầu của công tác phát triển Đảng; một số đảng viên có khuynh hướng cầu toàn, « tuyệt đối hóa » tiêu chuẩn kết nạp người vào đảng, thấy ai cũng không đủ tiêu chuẩn, có đảng viên thì sợ quần chúng vào Đảng rồi hơn mình, có đảng viên lại đánh giá thấp quần chúng, nhất là quần chúng thanh niên, cho là họ không muốn vào Đảng.

Về *phía quần chúng*, do không được giáo dục, bồi dưỡng cho nên ít hiểu biết về Đảng, không quan tâm đến công tác của chi bộ và đảng viên. Họ cho rằng việc kết nạp ai vào Đảng là công việc của đảng bộ, chi bộ. Hơn nữa, do thiếu sót của cấp ủy và đảng viên như trên cho nên quần chúng ngại ngần, không mạnh dạn đến với Đảng.

Qua phân tích tình hình thực tế, các đảng viên đều thấy rõ không thể kéo dài tình trạng trì trệ ấy được và xác định quyết tâm chăm lo công tác phát triển Đảng trong nhà máy.

Để nâng cao nhận thức cho đảng viên, đảng ủy tổ chức đề đảng viên nghiên cứu nắm được mục đích, yêu cầu, phương châm, phương pháp làm công tác phát triển Đảng, nắm vững tiêu chuẩn và những thủ tục kết nạp người vào Đảng... Từng thời gian, tổ chức rút kinh nghiệm về việc giáo dục, bồi dưỡng quần chúng của đảng viên và có kế hoạch chuẩn bị từng bước cho việc kết nạp người vào Đảng một cách cụ thể. Đảng ủy còn tổ chức sinh hoạt chuyên đề để giúp đảng viên có quan niệm đúng đắn trong việc đánh giá quần chúng, như tổ chức gặp mặt giữa những đảng viên có tuổi với thanh niên. Trong buổi sinh hoạt này, thanh niên báo cáo những kết quả của mình trong sản xuất, trong rèn luyện tay nghề, trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu và cả những mặt còn thiếu sót của mình đề nghị các đồng chí đảng viên hết lòng giúp đỡ. Những buổi gặp mặt ấy đã giúp đảng viên hiểu thanh niên đúng hơn, khắc phục được cách nhìn sai lệch như cho là thanh niên chỉ thích đua đòi, không chịu rèn luyện tay nghề, không muốn phấn đấu vươn lên; đồng thời cũng giúp cho các đảng viên thấy trách nhiệm của mình đối với việc dìu dắt thanh niên. Từ đó, nhiều đảng viên đã thật sự gần gũi, giúp đỡ thanh niên.

Đảng ủy còn coi trọng việc nâng cao nhận thức về Đảng cho quần chúng.

Thông qua các đoàn thể quần chúng như chi đoàn thanh niên, tổ chức công đoàn, các chi bộ bồi dưỡng cho quần chúng nhưng kiến thức về Đảng như mục đích, lý tưởng của Đảng, tư cách và nhiệm vụ của người đảng viên, những điều kiện và thủ tục kết nạp người vào Đảng... Trong thời gian này dài truyền thanh nhà máy thường xuyên nói về công tác phát triển Đảng, giải thích rõ những điều kiện kết nạp người vào Đảng, 5 nhiệm vụ của người đảng viên và giải đáp những thắc mắc của quần chúng về công tác phát triển Đảng. Từng quý hoặc qua từng phong trào thi đua, đảng ủy nhà máy còn tổ chức đề quần chúng góp ý kiến xây dựng chi bộ, đảng bộ và phê bình đảng viên. Do đó, quần chúng ngày càng quan tâm đến hoạt động của chi bộ và của đảng viên, càng thấy gần bó với Đảng và ý thức phấn đấu vào Đảng ngày càng rõ. Phong trào quần chúng tự nguyện viết đơn phấn đấu trở thành đảng viên sôi nổi hẳn lên. Chỉ trong một thời gian ngắn, đảng bộ nhận được 108 đơn xin vào Đảng. Ý thức chính trị của quần chúng được nâng lên rõ rệt. Đảng viên cũng hiểu quần chúng hơn và càng thấy rõ trách nhiệm của mình đối với công tác phát triển Đảng.

Đi đôi với việc giáo dục nâng cao nhận thức, đảng bộ nhà máy đã tiến hành các biện pháp sau đây:

— *Lập kế hoạch phát triển Đảng một cách cụ thể.*

Đảng bộ nhà máy cơ khí Yên-viên coi việc lập kế hoạch phát triển Đảng là biện pháp quan trọng đưa công tác phát triển Đảng từng bước vào nề nếp. Những năm 1975 — 1976, từ đảng ủy đến các chi ủy và đảng viên cũng đã nhận rõ tầm quan trọng của công tác phát triển Đảng, nhưng do chưa có kế hoạch cụ thể, và lại thiếu kiểm tra đôn đốc cho nên không đạt được kết quả gì. Mấy năm gần đây vấn đề phát triển Đảng được đưa vào kế hoạch công tác, trở thành nghị quyết

của chi bộ, cho nên các đồng chí chi ủy cũng như các đảng viên đều thấy có trách nhiệm phải tìm biện pháp thực hiện. Theo kinh nghiệm của đảng bộ nhà máy đây là yêu cầu quan trọng đầu tiên không những đề nâng cao trách nhiệm của chi bộ và các đảng viên mà còn đề bảo đảm cho công tác phát triển Đảng đạt được kết quả cụ thể. Đề chủ động ngăn ngừa những lệch lạc có thể xảy ra, đảng ủy còn chỉ rõ công tác phát triển Đảng phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng, không được hạ thấp tiêu chuẩn, chạy theo số lượng. Nơi nào dù kết nạp được nhiều người vào Đảng nhưng nếu có trường hợp không đủ tiêu chuẩn thì nơi đó vẫn chưa làm tốt công tác phát triển Đảng.

Đảng bộ nhà máy tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển Đảng từ dưới lên trên, từ chi bộ đến đảng bộ. Kế hoạch phát triển Đảng được xây dựng căn cứ vào *yêu cầu của nhiệm vụ chính trị* của nhà máy. Trước hết, đó là do yêu cầu phải có đủ đảng viên để bố trí vào các đơn vị sản xuất, các khâu then chốt, các ban chấp hành đoàn thể quần chúng để bảo đảm truyền đạt đúng đắn và chấp hành nghiêm túc, sáng tạo các quyết định của cấp trên và của lãnh đạo nhà máy. Mặt khác, còn phải suy tính cho kế hoạch những năm sắp tới, khi sản xuất được mở rộng và một số đảng viên tuổi cao sức yếu về hưu thì cần phải có một đội ngũ cán bộ, đảng viên như thế nào để đáp ứng yêu cầu của nhà máy. Mỗi chi bộ căn cứ vào yêu cầu đó và xem xét tình hình cụ thể ở đơn vị công tác của mình mà lập kế hoạch phát triển Đảng một cách cụ thể.

Kế hoạch phát triển Đảng còn được xây dựng trên cơ sở *xác định rõ những đối tượng* cần kết nạp vào Đảng. Đảng ủy vạch rõ yêu cầu của công tác phát triển Đảng là phải nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ; nâng cao hiệu lực quản

lý của nhà máy, củng cố và phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của nhà máy và làm trẻ đội ngũ đảng viên của đảng bộ. Từ yêu cầu đó, đảng bộ vạch rõ những đối tượng phát triển Đảng của đảng bộ nhà máy là những người ưu tú trong lao động sản xuất và công tác, chú trọng công nhân trực tiếp sản xuất và những cán bộ điều hành sản xuất, cán bộ các đoàn thể quần chúng, đặc biệt chú ý đoàn viên thanh niên, cán bộ khoa học kỹ thuật và những đơn vị chưa có đảng viên.

Việc lập kế hoạch phát triển Đảng còn căn cứ vào sự phân loại người ngoài Đảng. Thực hiện phân loại người ngoài Đảng là để nắm chắc các mặt mạnh, mặt yếu của người ngoài Đảng, bồi dưỡng giúp đỡ họ phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt tiêu cực, trên cơ sở đó mà lựa chọn những người ưu tú nhất để xét kết nạp vào Đảng. Từng chi bộ nắm vững người ngoài Đảng trong đơn vị mình, hiểu rõ từ việc làm đến tâm tư, nguyện vọng của họ để có kế hoạch bồi dưỡng, giáo dục thích hợp. Đối với những người hăng hái, nhiệt tình phấn đấu thi đua việc để thử thách, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, giúp họ xác định đúng động cơ vào Đảng. Với những người «trung bình chủ nghĩa», ý thức phấn đấu vào Đảng chưa rõ thì bồi dưỡng nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, lấy những gương tốt trong đơn vị để giáo dục, khuyến khích họ vươn lên. Trên cơ sở phân loại người ngoài Đảng, chi bộ phân công mỗi đảng viên phụ trách giúp đỡ một số người. Trong mỗi phong trào thi đua, các đoàn thể vạch rõ yêu cầu đối với từng loại người ngoài Đảng, kịp thời phát huy mặt tích cực của họ. Đối với số những người đã viết đơn xin vào Đảng, các chi bộ cũng

phân thành hai loại: loại có đủ điều kiện, có triển vọng kết nạp sớm và loại cần bồi dưỡng thêm và cần có thời gian thử thách lâu hơn.

Đề các chi bộ có căn cứ phân loại người ngoài Đảng một cách đúng đắn, đảng ủy và các chi ủy hướng dẫn chi đoàn thanh niên và các tổ công đoàn từng thời gian tổ chức sinh hoạt để các đoàn viên dựa trên sự phấn đấu rèn luyện của mỗi người mà nhận xét và góp ý kiến giúp đỡ nhau. Các chi bộ dựa vào đó, nắm chắc những người tiên tiến đã tích cực phấn đấu, có động cơ đúng đắn, đề bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng.

— *Tạo nguồn phát triển Đảng bằng cách đẩy mạnh các phong trào quần chúng.*

Một trong những nguyên nhân gây ra sự trì trệ trong công tác phát triển Đảng ở nhà máy cơ khí Yên-viên là các đảng viên có tư tưởng thụ động, chờ quần chúng tự phấn đấu vươn lên có đủ tiêu chuẩn thì kết nạp, chứ không biết tạo điều kiện cho quần chúng phấn đấu, rèn luyện.

Để khắc phục tình trạng đó, đảng bộ nhà máy chủ trương phải thông qua phong trào quần chúng chủ động tạo ra nhiều người ưu tú làm nguồn dự trữ dồi dào cho công tác phát triển Đảng. Quần chúng ưu tú chỉ có thể phát sinh, phát triển từ các phong trào thi đua hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Trên cơ sở vạch rõ nhiệm vụ chính trị của nhà máy, đảng ủy đã cùng với ban giám đốc và ban chấp hành các đoàn thể quần chúng phát động nhiều phong trào thi đua như phong trào «Mỗi người một sáng kiến hoặc áp dụng một sáng kiến», phong trào «làm được công việc của thợ bậc cao», phong trào «phá định mức cũ, xây dựng định mức mới tiên tiến», phong trào «quần chúng tự nguyện viết đơn phấn đấu trở thành đảng viên» v.v. Những phong trào thi đua này không những giúp nhà

máy giải quyết được nhiều khó khăn do thiếu vật tư, thiết bị, năng cao năng suất lao động mà còn nâng cao vai trò làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân, làm nảy sinh đông đảo những người lao động xuất sắc. Chính những phong trào thi đua này là nơi thử thách, rèn luyện quần chúng. Được bồi dưỡng, giáo dục tốt, những người tiên tiến trong các phong trào thi đua là nguồn bổ sung có chất lượng cho đội ngũ đảng viên của đảng bộ.

— *Lập tổ chuyên trách về công tác phát triển Đảng.*

Tổ chuyên trách về công tác phát triển Đảng của đảng bộ do một đảng ủy viên làm tổ trưởng và mỗi chi bộ cử một chi ủy viên làm tổ viên. Nhiệm vụ của tổ là giúp đảng ủy chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển Đảng trong đảng bộ và đi sâu nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể về công tác phát triển Đảng. Cụ thể là giúp đảng ủy tổ chức các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp vào Đảng, nâng cao nhận thức về Đảng, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho quần chúng, quy định các bước làm công tác phát triển Đảng, lập hồ sơ chuẩn bị kết nạp vào Đảng, bảo đảm các thủ tục về việc kết nạp người vào Đảng. Tổ còn có nhiệm vụ giúp các chi bộ xác minh lý lịch những người định kết nạp. Xác minh lý lịch trong quá trình phát triển Đảng là vấn đề không ít chi bộ ngại ngùng vì mất nhiều thì giờ, và đã không ít trường hợp do ngại đi xác minh lý lịch mà không kết nạp được. Đảng bộ nhà máy tiến hành xác minh lý lịch của người xin vào Đảng ngay từ khi những người này mới là đối tượng kết nạp vào Đảng. Xác minh lý lịch sớm có cái lợi là nắm chắc những điều kiện về lịch sử gia đình vì ở đây đã có trường hợp đối tượng được bồi dưỡng rất công phu nhưng khi xác minh lý lịch để xét duyệt kết nạp thì lại không đủ điều kiện.

Để việc đi thăm tra lý lịch được thuận tiện, đỡ mất nhiều thời gian, tổ chuyên trách cùng với bộ phận tổ chức của nhà máy tiến hành xác minh lý lịch một số người theo cùng một tuyến đường. Ví dụ, đi tỉnh nào thì thăm tra lý lịch những người tuy khác chi bộ nhưng cùng tỉnh ấy và thống nhất trước với các chi bộ những vấn đề cần xác minh của từng người. Việc thăm tra lý lịch tuy còn có những quy định phức tạp nhưng không còn là vấn đề đáng ngại nữa. Việc thăm tra lý lịch sớm còn giúp người xin vào Đảng yên tâm, phấn khởi vì họ biết chắc là sau khi thăm tra lý lịch vẫn đề vào Đảng sớm hay muộn chỉ còn do sự rèn luyện, cố gắng của bản thân họ.

Để giúp đảng ủy có những quyết định đúng trong việc xét duyệt kết nạp người vào Đảng, tổ chuyên trách còn nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ của những người định kết nạp do các chi bộ gửi lên trước khi đưa ra đảng ủy xét duyệt.

Tổ chuyên trách đã giúp đảng ủy và các chi bộ được nhiều việc, tạo điều kiện cho việc phát triển Đảng được tiến hành thuận lợi.

— *Kết hợp chặt chẽ giữa tổ chức Đảng với chính quyền và các đoàn thể quần chúng.*

Đảng ủy nhà máy nhận thức rằng, làm tốt công tác phát triển Đảng không những sẽ nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ mà còn nâng cao được năng lực và hiệu lực quản lý của nhà máy và phát huy được vai trò của các đoàn thể quần chúng để hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Vì vậy, cùng với việc nâng cao trách nhiệm của các chi bộ, các đảng viên, cần có sự phối hợp chặt chẽ của tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong nhà máy để làm tốt công tác phát triển Đảng. Tổ chức chính quyền có trách nhiệm

năm vững hệ sơ lý lịch cán bộ và công nhân ngay từ khi tuyển dụng vào nhà máy. Thông qua việc rèn luyện, thử thách của cán bộ, công nhân trong công tác tổ chức chính quyền giao cho mà tổ chức Đảng nắm được năng lực, phẩm chất và động cơ vào Đảng của từng người. Từng thời gian, tổ chức chính quyền kết hợp chặt chẽ với công đoàn và đoàn thanh niên nhận xét, đánh giá quần chúng, tham gia vào việc nhận xét, phân loại quần chúng, và khi cần, cùng với tổ chuyên trách công tác phát triển Đảng của đảng ủy đi thăm tra xác minh lý lịch của họ. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh và Công đoàn có trách nhiệm giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, quan điểm, lập trường giai cấp công nhân, đường lối chính sách của Đảng cho cán bộ, công nhân. Ba tháng một lần, các tổ công đoàn và chi đoàn thanh niên họp lại để quần chúng nhận xét, góp ý kiến về ưu điểm, khuyết điểm của từng người và lựa chọn người ưu tú nhất giới thiệu với chi bộ. Chi bộ chỉ xét duyệt kết nạp vào Đảng những người được các đoàn thể nhất trí giới thiệu. Các đoàn thể còn thông qua công tác đoàn thể để bồi dưỡng người ưu tú. Hầu hết những đảng viên mới và những đối tượng sắp kết nạp ở nhà máy đều là những người đã tham gia công tác công đoàn, công tác thanh niên. Các đoàn thể không chỉ nhận xét, giới thiệu người ưu tú với chi bộ mà còn nhận xét, góp ý kiến về những ưu điểm, khuyết điểm của đảng viên dự bị trước khi các chi bộ xét duyệt chuyển thành đảng viên chính thức.

— Kết hợp công tác phát triển Đảng với việc nâng cao chất lượng đảng viên, kiện toàn tổ chức Đảng.

Đảng ủy nhà máy nhận thức rằng, việc kết nạp người vào Đảng và việc nâng cao chất lượng đảng viên có quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau. Muốn kết nạp được nhiều

người tốt vào Đảng thì đảng bộ, chi bộ phải mạnh, phải có nhiều đảng viên tốt. Trước năm 1977, đảng bộ nhà máy chưa làm tốt công tác phát triển Đảng một phần do trong đảng bộ lúc đó còn 47 đảng viên trung bình và yếu kém (trong số 118 đảng viên). Có nhiều đảng viên trung bình và yếu kém không những làm yếu năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ mà còn cản trở công tác phát triển Đảng. Bản thân những người này không thể làm công tác phát triển Đảng mà còn hạn chế việc phát huy những mặt tích cực của quần chúng. Vì vậy, đề làm tốt công tác phát triển Đảng, đảng bộ coi trọng việc nâng cao chất lượng đảng viên, tập trung giáo dục, bồi dưỡng số đảng viên trung bình và yếu kém. Các chi bộ đi sâu tìm nguyên nhân yếu kém của từng đảng viên và có kế hoạch giúp đỡ cụ thể. Những đảng viên nào không phát huy được tác dụng do sự phân công không hợp lý thì bố trí lại công tác để họ có điều kiện hoàn thành nhiệm vụ. Những đảng viên sa sút về phẩm chất thì vạch rõ khuyết điểm, phân công các đồng chí trong cấp ủy hoặc đảng viên khá kèm cặp, giúp đỡ. Những đảng viên yếu kém do giác ngộ thấp thì chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, tổ chức học tập nâng cao trình độ. Đảng ủy và các chi ủy còn chú ý cải tiến sinh hoạt chi bộ, qua sinh hoạt chi bộ mà nâng cao nhận thức cho đảng viên và kịp thời biểu dương những việc tốt, phê phán những hiện tượng tiêu cực. Đảng bộ cũng đã khai trừ ba đảng viên phạm sai lầm nghiêm trọng và xóa tên một đảng viên do giác ngộ quá thấp, đã được giúp đỡ nhiều nhưng không tiến bộ. Hiện nay ngoài ba đảng viên đang chờ quyết định kỷ luật khai trừ của huyện ủy thì đảng bộ nhà máy không còn đảng viên trung bình và yếu kém. Qua thực hiện Thông tri 22 của Ban bí thư Trung ương Đảng, chất lượng

đảng viên trong đảng bộ từng bước được nâng lên rõ rệt, tổ chức Đảng trong nhà máy càng nâng cao được vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của mình. Mặt khác, việc nâng cao chất lượng đảng viên và kiện toàn tổ chức Đảng lại tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển Đảng trong nhà máy.



Cho đến nay, qua thăm tra của đảng ủy và các chi bộ và nhận xét của các đoàn thể quần chúng, cả 19 người được kết nạp vào Đảng trong hơn hai năm qua đều phát huy tốt tác dụng trong sản xuất và công tác, tỏ ra đủ tư cách đảng viên. 89% số đảng viên mới là cán bộ chủ chốt gồm cán bộ điều hành sản xuất và cán bộ các đoàn thể quần chúng, do đó đã góp phần tích cực vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ, phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, 73% số đảng viên mới là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh đã góp phần làm trẻ lại đội ngũ đảng viên của đảng bộ (trước đây, tuổi đời bình quân của đảng viên trong đảng bộ là 41 tuổi, hiện nay là 39 tuổi). Trong số đảng viên mới, có 73% là công nhân trực tiếp sản xuất và 27% là kỹ sư và cán bộ trung cấp kỹ thuật, do đó đã tăng cường được vai trò lãnh đạo trực tiếp của đảng bộ đối với sản xuất. Có thể nói, tuy số người được kết nạp vào Đảng trong hơn hai năm qua chưa nhiều nhưng rõ ràng họ đã góp phần tăng thêm sức mạnh của đảng bộ, bổ sung cho đảng bộ sức sống mới, năng lực mới. Thành tích về mọi mặt của nhà máy trong mấy năm qua đã nói lên sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ nhà máy, trong đó có phần đóng góp quan trọng của công tác phát triển Đảng.

Đến nay, nếu tính cả ba người đang chờ quyết định kết nạp của huyện ủy thì tất cả 11 chi bộ trong nhà máy đều đã có kết nạp người vào Đảng. Trong hơn hai năm qua công tác phát triển Đảng đã được đảng ủy và các chi bộ coi trọng đúng mức, và đang từng bước đi vào nền nếp. Đảng bộ đã xây dựng được mối quan hệ tốt giữa tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng, giữa đảng viên và quần chúng.

Tuy vậy, công tác phát triển Đảng ở đây cũng có những nhược điểm cần lưu ý. Mấy năm qua, đảng ủy, ban giám đốc nhà máy và các đoàn thể quần chúng đã phát động được nhiều phong trào thi đua sôi nổi, liên tục. Với phong trào quần chúng và khí thế mạnh mẽ của quần chúng trong nhà máy, công tác phát triển Đảng dù đã có bước chuyển biến tốt như đã nói trên, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của phong trào quần chúng, yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, nhất là trong tình hình mới hiện nay vừa bảo đảm sản xuất vừa bảo đảm sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nếu nhìn xa hơn, đến năm 1980 khi quy mô sản xuất của nhà máy mở rộng theo kế hoạch thì rõ ràng là đảng bộ vẫn thiếu đảng viên, thiếu cán bộ. Đảng chú ý là, nhà máy cơ khí Yên-viên thuộc loại đang phát triển, lực lượng công nhân trẻ ngày càng đông. Nhà máy hiện có hơn 300 thanh niên, nhưng tỷ lệ đảng viên trẻ còn quá ít (chỉ có 14 người), nhiều bí thư chi đoàn chưa phải là đảng viên (trong 16 chi đoàn, mới có 7 bí thư chi đoàn là đảng viên). Lực lượng nữ công nhân của nhà máy gồm gần 200, người số đông là công nhân trực tiếp sản xuất nhưng cả đảng bộ chỉ có 15 đảng viên nữ.

Thấy rõ tình hình ấy, đảng bộ nhà máy cơ khí Yên-viên đã và đang rút kinh nghiệm để tiếp tục có kế hoạch và biện pháp chỉ đạo tốt hơn, nhằm đưa công tác phát triển Đảng của đảng bộ nhà máy đạt được kết quả tốt hơn nữa.

Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa

THIỆN-NHÂN



QUYỀN lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân là một trong những vấn đề rất quan trọng. Dự thảo Hiến pháp mới đã quy định quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước ta theo tinh thần mới mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh: phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân trước hết thể hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động nước ta.

Chúng ta đều biết rằng chế độ xã hội quyết định tính chất và nội dung quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, tuy nhân dân làm chủ ở trình độ thấp kém, nhưng họ được hưởng quyền lợi và làm nghĩa vụ một cách bình đẳng. Thật ra trong thời kỳ này, quyền lợi và nghĩa vụ của họ quyện với nhau làm một. Theo Ăng-ghe-n, họ chưa phân biệt được đâu là quyền lợi, đâu là nghĩa vụ. Họ làm nghĩa vụ cũng như là hưởng quyền lợi vậy. Như thế, ngay trong chế độ làm chủ ở xã hội cộng sản nguyên thủy, quyền lợi và nghĩa vụ gắn liền với nhau, người hưởng quyền lợi và người làm nghĩa vụ là một, đó là những con

người lao động làm chủ khi chưa có Nhà nước. Đến khi xã hội phân chia thành giai cấp, giai cấp bóc lột giữ địa vị thống trị, nhân dân lao động mất quyền làm chủ, Nhà nước là công cụ của giai cấp bóc lột để áp bức nhân dân lao động, thì quyền lợi và nghĩa vụ của công dân bị tha hóa thành hai cực: quyền lợi tách rời nghĩa vụ, người lao động không được hưởng quyền lợi mà chỉ làm nghĩa vụ, còn kẻ bóc lột thống trị chỉ hưởng quyền lợi mà không phải làm nghĩa vụ. Sự cách biệt và đối lập giữa quyền lợi và nghĩa vụ là một thứ bệnh hàng bao thế kỷ nay của xã hội có giai cấp. Sự rêu rao về các quyền lợi bình đẳng trong xã hội tư bản chỉ là lừa bịp, vì lợi ích của giai cấp tư sản đối lập với lợi ích của những người lao động. Lê-nin đã nói: « Sự bình đẳng của mọi công dân, không phân biệt nam nữ, tôn giáo, nòi giống, dân tộc, cái điều mà bao giờ cũng vậy và ở khắp nơi, chế độ tư sản dân chủ vẫn hứa nhưng không thực hiện ở đâu cả và không thể thực hiện được vì sự thống trị của chủ nghĩa tư bản » (1).

(1) V.I. Lê-nin: *Về chế độ dân chủ tư sản và chuyên chính vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1968, trang 23.

Chỉ có chế độ xã hội chủ nghĩa mới xóa bỏ được cái bệnh đó, mới trả lại cho người công dân sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của họ, mới thật sự thực hiện tư tưởng của Mác nêu trong Điều lệ của Hội liên hiệp lao động quốc tế: « không có quyền lợi nào mà không có nghĩa vụ, không có nghĩa vụ nào mà không có quyền lợi » (2). Trong chế độ ta nhân dân lao động làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Nhân dân tổ chức ra Nhà nước và chủ yếu thông qua Nhà nước để làm chủ tập thể. Nhà nước là của dân, do dân và vì dân. Cho nên lợi ích của Nhà nước và của nhân dân là nhất trí. Quyền lợi và nghĩa vụ của công dân là nhất trí. Không có người nào chỉ có nghĩa vụ mà không có quyền lợi, cũng như không có người nào chỉ có quyền lợi mà không có nghĩa vụ.

Những quyền lợi và nghĩa vụ của công dân được quy định trong Dự thảo Hiến pháp mới thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, dựa vào trình độ phát triển của xã hội, vào yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nó là sự kết hợp hài hòa những yêu cầu của đời sống xã hội, của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa với những quyền tự do chân chính của cá nhân, thể hiện sự nhất trí về lợi ích giữa Nhà nước, tập thể và cá nhân theo nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người. Vì thế, trong nhiều trường hợp, nghĩa vụ cũng là quyền lợi, quyền lợi cũng là nghĩa vụ. Lao động dưới chế độ xã hội chủ nghĩa vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ và là vinh dự hàng đầu của công dân. Công dân có quyền có việc làm. Người có sức lao động phải lao động. Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền lợi cao quý của công dân. Cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dạy con cái cũng tức là có quyền giáo dục con cái...

Sự nhất trí giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong xã hội xã hội chủ nghĩa dựa trên trình độ và ý thức làm chủ của nhân dân, tinh thần trách nhiệm và phẩm chất đạo đức mới của người lao động. Song, do ảnh hưởng lâu đời của xã hội cũ về sự tách rời quyền lợi và nghĩa vụ, trong xã hội ta còn có người chỉ muốn hưởng quyền lợi mà không muốn làm nghĩa vụ, hoặc muốn hưởng nhiều quyền lợi mà làm ít nghĩa vụ. Tư tưởng đó là hoàn toàn sai trái.

Trong xã hội mà mọi người lao động đều làm chủ, thì đã làm chủ về quyền lợi đương nhiên phải làm chủ về nghĩa vụ. Đó là hai mặt của quyền làm chủ tập thể. Hai mặt đó không đối lập nhau mà gắn bó với nhau. Quyền lợi phụ thuộc vào nghĩa vụ, và nghĩa vụ phụ thuộc vào quyền lợi. Có làm tốt nghĩa vụ mới có điều kiện hưởng đầy đủ quyền lợi; có được hưởng đầy đủ quyền lợi mới có điều kiện làm tốt nghĩa vụ. Như vậy mới thực hiện được nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người. Sự bình đẳng về quyền lợi và bình đẳng về nghĩa vụ là một biến đổi cách mạng trong mối quan hệ giữa mọi công dân trong xã hội mới.

Qua 26 điều quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong Dự thảo Hiến pháp mới, chúng ta thấy những quyền lợi được nêu ra vừa rộng rãi, vừa chặt chẽ, bảo đảm cho công dân được hưởng ngày càng đầy đủ những quyền lợi phù hợp với quy luật phát triển của chủ nghĩa xã hội, phù hợp với điều kiện của đất nước, đồng thời không để cho những phần tử xấu lợi dụng những quyền đó để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân. Những nghĩa vụ được nêu ra là nhằm bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của đất nước, của

(2) C. Mác — F. Ăng-ghen : *Tuyên ngôn*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập I, trang 615.

chế độ cũng như của mỗi thành viên trong xã hội. Nội dung quyền lợi và nghĩa vụ đó bao gồm mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Việc quy định quyền lợi và nghĩa vụ như vậy vừa thể hiện một nguyên tắc chung mà Mác đã nêu, quyền lợi không thể cao hơn tình trạng kinh tế và các mặt khác của xã hội, vừa phù hợp với tính chất và hiệu lực 15 - 20 năm của Hiến pháp. Nếu chỉ ghi những quyền mà trước mắt ta có thể thực hiện được ngay, thì Hiến pháp mới sẽ chóng lạc hậu so với cuộc sống, và còn là một bước thụt lùi so với Hiến pháp trước. Và lại, tùy theo sự phát triển về mọi mặt của xã hội mà các quyền của công dân ngày càng được mở rộng về nội dung và điều kiện thực hiện. Thực tế ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển đã chứng tỏ điều đó. Trước đây Hiến pháp Liên-xô ghi quyền lao động, ngày nay quyền đó được bổ sung bằng quyền lựa chọn nghề nghiệp, thích hợp với sở trường, năng lực, quá trình đào tạo nghiệp vụ và trình độ học thức của công dân, và có tính đến nhu cầu của xã hội. Hiến pháp Cộng hòa dân chủ Đức ghi rõ quyền được bồi dưỡng, được đào tạo về nghề nghiệp, quyền có nhà ở cho mình và gia đình mình... Hiến pháp Bun-ga-ri nêu rõ quyền được học không mất tiền, quyền được điều trị khi ốm đau không mất tiền thuốc men... Các quyền trong lĩnh vực quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội cũng được cụ thể hóa và nâng cao hơn.

Khác với các quyền tự do cá nhân ích kỷ trong xã hội tư bản chủ nghĩa mà Hiến pháp tư sản thường nói đến, các quyền lợi của công dân trong xã hội xã hội chủ nghĩa chẳng những gắn liền với nghĩa vụ, mà còn gần bó với nhau, nằm trong khuôn khổ của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Nó được sử dụng không phải chỉ thuần túy vì lợi ích của từng công dân, mà

còn vì lợi ích của mọi người. Nguyên tắc chung khi sử dụng các quyền đó là phải phù hợp với lợi ích của xã hội, không được gây thiệt hại đến lợi ích của xã hội và Nhà nước, đến quyền của các công dân khác; không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân; đồng thời phải dựa trên đặc trưng của mối quan hệ giữa các công dân là sự tôn trọng mọi người, sự giúp đỡ lẫn nhau và những nguyên lý của đạo đức xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là những tiêu chuẩn pháp lý cao đẹp khác hẳn với lối sử dụng những quyền tự do ích kỷ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa.

Vì thế, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, sự hạn chế về mặt nào đó đối với một số quyền lợi của công dân hoàn toàn là do yêu cầu khách quan của tình hình xã hội, do yêu cầu của việc bảo đảm lợi ích cơ bản và lâu dài của nhân dân.



Trong xã hội xã hội chủ nghĩa con người là trung tâm của mọi cố gắng của Nhà nước và của xã hội. Các quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân nêu trong Hiến pháp nước ta thể hiện điều đó. Đó là nền tảng pháp lý bảo đảm cho mọi công dân có thể phát huy tính chủ động sáng tạo, tham gia tích cực vào mọi hoạt động thuộc các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và đời sống xã hội. Đó là sự cụ thể hóa những nguyên lý của chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa, nhằm bảo vệ và tôn trọng nhân phẩm, phát triển nhân cách của mọi công dân.

Vì vậy, để thực hiện tốt quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân, điều có ý nghĩa quyết định là *Nhà nước phải thật sự bảo đảm quyền lợi của công dân; công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình*. Khuynh hướng Nhà nước chỉ thấy nghĩa vụ của công

dân, coi nhẹ mặt bảo đảm quyền lợi của họ, và công dân chỉ thấy quyền lợi, coi nhẹ mặt thực hiện nghĩa vụ, đều là rơi rớt của xã hội cũ. Ở một số nơi có tình hình việc bảo đảm quyền lợi của công dân chưa được tốt, và việc thực hiện nghĩa vụ của công dân cũng chưa nghiêm túc. Tình hình đó cần được sớm khắc phục. Đương nhiên, trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay, việc bảo đảm cho mọi công dân được hưởng đầy đủ quyền lợi của mình không phải là dễ dàng, đơn giản. Song nếu các cấp chính quyền có ý thức sâu sắc rằng mình là người đầy tớ của nhân dân và chỉ có một mục đích là phục vụ nhân dân, có nhiệm vụ phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, thì sẽ giải quyết đúng đắn vấn đề này. Quyền lợi của nhân dân là do cả một quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đem lại, chứ không phải do Nhà nước « ban ơn » mà có. Nhà nước thay mặt nhân dân quản lý xã hội, và có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của nhân dân. Đó cũng là lý do tồn tại của Nhà nước ta. Vì vậy, các cấp chính quyền bằng mọi cách tạo điều kiện bảo đảm cho công dân sử dụng và thực hiện các quyền của họ, đồng thời bảo vệ, chống mọi sự vi phạm các quyền đó.

Trong việc bảo đảm quyền lợi của công dân, các biện pháp bảo đảm về vật chất giữ vai trò hàng đầu. Đó là những bảo đảm có tính chất kinh tế, những điều kiện vật chất nhằm làm cho các quyền của công dân có tính hiện thực vững chắc. Theo Mác, nếu chỉ công bố các quyền của công dân trên giấy tờ thì coi như chưa tuyên bố gì hết, mà còn phải vật chất hóa những quyền tự do đó bằng những tổ chức xã hội hợp lý và thiết thực. Đây cũng là điểm khác nhau căn bản giữa Nhà nước ta và Nhà nước tư sản. Các biện pháp vật chất mà Nhà nước xã hội chủ nghĩa áp dụng bắt nguồn từ quy luật kinh

tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, từ bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa và dựa trên cơ sở quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Chẳng hạn khi nền kinh tế và văn hóa phát triển mạnh, nạn thất nghiệp không còn nữa, đời sống được cải thiện, thì Nhà nước chắc chắn sẽ có nhiều điều kiện vật chất để bảo đảm quyền lao động, quyền học tập của mọi công dân. Các biện pháp ấy sẽ ngày càng phong phú và có hiệu lực hơn khi xã hội phát triển ngày càng cao.

Những biện pháp chính trị, xã hội cũng rất quan trọng đối với việc bảo đảm các quyền lợi của công dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với cơ cấu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, được sự ủng hộ của các tổ chức quần chúng, dưới áp lực của dư luận xã hội và nền đạo đức xã hội chủ nghĩa, các biện pháp chính trị, xã hội được đề ra sẽ ngày càng phát huy tác dụng trong quá trình bảo vệ và mở rộng quyền lợi của công dân.

Nhà nước ta còn có các biện pháp pháp luật nhằm ngăn ngừa và chống lại những sự xâm phạm quyền lợi của công dân. Những quyền lợi cơ bản của công dân ngày càng được thể chế hóa bằng các chế độ, thể lệ, pháp lệnh của Nhà nước. Những luật lệ đó phải được thi hành nghiêm chỉnh. Mọi sự vi phạm phải được xử lý nghiêm minh. Với các hình thức kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước và của nhân dân và với hoạt động của các tổ chức bảo vệ và xử lý, hiệu lực của các biện pháp pháp luật sẽ ngày càng được nâng cao.

Các biện pháp nói trên gắn chặt với nhau. Chỉ có thực hiện tốt cả ba loại biện pháp đó, quyền lợi của công dân mới thật sự được bảo đảm.

Không phải chỉ có Nhà nước bảo đảm quyền lợi của công dân, mà bản thân công dân cũng có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của mình. Trách nhiệm cao nhất là làm tròn nghĩa vụ

của mình. Đó là vì công dân thực hiện tốt nghĩa vụ cũng tức là góp phần bảo đảm quyền lợi của mình, tạo điều kiện để mình hưởng quyền lợi đầy đủ hơn. Với tư cách là người chủ xã hội, người chủ đất nước, công dân thực hiện nghĩa vụ một cách tự giác, đó không còn là một sự phục tùng mù quáng. Công dân thực hiện nghĩa vụ là vì lợi ích của sự phát triển xã hội, vì sự giàu có của đất nước và hạnh phúc của nhân dân. Vì thế thực hiện nghĩa vụ không phải chỉ là một điều bắt buộc, mà còn là một nhu cầu, một vinh dự và một biểu hiện đạo đức mới của công dân. Nghĩa vụ chẳng những mang tính pháp lý, mà còn mang tính đạo đức xã hội mới. Người công dân có ý thức làm chủ tập thể — có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có tinh thần trách nhiệm cao, có bản lĩnh và đạo đức cách mạng — thì không coi nhẹ nghĩa vụ của mình, mà làm tròn nó một cách tự giác.

Trên đất nước ta đã có biết bao tấm gương cao đẹp của những công dân thực hiện nghĩa vụ lao động xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì nghĩa vụ đối với xã hội mà họ không nề hà bất cứ sự hy sinh nào.

Chắc chắn qua cuộc thảo luận và đóng góp ý kiến của toàn dân vào bản Dự thảo Hiến pháp mới, nhận thức của mỗi người về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân cũng như về các mặt khác sẽ được nâng cao, và bản Hiến pháp mới sẽ thể hiện đầy đủ nguyện vọng và ý chí của toàn dân ta kiên quyết xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

HÀ - BẮC CHUYỂN HƯỚNG...

(Tiếp theo trang 32)

nay vẫn còn những nhược điểm, khuyết điểm, còn những mặt công tác cần tiếp tục cải tiến... Chúng tôi tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, tỉnh Hà-bắc cũng như các địa phương khác trong cả nước nhất định sẽ giành được những thắng lợi to lớn mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng đập tan mọi mưu đồ đen tối của bọn bành trướng Trung-quốc.

ĐỌC LẠI ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ

VŨ - KHIÊU

I

Thiên cổ hùng văn.

ĐẠI cáo bình Ngô từ bao đời được coi như một áng *“thiên cổ hùng văn”* nói lên khí phách anh hùng và tâm hồn cao đẹp của dân tộc Việt-nam.

Đại cáo bình Ngô được thể hiện qua ngọn bút thiên tài của Nguyễn-Trãi, trở thành sản phẩm tinh thần đẹp nhất của thời đại ông. Có thể nói *Đại cáo bình Ngô* là tác phẩm tập thể của toàn thể nhân dân ta dưới sự chỉ đạo tuyệt vời của lãnh tụ Lê-Lợi. Nói như thế không có nghĩa là làm giảm giá trị của Nguyễn-Trãi trong *Đại cáo bình Ngô* mà chính là đặt ông vào vị trí cao nhất trong lịch sử văn học Việt-nam.

Nhà thơ chân chính của dân tộc không bao giờ chỉ là một con người áp úp và thờ lộ những tâm tư thầm kín của riêng mình. Nhà thơ chân chính phải là người ngày đêm sống với những lo âu, hoài bão và ý chí của dân tộc, đề từ đó kết tinh lại trong tâm hồn và tác phẩm của mình những gì đẹp nhất, lớn nhất, sâu nhất của dân tộc. Nguyễn-Trãi là nhà thơ

như thế và chính ông là người đã nêu cao truyền thống ấy của những nhà thơ chân chính ở Việt-nam.

Đại cáo bình Ngô là một tác phẩm vừa văn học, vừa khoa học. Nó phân tích ta là ai, địch là ai, vì sao ta kiên cường chiến đấu, vì sao dân tộc ta luôn luôn chiến thắng và muôn đời bất diệt.

Đại cáo bình Ngô là tấm gương của đất nước Việt-nam, của xã hội Việt-nam, của con người Việt-nam. Nó là bản anh hùng ca về ý nghĩ, thái độ và việc làm của toàn thể nhân dân ta suốt đời này qua đời khác. Nó là bản tuyên ngôn về lẽ sống của chúng ta.

II

Xét như nước Đại-Việt ta thật là một nước văn hiến.

Xây dựng một nước văn hiến, đó là đặc điểm lịch sử của dân tộc ta, là hướng phấn đấu và niềm tự hào của nhân dân ta. là sự khẳng định tuyệt đối về sự trường tồn của đất nước ta.

Trước Nguyễn-Trãi gần năm trăm năm, Lý-Thường-Kiệt đã khẳng định nền văn hiến của dân tộc ta qua bài thơ hùng tráng “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”.

Sau Nguyễn-Trãi gần năm trăm năm, Ngô-Thì-Nhậm lại một lần nữa đầy niềm tự hào, nói lên nền văn hiến của Việt-nam trước sự khoe khoang của giới cầm quyền Trung-quốc (1).

Thế nào là một nước có văn hiến? Xưa nay, những quân xâm lược bao giờ cũng nhân danh một nền « văn hiến » nhất định để kéo quân đi xâm chiếm đất đai, tàn phá làng mạc và nô dịch nhân dân nước khác. Bao nhiêu tang tóc đau thương chúng đã gây ra dưới những chiêu bài « dạy dân » « dẹp loạn », « giáo hóa » « văn minh » của bọn chúng! « Văn hiến » chỉ là cái vỏ bên ngoài của biết bao hành vi hung tàn và bạo ngược.

Đối với chúng ta, văn hiến là trạng thái phát triển nhất định của một dân tộc, nói lên xu hướng luôn luôn khắc phục tình trạng nguyên sơ để vươn tới cuộc sống ngày một cao đẹp. Văn hiến đánh dấu trình độ con người đã đạt được trong quá trình chinh phục thiên nhiên. Nhưng không chỉ có thế, văn hiến còn thể hiện ở mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người, ở trình độ nhận thức và cư xử của con người đối với thế giới chung quanh và đối với bản thân mình.

Khi nói về nền văn hiến của nước ta, Nguyễn-Trãi đã nhấn mạnh ở điểm:

Cõi bờ sông núi đã riêng

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Cõi bờ chúng ta! Bao máu xương đã đổ xuống đây để cha ông ta suốt trên ba ngàn năm, đấu tranh giữ lấy cõi bờ.

Cõi bờ chúng ta! Đó là núi sông diễm lệ, là đồng ruộng phì nhiêu, là rừng vàng, biển bạc, là mối « tắc đất tắc vàng » thấm đượm mồ hôi và nước mắt.

Ta không xâm chiếm đất đai của ai, nhưng quyết không cho phép kẻ nào động đến cõi bờ chúng ta. Cõi bờ của chúng ta là thiêng liêng, là « tiết nhiên định phận tại thiên thư ». Cách

đây gần một nghìn năm, Lý-Thường-Kiệt đã nhấn mạnh cõi bờ ấy và đã bảo vào mặt bọn giặc « có sao xâm phạm nước ta. Chúng bay sẽ bị đánh cho tan nát mà thôi »:

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Bốn nghìn năm lịch sử là bốn nghìn năm liên tục gìn giữ cõi bờ, vừa chống thiên tai, vừa chống địch họa. Bao lụt thì « nghiêng đồng đổ nước ra sông ». Hạn hán thì « vắt đất ra nước, thay trời làm mưa ». Là một nước nhỏ phải luôn luôn đương đầu với nước lớn, nhưng khi Tổ quốc lâm nguy thì cậu bé lên ba cũng lập tức biến thành Phù-Đổng để đập nát quân thù. Truyền thống ấy từ ngàn xưa cho đến hôm nay cứ ngày một nâng cao và mở rộng!

Vì cõi bờ gắn liền với máu thịt của chúng ta cho nên nó luôn luôn thôi thúc hành động, phát triển tài năng, và đòi hỏi sáng tạo. Trong cõi bờ này, từ bốn ngàn năm trước đây ông cha ta đã dựng xây một nền văn hiến huy hoàng mà ngày nay chúng ta còn nhìn thấy ở những mũi tên đồng thành Cổ-loa, ở những trống đồng thời Hùng-Vương và Âu-Lạc.

Nền văn hiến của chúng ta không những được đánh dấu ở « cõi bờ sông núi đã riêng » mà còn ở « Phong tục Bắc Nam cũng khác ».

Phong tục của một dân tộc nói lên lối sống của dân tộc ấy. Sức mạnh của một dân tộc luôn luôn thể hiện ở sự bền vững của những phong tục tốt đẹp nhất.

(1) Khi Ngô-Thì-Nhậm đi sứ qua tỉnh Hà-nam (Trung-quốc), ông đã được tổng đốc tỉnh này là trạng nguyên họ Tất mời đi viếng mộ Chu-Hy có ý muốn nhắc rằng Chu-Hy đã đem nền văn hiến của Trung-hoa truyền bá khắp thiên hạ. Ngô-Thì-Nhậm đã trả lời: Tôi nhớ, Chu-Tử có một câu rất hay là « Phương Nam có nền văn hiến của phương Nam » và tôi lấy làm vinh dự được sinh ra ở phương Nam ». (V.K).

Lối sống lâu đời của dân tộc ta là tình yêu thương chân thành giữa nhân dân lao động, là sự gắn bó chặt chẽ với nhau, là tấm lòng "thương người như thể thương thân", là giúp đỡ lẫn nhau, lúc hoạn nạn thì "chị ngã em nâng", lúc khó khăn thì "nhường cơm sẻ áo". Chính nhân mạnh điều này mà Nguyễn-Trãi đã mở đầu bài *Đại cáo bình Ngô* với hai câu:

✓ *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điều phạt trước lo trừ bạo.*

Trong xã hội phương Đông, *nhân nghĩa* là phạm trù cơ bản của đạo đức học. Nhưng *nhân nghĩa* lại mang một nội dung rất khác nhau giữa các giai cấp và giữa các dân tộc. *Nhân* là mối quan hệ giữa người và người và *nghĩa* là trách nhiệm trong mối quan hệ ấy. *Nhân* theo Khổng-tử bao gồm năm mối quan hệ: vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bè bạn, trong đó quan hệ vua tôi là quan hệ trung tâm và quyết định nhất. *Nghĩa* theo Khổng-tử là trách nhiệm đạo đức trong năm mối quan hệ đó. Khổng-tử đòi hỏi mọi người có nghĩa vụ trung thành tuyệt đối trong quan hệ vua tôi, phải tôn thờ một cách mù quáng vị hoàng đế của Trung-quốc, người thay trời mà thống trị nhân dân tất cả các nước trong thiên hạ.

Dân tộc ta không thừa nhận *nhân nghĩa* theo kiểu ấy và Nguyễn-Trãi đã nhấn mạnh yêu cầu đầu tiên của *nhân nghĩa* là yên dân, là thương dân và giúp dân trừ bạo. Nhân dân ta quý trọng nhân dân các nước láng giềng và cũng từ đó tôn trọng những người cầm đầu các nước đó. Nhưng khi những kẻ cầm đầu ấy đưa quân vào xâm chiếm nước ta thì lập tức nhân dân ta coi bọn chúng là quân cường bạo. Trong quan hệ bình thường, Nguyễn-Trãi sẵn sàng gọi họ là đại nhân; là tiên sinh, nhưng khi chúng ngoan cố thì trở vào mặt "Bảo cho mày giặc dữ Phương-Chính". Kẻ cừu hoàng đế của nhà Minh ngồi cao

chín bề, khi đã xâm lược Việt-nam thì Nguyễn-Trãi cũng gọi tên ra mà mắng:

Thằng nhãi con Tuyên-Đức động binh không ngừng!

Nhân nghĩa của chúng ta cũng là chủ nghĩa nhân đạo cao cả của nhân dân ta. Suốt bốn nghìn năm, sáu mươi dân tộc anh em trên dải đất này, với tinh thần "cộng khổ đồng cam", "bầu thương lấy bí" đã luôn luôn sát cánh bên nhau đề dựng xây đất nước, gìn giữ cõi bờ.

Tấm lòng thương yêu đó không dừng lại ở cõi bờ Việt-nam mà còn mở rộng đối với nhân dân lao động các nước. Suốt đời này qua đời khác liên tục đánh đuổi quân xâm lược, nhân dân ta luôn luôn phân biệt *bọn phong kiến Trung-quốc*, kẻ thù chung của hai dân tộc, và *nhân dân lao động Trung-quốc*, người anh em đau khổ của mình. Tấm lòng bốn bề ấy của người dân Việt-nam đã được lịch sử luôn luôn chứng minh qua các giai đoạn đánh Tống, chống Nguyên, diệt Minh, phá Thanh. Nhân dân ta không những bảo vệ đất nước mình mà còn đem xương máu mình chặn đứng những cuộc xâm lược của chúng đối với các nước anh em vùng Đông Nam châu Á. Nếu xưa kia Tần-Thủy-Hoàng đã xây Vạn lý trường thành mà cũng không ngăn nổi sự xâm lược của quân Hung nô thì nhân dân Việt-nam đã có một trường thành khác, bền vững hơn, đó là khí phách anh hùng và lòng dũng cảm hy sinh để bảo vệ Tổ quốc mình.

"Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã" nghĩa là: việc *nghĩa* không làm không phải là người anh dũng. Nhưng *nghĩa* ở đây không phải là trung thành mù quáng đối với bọn vua chúa tàn bạo mà là trách nhiệm cao cả đối với vận mệnh của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

Phong tục Bắc Nam cũng còn khác ở chỗ nhân dân ta luôn luôn vươn tới

những phẩm chất đẹp nhất của con người là «đói cho sạch, rách cho thơm», là «thác trong còn hơn sống đục», là trung thành trong tình ban, chung thủy trong tình yêu, đậm đà trong tình hàng xóm. Lịch sử ta đã mở đầu mối quan hệ quốc tế bằng tấn bi kịch đau xót của nàng My-Châu. Bao nhiêu lần xâm chiếm nước ta, Triệu-Đa đều thất bại nhục nhã trước sức mạnh kiên cường và bất khuất của nhân dân ta. Nhưng đến khi Triệu-Đa chuyển sang thủ đoạn xảo trá để đánh vào tấm lòng cao thượng của ta thì cô gái ngây thơ trong trắng của Việt-nam đã mắc lừa. Quân xâm lược đã chà đạp lên phẩm chất tốt đẹp của con người trong tình yêu, tình ban, tình hàng xóm. Ngay từ buổi đầu ấy, bộ mặt gian ác và xảo trá của kẻ xâm lược đã lộ ra và được luôn luôn lặp lại suốt mấy nghìn năm lịch sử. Nguyễn-Trãi đã vạch mặt bọn chúng và nhắc nhở chúng ta phải tìm hiểu kẻ địch và luôn luôn cảnh giác với bọn: «Đối trời, lừa người, kẻ gian đủ muôn nghìn khoe» ấy.

Suốt bốn nghìn năm, đương đầu với một kẻ địch luôn luôn ý vào nước lớn, người đồng, lại luôn luôn bày đủ kẻ gian, dối trời, lừa người như thế, nhân dân ta vẫn:

*Rốt cục, lấy đại nghĩa mà thắng
hung tàn,
Lấy chí nhân mà thay cường bạo.*

Sức mạnh vô tận của nhân dân ta bắt nguồn từ nền văn hiến lâu đời ấy của nước Đại-Việt ta xưa.

Nền văn hiến đó đã giúp cho ông cha ta nối đời xây dựng đất nước, khiến cho các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần «sánh cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi đời làm đế một phương». Chính nền văn hiến đó đã khiến cho đất nước ta

*Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau
Mà hào kiệt không bao giờ thiếu!*

III

*Thui dân đen trên lò bạo
ngược
Hăm con đỏ dưới hố tai
uơng.*

Dân tộc ta, suốt bốn nghìn năm luôn luôn cầm gươm chiến đấu. Trong chiến tranh thì vừa cày ruộng, vừa giết giặc. Lúc thái bình cũng «ngụ binh ư nông», thường xuyên cảnh giác và luyện tập.

Tuy nhiên chiến tranh chỉ là bất đắc dĩ còn hòa bình bao giờ cũng là nguyện vọng sâu sắc từ tấm lòng bốn biển của người Việt-nam yêu nước, thương dân. Khi có giặc thì rửa vàng cũng hiện lên đề dăng kiếm cho anh hùng, nhưng khi hết giặc thì giữa tiếng âu ca, kiếm lại trả cho hồ.

Nguyễn-Trãi trong những lúc hoạn nạn gian nguy cũng như trong những ngày chiến tranh quyết liệt, đã ghi lại trong thơ mình biết bao niềm mong mỏi về cuộc sống thanh bình của nhân dân hai nước. Đối với Nguyễn-Trãi, vinh hoa phú quý chỉ như phù vân. Ông xây dựng cho ông một cuộc sống thanh bạch giữa trăng trong, gió mát, suối chảy, non cao, có chim ca và hoa nở. Ông mong muốn cho nhân dân cuộc sống yên vui của làm ruộng và dệt vải, trong đó mọi người biết tin nhau và thương nhau.

Trong thư từ gửi cho kẻ địch, Nguyễn-Trãi nhiều lần hết lời khuyên răn chúng bãi binh, để nhân dân hai nước đỡ đỡ máu xương, rút ra khỏi cuộc chiến đấu và trở lại cuộc sống thanh bình.

Nguyện vọng của Nguyễn-Trãi cũng chính là khát vọng lâu đời của nhân dân Việt-nam và chỉ hướng anh hùng của Lê-Lợi. Chúng ta chiến đấu để «rửa nỗi nghìn thu sỉ nhục», nhưng cũng để «mở nền muôn thuở thái bình».

Không phải ngẫu nhiên mà tên tỉnh, tên huyện, tên làng của chúng ta luôn

luôn gắn với những chữ bình, chữ thái, chữ yên : Thái-bình, Hòa-bình, Ninh-bình, Quảng-bình, Yên-bình, Yên-bái, Quảng-yên, Yên-hòa, Yên-lãng, Yên-châu, Yên-thái...

Chúng ta muốn hòa bình, nhưng điều đó lại không hoàn toàn tùy thuộc ở ta. Khi đất nước bị xâm lược, thì triệu người như một vùng dậy chiến đấu, kiên quyết đánh bại quân thù, quét sạch bọn chúng ra khỏi bờ cõi. Chính vì thế mà kẻ địch đã luôn luôn bại vong.

Việc xưa xem xét

Chứng có còn ghi

Lưu - Cung tham công mà thất bại,

Triệu-Tiết thích lớn chống tiêu vong,

Toa-Đô bị bắt ở cửa Hàm-tử

Ô-Mã bị giết ở sông Bạch-dăng.

Nguyễn-Trãi đã phân tích sâu sắc đã tâm của quân thù và nêu tính tất thắng của nhân dân ta.

Suốt hai mươi năm ròng, giặc Minh xâm chiếm nước ta, đã gây muôn vàn tội ác :

Thiếu dân đen trên lò bạo ngược

Hãm con đỏ dưới hố tai ương

*Bại nghĩa thương nhân, trời đất
lương chùng muốn dứt*

Với những lời cô đọng nhất, Nguyễn-Trãi đã phác nên bức tranh khổ cực của nhân dân phải lên núi đào vàng, ra khơi mò ngọc, hằng ngày đuổi bắt hươu đen, đi tìm trả biếu. Bao người đã vui thân dưới đáy biển, bao người đã chết vì lam chướng ở rừng sâu. Bao cảnh nheo nhóc của những con bỏ cha, vợ mất chồng!

Sống trên xương máu của nhân dân, ở trong những nhà cửa nguy nga, ăn đủ thứ ngon vật lạ, quân xâm lược đặt ra bao tầng sưu dịch, thuế má, dồn nhân dân ta vào cảnh chết mòn khắp nơi hang cùng ngõ hẻm.

Sự tàn bạo của kẻ địch đã đến tột cùng.

*Tát cạn nước Đông-hải, không rửa
sạch vết nhơ.*

*Chặt hết trúc Nam-sơn, chẳng ghi
dây tội ác.*

Trong hoàn cảnh ấy, những người anh hùng của thời đại Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi cùng toàn thể nhân dân đều phải « đau đầu, nhức óc », « ném mặt nằm gai, ngày quên ăn đêm quên ngủ » để tìm ra kế sách giết giặc.

Kẻ địch là ai, xưa thế nào, nay thế nào và làm thế nào để đánh được nó ? Nguyễn-Trãi nhấn mạnh, phải :

*Lấy xưa nghiệm nay, xét suy kỹ
mọi cơ bưng phế*

Bọn phong kiến nhà Minh, cũng như bọn phong kiến của bao triều đại khác là giai cấp bóc lột đã suốt mấy nghìn năm thống trị đất nước Trung-hoa với một chế độ quan liêu quân phiệt vô cùng hà khắc. Bọn chúng luôn luôn đẩy nhân dân Trung-quốc vào vòng chém giết để chúng tiêu diệt lẫn nhau và tranh bá đồ vương. « Mưu nghiệp bá nắm lấy bá quyền trong thiên hạ » đó là danh từ quen thuộc và mục tiêu thường xuyên từ nghìn năm của giới cầm quyền Trung-quốc. Đối với các nước nhỏ, chúng luôn tìm mọi cơ để xâm lược. Kéo quân vào ăn cướp nước người thì chúng nói rằng đó là đề « trừng phạt », « đề vỗ vè », đề « dạy bảo ». Đề « trừng phạt », Tần-Thủy-Hoàng đã đốt bao nhiêu sách, chôn sống bao nhiêu nhà nho ? Đề « trừng phạt », Ngô-Khởi rồi đến Hạng-Vũ, mỗi người đều chôn sống bảy mươi vạn hùng binh và mỗi khi vào thành đều đốt sạch, giết sạch. Đề « vỗ vè » và « dạy bảo », các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên đã luôn luôn bành trướng đất đai, nô dịch và đồng hóa nhân dân các nước. Dưới sự tàn bạo của bọn chúng, bao nhiều quốc gia và dân tộc ngày nay đã biến mất trên bản đồ.

Xảo quyết và bội phản luôn luôn là thủ đoạn cổ truyền của kẻ bành trướng suốt mấy nghìn năm nay. Đối

với chúng thì tình nghĩa anh em, bè bạn, vợ chồng luôn luôn là phương tiện để chiếm đoạt đất đai và quyền vị. Đồi trắng, thay đen, lừa thầy, phản bạn là những chuyện hằng ngày, đã từng diễn ra muôn nghìn lần trong lịch sử của giai cấp phong kiến Trung-hoa!

Ngày nay, giặc Minh cường bạo, lại lặp lại những thủ đoạn muôn đời của ông cha chúng. Chúng kéo quân vào đất nước ta viện cớ là trừng phạt nhà Hồ, khôi phục nhà Trần. Nhưng sau khi đánh bại Hồ-Quý-Lý, thì chúng đã ở lại thống trị nước ta, biến nước ta thành quận, huyện của nhà Minh. Ngoài những tội ác tày trời đã nêu lên, chúng đã tịch thu hết sách vở và mọi sản phẩm văn hóa của nhân dân ta. Chúng bắt hàng nghìn trí thức, hàng nghìn thợ giỏi đem về nước. Chúng cưỡng bức nhân dân ta bỏ hết phong tục cổ truyền, bắt cắt tóc, mặc quần áo theo phong tục Trung-quốc. Tóm lại, chúng ra sức đồng hóa nhân dân ta nhằm tiêu diệt giống nòi ta và xóa mọi dấu vết của dân tộc ta trên mảnh đất này.

Trước nguy cơ diệt vong rất ghê gớm ấy, dân tộc ta chỉ còn một đường là kiên quyết chiến đấu. Một lần nữa lại diễn ra sự đụng đầu không chỉ giữa hai đội quân mà còn giữa hai nền văn hiến, giữa hai lẽ sống của con người. Bao nhiêu nước láng giềng ta đã bị tiêu diệt, trở thành một bài học xương máu đối với nhân dân ta. Nước Việt, nước Mân, với ngôn ngữ tập quán khác Trung-nguyên đã trở thành tỉnh Quảng-tây và tỉnh Phúc-kiến. Nước Đại-lý, nước Nam-chiếu mà cả Khổng-Minh và Cao-Biến đã không khuất phục nổi cũng dần dần trở thành một tỉnh Văn-nam.

Nhân dân Việt-nam ta suốt một nghìn năm sống trong đêm đen khủng khiếp, đầy dây sắt lửa, máu xương và nước mắt, đã người này ngã xuống, người kia đứng lên, cuối cùng bảo vệ được giống nòi, nêu cao được văn

hiến và giành lại được bờ cõi giang sơn. Sức mạnh nào đã khiến dân tộc ta như một chất kim cương không thể hủy diệt? Đó là truyền thống lâu đời của một dân tộc anh hùng và bất khuất. Đó là niềm tự hào chính đáng về Tổ quốc Việt-nam, về sức mạnh tinh thần và trách nhiệm của mỗi người với tư cách là người Việt-nam. Suốt một nghìn năm kẻ địch ép buộc nhân dân ta học tiếng Trung-quốc, nhưng tiếng Việt-nam là một ngôn ngữ không thể hủy diệt, và những áng văn tuyệt diệu đời này qua đời khác không khi nào thiếu, là một sức mạnh giết giặc, cứu nước của dân tộc ta.

Suốt một nghìn năm, giặc bắt dân ta theo phong tục Trung-quốc, nhưng quần áo Việt-nam, mái tóc Việt-nam, cách cư xử hằng ngày của người Việt-nam, nói tóm lại là nếp sống Việt-nam, không sức mạnh nào xóa bỏ nổi. Không phải nhân dân ta khư khư giữ cái cũ với đầu óc bảo thủ mà chỉ vì nhân dân ta không muốn sống giống như kẻ thù! Trước mặt quân thù, nhân dân ta ngoan cường giữ lấy những gì vốn là Việt-nam, có bản sắc Việt-nam. Không phải ngẫu nhiên mà một số nhà trí thức, khi bị quân thù ép buộc phải cắt tóc đi đã đồng thanh nói rằng « đầu này có thể chặt được, nhưng tóc này không thể cắt ».

Nhà Minh không thấy được sức mạnh kiên cường đó đã uống công dùng những biện pháp tàn bạo nhất hòng xóa bỏ phong tục và lối sống Việt-nam. Sự chống đối của nhân dân ta vì thế ngày càng mạnh mẽ và rộng khắp. Những cuộc khởi nghĩa chống giặc đã nổi lên khắp mọi nơi gắn liền với tên tuổi của Trần-Giả-Định, Trần-Quý-Khoảng, với tinh thần bất khuất của Nguyễn-Biêu, với những bài thơ hùng hực nghĩa khí của Đặng-Dung, Lê-Cảnh-Tuân...

Hàng vạn người đã bị máu chảy đầu rơi nhưng hàng triệu nhân dân vẫn tiếp tục đứng dậy. Sự nghiệp lớn

lao của dân tộc chưa thành công chính vì phong trào đang thiếu những kẻ sách đúng đắn và chưa có những lãnh tụ đủ tài năng. Nhu cầu xã hội đã tất yếu tạo ra Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi và đã đặt trên vai hai ông sứ mệnh quang vinh của lịch sử.

IV

**Ta đây : Núi Lam-sơn đây
nghĩa
Chốn hoang dã nương
minh
Nghĩ thế thù khôn đội
trời chung
Thề giặc nước khó cùng
chung sống.**

Trong Đại cáo bình Ngô, Nguyễn-Trãi đã nói lên những khó khăn vô cùng to lớn.

*Khi cờ nghĩa dấy lên
Lúc quân thù dương mạnh!*

Đất nước ta không thiếu gì nhân tài tuấn kiệt, nhưng trong buổi đầu của nghĩa quân, những người có tài năng còn như « lá mùa thu » « sao buổi sớm ».

Lê-Lợi, trong một thời gian dài đã trải qua bao phen gian nan vất vả, ngược xuôi, thiếu người đỡ đần và bản bạc. Nghĩa quân nhiều lúc sa vào hoàn cảnh rất hiểm nghèo khiến vận mệnh của chủ soái cũng như của phong trào có lúc như treo trên sợi tóc.

*Khi Linh-sơn lương cạn mấy tuần,
Lúc Khôi-huyện quân không một lữ.*

Nhưng hoàn cảnh đó đối với Lê-Lợi và Nguyễn-Trãi là dịp để « lửa thử vàng, gian nan thử sức ». Đó là dịp « thức ngủ chẳng quên tìm ra kẻ sách diệt thù ».

Nguyễn-Trãi đã khái quát lại trong mấy câu ngắn gọn con đường đi của nghĩa quân từ hai bàn tay không đến thắng lợi cuối cùng. Bài học đầu tiên là dựa vào sức mạnh của nhân dân. Một ý lớn mà Nguyễn-Trãi thường nhắc lại trong thơ của mình, đó là coi nhân dân « như nước chảy, vừa có

sức mạnh đẩy thuyền, vừa có sức mạnh lật thuyền ». Đặt toàn bộ sự tin cậy vào nhân dân, đó là quan điểm sáng suốt, tiến bộ của Nguyễn-Trãi, ở thời đại của ông. Sức mạnh của nghĩa quân ngày một tăng lên, chính là vì Lê-Lợi khéo tập hợp nhân dân và sống với quân lính của mình với mỗi tình ruột thịt như cha con, anh em :

*Nêu hiệu gậy làm cờ, tụ tập khắp
bốn phương dân chúng
Thết quân rượu hòa nước, dưới
trên đều một bụng
cha con.*

Yếu tố thứ hai để thành công là phải có mưu trí và sáng tạo. Làm thế nào để có cách đánh thích hợp nhất đối với một nước nhỏ chống lại một nước lớn, với ít quân mà đánh được nhiều quân. Làm thế nào vừa chiến đấu, vừa xây dựng đề quân sĩ từ yếu trở nên mạnh. Nguyễn-Trãi đã nêu rõ phương châm tác chiến của chúng ta lúc bấy giờ :

*Lấy yếu chống mạnh, thường đánh
bất ngờ,
Lấy ít địch nhiều, hay dùng mai
phục.*

Những trận thắng đầu tiên là điều kiện rất quan trọng để cổ vũ tinh thần chiến đấu và củng cố lòng tin của ba quân. Vì thế mà :

*Trận Bồ-dăng, sấm vang chớp giật,
Trận Trà-lân trúc chẻ tro bay,
Sĩ khí càng hăng
Quân thanh càng mạnh!*

Những trận đầu tiên đó gây một tiếng vang to lớn, tạo ra một sự bất ngờ khiến cho bọn Trần-Tri, Sơn-Thọ, Lý-An, Phương-Chính kinh hồn bạt vía. Những chiến thắng đó đã mở đầu cho một loạt chiến công oanh liệt, giải phóng Tây-kinh, chiếm lại Đông-dô. Từ đây, lời văn của Nguyễn-Trãi tràn đầy hùng khí, vang lên như trống động, sấm ran, ngợi ca những chiến thắng oanh liệt vào bậc nhất của lịch sử dân tộc.

Ninh-kiều máu chảy thành sông,
 tanh trôi vạn dặm,
 Tôt-dộng thấy phơi đây nột, thối
 dề ngàn thu.
 Trần-Hiệp tâm phúc giặc phải
 bêu đầu,
 Lý-Lượng sâu mọt dân phải bỏ
 mạng.

Trong lúc giặc lâm vào cảnh cùng
 đường kiệt sức ấy, Nguyễn-Trãi đã
 liền tiếp gửi thư cho bọn chúng,
 khuyên chúng tỉnh ngộ, nhận ra lẽ
 phải mà bãi binh cầu hòa, tìm lấy
 con đường sống. Không ngờ chúng
 vẫn ngoan cố, chết đến nơi vẫn đầy
 tham vọng.

Tháng 10-1427, hai mươi vạn binh,
 ba vạn ngựa theo tổng quản An Viễn-
 hầu Liễu-Thăng cùng Kiêm Quốc-công
 Mộc-Thạnh, Bảo định bá Lương-
 Minh, đô đốc Thôi-Tụ, thượng thư
 Lý-Khánh, Hoàng-Phúc chia hai
 đường từ Quảng-tây và Vân-nam rầm
 rộ kéo sang. Quân ta đã phục sẵn ở
 ải Chi-lăng. Khi Liễu-Thăng đem đại
 binh vào thì quân ta từ bốn mặt xông
 tới đánh. Quân giặc vỡ to. Quân ta
 chém được Liễu-Thăng và Lý-Khánh
 cùng hơn vạn đầu quân giặc. Bao
 nhiêu chiến khí của giặc một lúc bị
 đốt hết.

Bọn Thôi-Tụ, Hoàng-Phúc tiến tới
 Mã-yên-son và Xương-giang cũng bị
 quân ta đón đánh. Ta bắt sống được
 Thôi-Tụ, Hoàng-Phúc và hơn ba vạn
 giặc.

Bọn Mộc-Thạnh từ Vân-nam sang,
 đóng doanh trại ở chợ Lê-hoa, nghe
 tin Liễu-Thăng đại bại đều cả sợ,
 quân lính giẫm lên nhau mà chạy.

Trong khi đó thì quân ta tiếp tục
 tiến lên long trời lở đất.

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn
 Voi uống nước, nước sông phải cạn.
 Đánh một trận sạch không kình
 ngạc,
 Đánh trận nữa, tan tành chim muông.
 Cơn gió to trút sạch lá khô,
 Tờ kiến hồng sứt toang dề vỡ.

Đô đốc Thôi-Tụ lẽ gỏi dang là lạ
 lợi.
 Thượng thư Hoàng-Phúc trối tay
 dề tự nộp mình.
 Lạng-son, Lạng-giang thấy chết đầy
 đường
 Xương-giang, Bình-than máu trôi
 đỏ nước
 Gió mây vì thế phát biến sắc
 Nhật nguyệt thâm đạm đến lu mờ.

V

**Ôi! Một gương đại định,
 nên công oanh liệt nghìn
 năm.**

Chiến tranh kết thúc, một cử chỉ
 sáng ngời kim cổ là vua Lê đã tha
 chết cho ba mươi vạn tù binh và tổ
 chức cho bọn chúng về nước.

Tướng giặc bị bắt như hổ đói vẫy
 đuôi xin cứu mạng.

Thần Vũ không giết, ta thề lòng
 trời tỏ đức hiếu sinh.

Tham tướng Phương-Chính, nội
 quan Mã-Kỳ được cấp năm trăm
 thuyền ra đến biên-văn hồn kinh
 phách lạc ;

Tổng binh Vương-Thông, tham
 chính Mã-Anh được cho mấy nghìn
 ngựa, đã về nước vẫn ngực đập
 chân run.

Trong Lam-son thực lục, Nguyễn-
 Trãi đã nói rõ thêm về việc này.
 Lúc đó tướng sĩ ta cùng nhân dân
 trong nước không kẻ trai gái trẻ già,
 khổ vì giặc tàn bạo ức hiếp mình,
 giết hại cha mẹ, bà con mình đã đem
 nhau đến xin vua giết giặc « để được
 người mới giận của trời đất, thần.
 người, để yên ủi những linh hồn oan
 uổng, để rửa sạch sỉ nhục vô cùng
 của nước nhà, để hả tấm lòng của
 trung thần nghĩa sĩ. Vua đã gọi hết
 các tướng và đông đảo nhân dân lại
 mà bảo rằng: “ Phục thù báo oán, đó
 là thường tình của người ta. Không
 thích giết người, đó là bản tâm của

kẻ nhân giả. Và người ta đã hàng mà lại giết, thì đó là một việc làm không lành mạnh. Đề hả mỗi giận một sớm mà muốn đời mang tiếng giết hàng binh thì sao bằng đề sống ức vạn người mà hết mỗi chiến tranh cho hậu thế». Nói xong, vua hạ lệnh cứ cấp thuyền, cấp ngựa và lương thực cho ba mươi vạn quân Minh trở về nước. Từ đó dứt mối can qua, khôi phục bờ cõi, đất nước thanh bình, nhân dân yên nghiệp như cũ.

Đại cáo bình Ngô, qua mấy trang ngắn gọn, đã khái quát toàn bộ sự nghiệp anh hùng qua mười năm chống Minh, cứu nước. Những điều Nguyễn-Trãi viết về thời đại ông cũng là những điều đã xảy ra ở thời Lý-Thường-Kiệt và thời Trần-Hưng-Đạo. Đó cũng là những điều được nối tiếp ở sự nghiệp lừng lẫy của Quang-Trung và càng nổi lên hơn nữa ở thời đại Hồ-Chí-Minh, thời đại

có Đảng cộng sản Việt-nam lãnh đạo.

Đó là truyền thống « lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo ». Đó là truyền thống bốn nghìn năm văn hiến, hết lòng yêu nước, thương dân, cùng nhau gắng sức lao động và chiến đấu, đem lại sự giàu mạnh cho Tổ quốc và hạnh phúc cho đồng bào.

Ngày nay, sau ba mươi năm chiến đấu liên tục để đánh bại những quân xâm lược hung hãn nhất, toàn thể nhân dân ta lại phát huy hơn nữa truyền thống anh hùng của thời đại Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi, vừa tích cực đẩy mạnh sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi dã tâm xâm lược của kẻ thù.

Những lời kết thúc *Đại cáo bình Ngô* cũng là điều chúng ta đang phấn đấu thực hiện:

*Xã tắc từ đây vững bền,
Giang sơn từ đây đổi mới.*

Thảo luận

NỀN VĂN HÓA MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Lời Bộ biên tập — Vừa qua Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cuộc thảo luận về nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Tham gia cuộc thảo luận có nhiều cán bộ nghiên cứu và cán bộ lãnh đạo quan tâm đến vấn đề này.

Trong mục này, chúng tôi lần lượt đăng một số bài phát biểu của các đồng chí đã tham gia cuộc thảo luận nói trên.

VÀI Ý KIẾN VỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA MỚI VÀ CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

HÀ-HUY-GIÁP

NÓI đến nền văn hóa của một dân tộc, không thể chỉ nói đến đời sống thuần túy văn hóa của dân tộc ấy, mà phải kể cả đến hoàn cảnh xã hội, kinh tế và chính trị trong đó nền văn hóa ấy hoạt động. Đối với từng thời đại, không thể tách đời sống tinh thần và nghệ thuật ra khỏi cơ sở vật chất, cơ sở chính trị và vai trò các giai cấp xã hội của thời đại. Cơ

sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng ảnh hưởng biện chứng, nhân quả lẫn nhau.

Văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần của một xã hội do con người sáng tạo ra. Trong quá trình lao động sản xuất để tồn tại, con người tạo ra của cải vật chất để thỏa mãn nhu cầu vật chất, đồng thời tạo ra khoa học, kỹ thuật, văn học,

nghệ thuật, phong tục tập quán... để thỏa mãn nhu cầu tinh thần, văn hóa và thúc đẩy sản xuất vật chất tiến tới.

Xã hội nào có nền văn hóa ấy.

Xã hội phong kiến có nền văn hóa phong kiến, xã hội tư bản có nền văn hóa tư bản. Những xã hội này là những xã hội có giai cấp và xây dựng trên cơ sở áp bức bóc lột giai cấp, do đó phát sinh sự đối lập trong xã hội giữa giai cấp thống trị và các giai cấp bị trị. Cho nên trong mỗi xã hội đó, bên cạnh nền văn hóa chính thống của giai cấp thống trị áp đặt cho cả xã hội, còn có những nhân tố văn hóa của nhân dân bị trị với những phẩm chất con người của họ. Tuy nhiên, những xã hội ấy vẫn có chỗ đồng nhất: tính chất chiếm hữu tư nhân của chúng sản sinh những con người ích kỷ, chủ nghĩa cá nhân đã thành bản năng. Các xã hội ấy chủ yếu là sản phẩm tự phát do sự phát triển của kỹ thuật quyết định.

Trái lại, xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa là xã hội không giai cấp, không người áp bức bóc lột người, nó không thể đơn thuần là sản phẩm của một nền kỹ thuật hiện đại, mà còn là sản phẩm tự giác của con người có ý thức xã hội chủ nghĩa, có đạo đức "mỗi người vì mọi người" của một chế độ thể hiện vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Lê-nin nêu lên công thức: "Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô-viết cộng với điện khí hóa toàn quốc". Do đó, phải có một cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng, phải có những con người mới, xã hội chủ nghĩa.

Ở Việt-nam, chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước chủ yếu là nông nghiệp, thủ công, sản xuất cả thê manh mún, tàn dư của nó còn nặng nề. Chủ nghĩa cá nhân (cá thể) ấy biến tướng thành chủ nghĩa cá nhân khoác cái áo "tập thể" từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị, sản sinh ra chủ nghĩa bản vị, cục bộ,

địa phương, dưới một sự tập trung quan liêu với óc gia trưởng, óc công thần khá nặng

Tuy nhiên, chúng ta lại có truyền thống cách mạng của một dân tộc anh hùng bất khuất, đoàn kết chiến đấu chống thiên tai và ngoại xâm liên tục đời này qua đời khác, tạo nên một nền văn hóa trọng nhân nghĩa, có tình "thương người như thể thương thân" cao đẹp, được Hồ Chủ tịch và Đảng ta thường xuyên bồi dưỡng và phát huy, trên cơ sở lập trường giai cấp vô sản, chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Chính nhờ truyền thống đó mà Hồ Chủ tịch đã sớm quán triệt được tinh thần đoàn kết giai cấp vô sản các nước với các dân tộc bị áp bức trên thế giới, tìm ra được chân lý thời đại: ngày nay, yêu nước thì phải yêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, vì « chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ ».

Trên cả nước ta ngày nay, kể cả những đô thị vừa mới được giải phóng, đang nảy nở những gương "người tốt, việc tốt", những « hoa bốn mùa », những con người mới, xã hội chủ nghĩa. Chỉ cần chúng ta phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy vai trò xung kích của thanh niên, đặt trách nhiệm tối đa cho họ, và coi trọng họ, đồng thời nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật đối với đảng viên để làm gương tốt cho quần chúng, thì những « bông hoa » đẹp ấy sẽ nở rộ. Một đảng nắm chính quyền, nếu buông lỏng kỷ luật thì đảng viên dễ biến chất, rất tai hại cho dân, cho nước và cho bản thân.

Xây dựng nền văn hóa mới là phải xây dựng con người mới. Con người mới biểu hiện ở ý thức làm chủ tập thể, ở tinh thần và thái độ lao động tự giác và tích cực, ở lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản.

Thước đo trình độ giác ngộ, đạo đức cách mạng của con người là ở tinh thần, thái độ và hiệu quả lao động của họ. Đồng chí Lê-Duân nói: « Lao động! lao động với năng suất cao! Đó là thước đo phẩm chất cách mạng, trình độ giác ngộ, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người lao động ».. (1).

Lao động trong tập thể, lao động vì tập thể, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao. Phải có một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì mới thực hiện được các tiêu chuẩn đạo đức ấy và chủ nghĩa xã hội mới thật sự hình thành và đứng vững được.

Lê-nin nói: « Người nào đã chú ý quan sát sinh hoạt ở nông thôn và đem so sánh với sinh hoạt ở thành thị, đều thấy rằng chúng ta vẫn chưa nhỏ được gốc rễ của chủ nghĩa tư bản, và cũng chưa phá hủy được những nền móng, cơ sở của kẻ thù trong nước. Kẻ thù đó đứng vững được nhờ dựa vào nền kinh tế nhỏ, muốn diệt nó, có một biện pháp là: chuyển nền kinh tế của đất nước, kể cả nông nghiệp, lên một cơ sở kỹ thuật mới, cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất lớn hiện đại » (2).

Chỉ khi nào thực hiện được một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì lúc ấy mới xóa bỏ được những phong tục, tập quán lạc hậu trong sinh hoạt, công tác và sản xuất.

Với ý nghĩa con người là một thực thể xã hội, bản chất của nó là « tổng hòa của tất cả những quan hệ xã hội », việc xây dựng con người mới đòi hỏi phải giải quyết tốt các mối quan hệ giữa người và người trong gia đình, cơ quan, trường học và ngoài xã hội. Cơ sở đạo đức để giải quyết tốt các mối quan hệ đó là phương châm: « mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người » tức là « mỗi người phải làm đầy đủ nghĩa vụ đối với xã hội; xã hội có trách

nhệm chăm lo tổ chức đời sống cho mỗi người » (3).

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa người và người sẽ tạo ra bộ mặt xã hội ngày càng đẹp hơn. Trong xã hội không còn tình trạng ăn cắp, cướp giật, đánh chửi nhau, mà sống với nhau trong tình làng nghĩa nước, có thủy có chung. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa người và người sẽ là một yếu tố tăng năng suất trong lao động, công tác và học tập, nâng cao đạo đức con người.

Nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mỗi con người, ngoài sự giác ngộ chính trị, phải có trình độ văn hóa có thể tiếp thụ những thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại để áp dụng vào lao động sản xuất, công tác. Nói đến nâng cao trình độ văn hóa là có bao hàm hai ý nghĩa sau đây: *Một là*, nâng cao kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên (toán, lý, hóa, sinh vật, địa lý, v.v.) và về khoa học xã hội (văn, sử, địa, triết học, chính trị kinh tế học, v.v.). *Hai là*, nâng cao kỹ năng và bản lĩnh quản lý Nhà nước. Mặt thứ hai rất quan trọng. Nó là đòn bẩy chính để cải thiện bộ máy Nhà nước và mọi cơ quan khác nhằm trừ bỏ chủ nghĩa quan liêu.

Trong công tác giáo dục cán bộ và đảng viên, Hồ Chủ tịch đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cách mạng. Người có đạo đức cách mạng là người quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng, trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào cũng kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, làm gương mẫu cho quần chúng. Mỗi đảng viên phải

(1) Diễn văn của đồng chí Lê-Duân tại cuộc họp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng. Tập chí *Học tập*, số 2 - 1970, trang 22.

(2) Lê-nin: *Tổng tập*, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mat-xcơ-va, 1977, tập 42, trang 194.

(3) *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 55.

nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, phải ngăn ngừa và kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tinh tổ chức và tính kỷ luật, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, nâng cao hiểu biết để làm tròn mọi nhiệm vụ.

Cần chú trọng giáo dục đạo đức cho những công dân trẻ nhất của chúng ta. Cần phải đưa môn đạo đức học Mác - Lê-nin vào chương trình giảng dạy chính khóa ngay từ cấp I ở các trường phổ thông. Các bậc cha mẹ, các cô giáo, thầy giáo cũng phải được học lại đạo đức học Mác - Lê-nin để giáo dục con em mình tốt hơn.

Giáo dục thẩm mỹ đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới. Phải giáo dục cho con người hiểu được thế nào là cái đẹp trong cuộc sống, trong lao động và trong quan hệ giữa người và người. Làm cho mọi người đứng trước những hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội, phân biệt được cái đúng, cái sai, cái đẹp, cái xấu, cái chính nghĩa, cái phi nghĩa để phát huy mặt tốt, hạn chế mặt xấu trong xã hội và ngay cả trong bản thân chúng ta.

Mác chủ trương kết hợp lao động sản xuất với giáo dục và thể dục, coi đó không chỉ là phương pháp để tăng sản xuất xã hội, mà còn là phương pháp duy nhất để tạo nên những con người toàn diện. Phải dạy kỹ thuật học, thực tiễn và lý luận song song. Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc nhở: học phải đi đôi với hành. Và Người khuyến khích thành lập loại trường kết hợp học văn hóa với lao động sản xuất như kiểu "Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa-bình".

Hiện nay, nhiều nơi đã có nhà văn hóa, thư viện, nhà lưu niệm, nhà bảo

tàng, công viên, nhà hát, rạp chiếu bóng, các sân vận động... đặc biệt là các trường phổ thông có mặt ở khắp cả nước, từ miền xuôi đến miền ngược, và các trường đại học, cao đẳng, các trường chuyên nghiệp trung cấp, sơ cấp cũng mọc lên ngày càng nhiều. Chúng ta phải chú ý đưa văn hóa vào ngay các xí nghiệp, các công trường thủy lợi, giao thông, các khu nhà ở tập thể đã và đang xây dựng, biến chúng thành những trung tâm văn hóa.

Việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới phải tiến hành một cách bền bỉ, thường xuyên, hằng ngày, làm sao biến ý thức bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thành nếp sống của mỗi người. Dẩy mạnh phong trào "người tốt việc tốt", cổ vũ và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt-nam trong sản xuất, công tác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, là một biện pháp thiết thực xây dựng con người mới, nền văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa.

Nền văn hóa mới, con người mới mà chúng ta đang tiếp tục xây dựng là sản phẩm của kinh nghiệm thực tiễn của việc thực hiện chuyển chính vô sản và tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng tư tưởng và văn hóa nói riêng ra là cốt xe và cách mạng khoa học, kỹ thuật là then chốt. Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam phải là kết tinh của những gì tốt đẹp nhất của dân tộc mình và những tinh hoa của thế giới. Như Bác Hồ kính yêu thường căn dặn chúng ta phải xây dựng cho con em chúng ta, cho thế hệ mai sau thành những bông hoa đẹp, mỗi người mỗi vẻ để tạo nên một rừng hoa muôn sắc nghìn hương đậm đà tính dân tộc hiện đại Việt-nam, và tính quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Đem ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống các dân tộc ít người

NÔNG-QUỐC-CHẤN

I



ZONG Tộc quốc Việt-nam thống nhất và xã hội chủ nghĩa, các dân tộc ít người cũng như dân tộc đông người, mỗi dân tộc đều có vốn văn hóa truyền thống của mình. Những đặc điểm trong phong tục tập quán, trong tiếng nói, chữ viết, trong văn học nghệ thuật, trong tôn giáo, tín ngưỡng... của mỗi dân tộc tiêu biểu cho vốn văn hóa đó. Do công việc sưu tầm, nghiên cứu chưa làm được bao nhiêu, cho nên, đến nay chúng ta chưa thể đánh giá một cách chính xác về số lượng, về sắc thái, về tính chất trong nền văn hóa của mỗi dân tộc. Những cái gì là thật sự có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật cần được gìn giữ và phát huy. Những cái gì lạc hậu, phản động, không còn thích hợp với yêu cầu của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa cần được phân tích, phê phán, sửa đổi. Những cái gì đang thiếu cần được bổ sung một cách có chọn lọc. Nhân dân các dân tộc mong muốn được sự quan tâm nhiều hơn nữa của các tổ chức quản lý sự nghiệp văn hóa, các viện nghiên cứu học thuật để có kế hoạch và biện pháp cụ thể xúc tiến khẩn trương những công việc đó.

Nhưng vấn đề cần bổ sung ngay, bổ sung nhiều mặt, bổ sung cấp bách, là đưa ánh sáng của nền văn hóa mới vào đời sống các dân tộc ít người, vì

các dân tộc ít người đang cùng dân tộc đông người tiến lên chủ nghĩa xã hội; mỗi dân tộc đang trên đà phát triển thành dân tộc xã hội chủ nghĩa.

Việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta đang làm thay đổi từng bước đời sống của các dân tộc ít người, khắc phục một thực tế mà lịch sử đã để lại là « sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa dân tộc ít người và dân tộc đông người ». (1)

Đề giải quyết sự chênh lệch đó, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh: « Vấn đề mấu chốt là đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, ra sức phát triển kinh tế và văn hóa ở các vùng dân tộc, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng các vùng kinh tế mới, các khu công nghiệp, mở mang giao thông vận tải và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học, y tế, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, v.v. nhanh chóng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của đồng bào các dân tộc ít người, đặc biệt chú trọng vùng cao và vùng biên giới. » (2)

Ở đây, quá trình tiến hành ba cuộc cách mạng chính là quá trình đem

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 164.

(2) Sách đã dẫn, trang 165.

ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống các dân tộc ít người.

Văn hóa mới — xã hội tiên tiến — vừa là *nhu cầu được hưởng thụ* của nhân dân lao động, vừa là *vũ khí tư tưởng sắc bén* của nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và văn hóa. Đối với các dân tộc ít người, việc tiếp thu ánh sáng của nền văn hóa mới có nghĩa là *thực hiện quyền làm chủ tập thể* xã hội chủ nghĩa, quyền bình đẳng trong lĩnh vực văn hóa. Dân tộc nào cũng cần được tạo mọi điều kiện thuận lợi để có thể *hưởng thụ* như nhau những giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật tiên tiến. Dân tộc nào cũng cần được giúp đỡ *phát huy sức sáng tạo của quần chúng* trong sự nghiệp sáng tạo, biểu diễn và xây dựng những công trình văn hóa nghệ thuật mới. Vì thế, dân tộc nào cũng cần có *đội ngũ những người sáng tác, nghiên cứu, giảng dạy về văn hóa, văn học, nghệ thuật*. Việc đem ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống các dân tộc ít người sẽ là một trong những *yếu tố quan trọng* để đẩy mạnh ba cuộc cách mạng.

Có trình độ văn hóa cao, các dân tộc ít người mới có đủ năng lực *xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất* xã hội chủ nghĩa. Qua những năm vận động hợp tác hóa nông nghiệp ở miền núi, nhiều bài học kinh nghiệm thực tế đã chỉ rằng công việc quản lý lao động, quản lý sản xuất, tiếp thu kỹ thuật mới, và phân phối sản phẩm trong chế độ làm ăn tập thể, đòi hỏi mọi người, nhất là cán bộ, phải có sự hiểu biết về văn hóa, khoa học kỹ thuật. Từ chỗ làm ăn riêng lẻ với một vài thứ công cụ lao động thô sơ trên nương rẫy, trên ruộng bậc thang, đến chỗ làm ăn tập thể với hàng nghìn lao động, hàng nghìn trâu bò và áp dụng các biện pháp kỹ thuật hiện đại, rõ ràng không thể đếm hạt ngô hay ước lượng qua loa, mà phải có chữ ghi chép, có máy tính, và có

phương pháp quản lý khoa học. Bài học rút ra từ thực tiễn phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở vùng các dân tộc ít người giúp cho nhiều người lãnh đạo ở các tỉnh, huyện miền núi thấm thía một điều: ở vùng các dân tộc ít người, nhất là ở vùng núi cao, trước hết Đảng và Nhà nước cần nhanh chóng đưa văn hóa đến mọi người để nâng cao sự hiểu biết của họ, đó là cơ sở tạo ra sức mạnh trong lao động sản xuất. Ở trong trường hợp này, văn hóa và lao động sản xuất của cải vật chất gắn liền với nhau. Các hoạt động văn hóa không phải là « phi sản xuất » mà tác động tới sản xuất. Có văn hóa, thì người ta nhận thức sâu sắc chính sách, tiếp thu nhanh khoa học kỹ thuật, đưa năng suất lao động lên cao.

Việc *tiếp thu những kiến thức và thành tựu mới về khoa học kỹ thuật* và vận dụng nó như chiếc chìa khóa để cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên và xây dựng nền kinh tế mới, cần được gắn liền với việc xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Những hiện tượng mê tín dị đoan đang cản trở rất nhiều bước tiến lên của các dân tộc ít người. Một số « con ma », « ông thần » vẫn còn đang thách thức với Đảng và chính quyền cách mạng để giành lấy quần chúng. Trong đời sống hàng ngày: lao động, ăn, ở, cưới xin, ma chay, nhiều thành kiến, thói quen cũ vẫn đang ngự trị, hoặc chỉ ít song song tồn tại với văn hóa mới. Chừng nào trong đầu óc của mỗi người dân tộc còn rớt lại những ý nghĩ cũ, lạc hậu, thì việc áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật vào tổ chức lao động sản xuất, chiến đấu và xây dựng nếp sống mới còn gặp nhiều khó khăn. Những nơi vận động thực hiện thành công các phong trào cách mạng như « sạch làng tốt ruộng » « ba công trình vệ sinh », phát triển bèo hoa dâu, v.v. là nhờ đã kiên trì tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân

những kiến thức về văn hóa mới và khoa học kỹ thuật.

Có trình độ văn hóa khá, đồng bào các dân tộc ít người sẽ có sự hiểu biết sâu sắc về cách xây dựng cái mới, xóa bỏ cái cũ trong đời sống tư tưởng, phong tục tập quán, đạo đức và nếp sống. Ngày nay, đồng bào cả nước đang từng bước xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, các dân tộc ở các vùng đều đã tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa với những nội dung cụ thể:

Xây dựng nền nếp lao động mới;
Xây dựng phong tục tập quán mới;
Xây dựng gia đình văn hóa mới;
Xây dựng nếp sống mới ở các nơi công cộng;
Xây dựng khiếu thẩm mỹ mới trong đời sống.

Đối với các dân tộc ít người, cuộc vận động xây dựng *phong tục tập quán* mới có ý nghĩa cơ bản và cấp bách nhất. Những thói quen truyền thống hình thành từ nền sản xuất nhỏ, phân tán, lạc hậu đã ảnh hưởng lâu dài đến nhiều mặt của cuộc sống con người. Từ cách suy nghĩ, cách nhìn sự vật đến cách làm việc, cách sống, mối quan hệ giữa người và người, tất cả những cái đó luôn luôn bị chi phối bởi những đặc điểm của phong tục tập quán cổ truyền. Dĩ nhiên, trong phong tục tập quán cổ truyền của các dân tộc có những mặt tốt đẹp, như tinh thần giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, tính ngay thẳng, thật thà; lòng quý mến trẻ em, tôn trọng người già, v.v. Những phong tục ấy rất cần được giữ gìn để bồi dưỡng cho con người mới ngày nay. Song, có những thói quen cũ không còn thích hợp với yêu cầu của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, như mê tín dị đoan, luộm thuộm, lề mề, ăn ở thiếu vệ sinh, cần xóa bỏ.

Ánh sáng của nền văn hóa mới soi rọi đến đâu, ở đó cuộc sống mới, con người mới lần lượt xuất hiện.

Ánh sáng của nền văn hóa mới là gì?

Vấn đề rộng lớn này đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ, và được nhiều nhà lý luận phân tích.

Trong Báo cáo chính trị đọc tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, đồng chí Lê-Duẩn phân tích:

« *Nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Đó là một nền văn hóa có tính đảng và tính nhân dân. Nền văn hóa ấy được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Nó vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người, những thành tựu văn hóa, khoa học hiện đại, vừa là sự kết tinh và nâng lên một tầm cao mới những gì đẹp nhất trong truyền thống bốn nghìn năm của tâm hồn Việt-nam, của văn hóa Việt-nam. Đó là truyền thống yêu nước, bất khuất, kiên cường và mưu trí trong đấu tranh cho độc lập và tự do, là tình thương giữa những người lao động; là đức tính cần cù, sáng tạo và tinh thần lạc quan yêu đời. Đó còn là chủ nghĩa quốc tế vô sản đã bắt rễ vào đời sống tinh thần của nhân dân ta từ ngày có Đảng đến nay. Nền văn hóa ấy là sự kết hợp hài hòa những tinh hoa văn hóa có phong cách riêng của các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt-nam.* »

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là đỉnh cao của văn hóa loài người. Những nguyên lý lý luận về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, về chính trị kinh tế học, về chủ nghĩa xã hội khoa học, cùng với những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng ta, đã và đang được truyền bá sâu rộng trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên các dân

tộc ở nước ta. Trong cuộc sống lao động và chiến đấu, nhiều lớp người mới đã và đang xuất hiện tiêu biểu cho tư tưởng mới, đạo đức mới. Họ hiểu rằng: là công dân Việt-nam, người Việt-nam thuộc bất cứ dân tộc nào cũng có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt-nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Họ tin rằng, dưới ánh sáng chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, những nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ nhau sẽ tạo điều kiện cho mỗi dân tộc trong nước phát huy mọi khả năng cách mạng, mọi thế mạnh kinh tế và bản sắc văn hóa của mình.

Những thành tựu về khoa học kỹ thuật hiện đại như là ánh sáng văn minh đang tỏa dần đến từng nơi hang cùng ngõ hẻm. Sống trong một nước nông nghiệp lạc hậu từ bao đời nay, nhân dân các dân tộc ít người đã phải chịu nhiều nỗi khổ cực. Do những hạn chế về trình độ văn hóa của đồng bào, cho nên, trong những năm qua, công cuộc cải tạo xã hội cũ, cải tạo thiên nhiên, phát triển kinh tế ở miền núi nói chung tiến triển không đồng đều, và có phần chậm. Để đem ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống của các dân tộc ít người, Đảng và Nhà nước ta không chỉ tiến hành giáo dục tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, mà còn dùng nhiều hình thức truyền bá khoa học thường thức trong nhân dân các dân tộc; đào tạo nhiều loại cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề trong đồng bào các dân tộc.

Ánh sáng của nền văn hóa mới còn là những tác phẩm văn học nghệ thuật, ưu tú của nước ta và của các nước trên thế giới. Làm chủ vốn văn nghệ dân gian của dân tộc mình là điều không thể thiếu đối với người các dân tộc. Nhưng nếu chỉ bằng lòng với mức hiểu biết trong phạm vi văn nghệ dân tộc ở địa phương mình, hoặc chỉ hiểu biết trong phạm vi văn nghệ của nước

mình thì không đủ, mà phải tiếp thu rộng rãi mà có chọn lọc tinh hoa văn hóa, văn học, nghệ thuật của các dân tộc trên thế giới.

Ánh sáng của nền văn hóa mới có thể thông qua nhiều hình thức, nhiều lực lượng chiếu rọi tới đời sống của các dân tộc ít người.

Hệ thống trường học : trường phổ thông, trường chuyên nghiệp, trường đại học, trường Đảng, trường của các đoàn thể... là những trung tâm truyền thụ ánh sáng của nền văn hóa mới tới từng lứa tuổi trong các dân tộc. Sau khi nạn mù chữ được thanh toán, phong trào bồi túc văn hóa phát triển trong lớp người có tuổi; những đối tượng này của nền văn hóa mới đồng thời cũng là những người lao động đang giữ vai trò chính trong xã hội mới. Hiện nay, các vùng dân tộc ít người còn thiếu những điều kiện vật chất để phát triển mạng lưới mẫu giáo, do đó, chưa đủ nơi thu hút tất cả các trẻ em trong lứa tuổi dễ chuẩn bị cho vào trường phổ thông. Có nơi do thiếu trường học hoặc xa trường học, một số trẻ em đến tuổi mà vẫn chưa đi học được. Đó là một điều trở ngại cho việc tiếp thu văn hóa mới của nhân dân các dân tộc ít người.

Hệ thống đài phát thanh, đài truyền thanh và báo chí đã được xây dựng ở các tỉnh và nhiều huyện. Những người ở thị xã, thị trấn, ở gần đường cái, gần chợ, người có máy thu thanh chạy pin và người biết chữ thường xuyên tiếp xúc với ánh sáng của nền văn hóa mới.

Hệ thống tổ chức văn hóa, văn nghệ, thông tin cổ động từ trung ương đến cấp xã, có nhiệm vụ đem ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống các dân tộc trong nước. Các tổ chức nghệ thuật điện ảnh: sản xuất phim, phát hành phim và chiếu phim là một trong những lực lượng hoạt động rộng rãi trong quần chúng. Từ chiếc máy nỏ

phát ra sức điện và ánh sáng đèn điện, chiếc máy tăng âm truyền tiếng nói, tiếng nhạc trên loa, đến những hình ảnh trên màn bạc, rõ ràng từ « ánh sáng » toát ra cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Hoạt động của các đội chiếu phim lưu động còn bị hạn chế bởi máy nặng, đường núi xa xôi hiểm trở, và đang là nỗi mong chờ của các chòm, bản. Nhiều tổ « ban điện ảnh » đã được lập lên ở các xã để phối hợp tuyên truyền khai thác chủ đề tư tưởng các bộ phim, hướng dẫn quần chúng biết thưởng thức giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật điện ảnh. Các hoạt động *nghệ thuật biểu diễn* múa hát, kịch nói, kịch hát... của lực lượng chuyên nghiệp cũng như của quần chúng được coi như những hình thức sinh hoạt văn hóa mới thường xuyên, rộng rãi. Sinh hoạt *câu lạc bộ, triển lãm tranh ảnh* và hiện vật về thành tích kinh tế, văn hóa... là hình thức « tai nghe mắt thấy », có nhiều khả năng giáo dục quần chúng.

Hệ thống thư viện từ cấp tỉnh đến cấp huyện (mới có ở một số huyện) nếu được phát huy tốt sẽ là một phương tiện truyền bá ánh sáng văn hóa mới tới đồng bào các dân tộc một cách sâu sắc. *Các đội văn hóa thông tin lưu động* đã và đang hoạt động ở nhiều huyện vùng cao, huyện biên giới, giữ vai trò lực lượng xung kích trực tiếp giải đáp nhiều vấn đề của nhân dân các dân tộc, và góp phần đánh tan mọi luận điệu tuyên truyền phản động của bọn bành trướng Trung-quốc trong đồng bào các dân tộc ở vùng biên giới.

Vấn đề đem ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống các dân tộc ít người vừa là mục đích, vừa là phương tiện của cách mạng. Làm tốt công việc này sẽ giúp cho đồng bào các dân tộc ít người phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể, cùng nhân dân các dân tộc anh em trong cả nước xây dựng và bảo vệ thắng lợi Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

Khoa học và đời sống văn hóa mới

ĐẶNG-NGHIÊM-VẠN

Từ khi cuốn *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt-nam* ra đời đến nay, nhiều quan điểm lý luận chung quanh vấn đề xây dựng nền văn hóa mới đã được làm sáng tỏ, mà cốt lõi của nó đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng khẳng định: « Nền

văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc ».

Nhưng điều bản khoản của những người làm công tác văn hóa là làm sao nội dung văn hóa mới được thể hiện đầy đủ trong cuộc sống hằng

ngày của chúng ta. Nhiều câu hỏi được đặt ra đa dạng và hình như khó giải quyết, từ lĩnh vực xây dựng ý thức làm chủ tập thể, trách nhiệm và kỷ luật trong lao động, cung cách xử sự giữa con người và con người cho đến nếp sống văn minh trên đường phố nơi công cộng, phép tắc xưng hô, cách thức ăn mặc, sự sắp đặt nhà cửa, nơi ăn chốn ở, thái độ thưởng thức một tác phẩm văn học nghệ thuật, thái độ đối với một người lao động, một nhà văn, một nghệ sĩ, v.v.

Trong khá nhiều vấn đề, những nguyên lý chung đã được đề cập, nhưng việc thể hiện bằng những phép tắc, quy chế, những biện pháp lý giải cụ thể thì còn thiếu. Vì sao? Đó là do một số bộ môn khoa học ứng dụng của những ngành khoa học khác nhau thiếu một sự quan tâm, và chưa làm tốt chức năng của mình đề ra được những kiến giải chính phục được sự đồng tình của quần chúng. Ai cũng thấy cần lễ phép, lịch sự, nhưng đã ai nghiên cứu cách chào hỏi, xưng hô của từng giới, từng lứa tuổi sao cho Việt-nam? Đã ai nghiên cứu quy cách xử thế của từng người trong các trường hợp khác nhau, khá phức tạp đề có thể thống nhất thành một quy chế trong nếp sống văn minh và đem dạy trong các trường? Ai cũng thấy có một số thanh niên ăn mặc không đẹp mắt, lai căng, nhưng đã có một cơ quan nào đưa ra các kiểu áo quần cho vừa hợp với tuổi trẻ, vừa có tính dân tộc? Chúng ta khen các thành phố ở Liên-xô, ở từng nước Cộng hòa có sắc thái riêng; ta yêu nền kiến trúc quen thuộc và cổ kính của Tổ quốc ta, nhưng đã có một tổ chức nào bàn về việc xây dựng những thành phố của ta cho vừa hiện đại vừa có tính dân tộc? Ta than phiền về những đồ dùng hằng ngày, từ hàng vải, hàng sứ, thủy tinh cho đến hàng gỗ, hàng đan thật « năm cha, ba mẹ », ta lấy làm tiếc về nhiều

thứ đồ dùng của ông cha ta vừa tiện vừa dễ ưa đang mất dần, nhưng ngành mỹ thuật công nghiệp của ta (mặc dù còn non trẻ và chưa đủ các bộ môn) đã phát huy tác dụng vào việc sản xuất ra các mặt hàng như thế nào?

Trong thực tế hiện nay ở nhiều nơi và nhiều người đã có những biểu hiện, hành động tốt đẹp, thể hiện rõ nét nếp sống văn minh của con người mới, xã hội mới Việt-nam, song chưa có cơ quan nào tổng kết, hệ thống hóa, nêu lên thành những tiêu chuẩn cụ thể, những mô hình cần theo, đề nhân rộng ra trong toàn xã hội. Ví dụ: thế nào là một người có văn hóa, một làng bản, một thị trấn, một cơ sở có văn hóa? Phải làm gì để đạt được điều đó, và phải phấn đấu như thế nào để xây dựng và đạt đến một xã hội có văn hóa cao, v.v.

Nêu lên những thiếu sót trên không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu của các ngành văn hóa, vốn được dẫn chứng trên các sách báo một cách đúng đắn, cũng không có nghĩa là mai kia mọi thứ đều được trang trải. Có nhiều nguyên nhân khách quan chưa cho phép như mong muốn. Nhưng rõ ràng là những thiếu sót sẽ giảm bớt được nhiều, nếu như các ngành khoa học quan tâm hơn đến việc đưa văn hóa mới vào cuộc sống. Một cơ quan nghiên cứu về thời trang đưa ra được những « mốt » thích hợp, có hướng dẫn, sẽ « cạnh tranh » có kết quả với những kiểu cách bất chước của phương Tây xa lạ, hơn là những lời phê phán. Mà tại sao dân tộc ta lại không thể có một bộ quốc phục riêng của mình, đề đến nỗi vào một dịp lễ, có người cứ phân vân không biết nên ăn mặc như thế nào? Các dân tộc của ta có biết bao kiểu áo quần đẹp, nếu cải tiến thích hợp với thời đại chắc hấp dẫn được các giới, các lứa tuổi. Một cơ quan nghiên cứu về kiến trúc thành phố và nông thôn, đề ra những mẫu khác nhau về nhà

cửa sẽ làm cho thành phố và nông thôn ta đậm đà đáng về Việt-nam hơn. Trường mỹ thuật công nghiệp bắt tay vào hoạt động tích cực và đúng hướng sẽ giúp cho các cơ sở sản xuất của chúng ta đưa ra được các mặt hàng hợp với thị hiếu của người tiêu dùng hơn. Những công trình nghiên cứu thiết thực về chế biến thực phẩm sẽ làm cho bữa ăn hợp khẩu vị và hợp với hoàn cảnh của ta hơn. Viện nghiên cứu quy chế lao động nghiên cứu về cung cách lao động khác nhau giữa các ngành sẽ làm cho người thủ trưởng cơ quan thông cảm với nhân viên của mình và người lao động cũng yên tâm làm việc và có điều kiện phát triển tài năng, mang lại hiệu quả lao động cao hơn. Lối sống xã hội chủ nghĩa, nếp sống văn minh trong xã hội trong gia đình cũng cần được sự tham gia bàn bạc của nhiều ngành ngoài Bộ văn hóa.

Mỗi một dân tộc, ở bất cứ thời đại nào, trong đời sống hằng ngày, từ ngoài đường phố tới gia đình, cần có một sự hài hòa, một sự ổn định, tuy đa dạng nhưng thống nhất, thể hiện một nền văn hóa nhất định, một trình độ văn minh nhất định. Đảng ta đã có đường lối văn hóa đúng. Đã đến lúc các ngành khoa học xã hội cũng như

khoa học tự nhiên tích cực và khẩn trương xây dựng cho đời sống dân tộc ta một sự hài hòa, ổn định, phản ánh nội dung văn hóa xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Chúng ta cần xây dựng một phong cách Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Nói đến phong cách là nói đến một cái gì chỉ là riêng của mình, là Việt-nam từ nội dung đến hình thức. Mong rằng, trong một thời gian không xa, một người khách nước ngoài, khi vào Việt-nam du lịch, sẽ thấy trong mọi lĩnh vực đời sống hằng ngày của người dân, màu sắc của Việt-nam, một màu sắc không phải chung chung mà mang đậm sắc thái của từng địa phương, của từng thành phần dân tộc anh em. Cũng mong rằng, các nhà khoa học, các ngành nghề khác nhau, ngay từ bây giờ, vượt lên trên những khó khăn nhất thời, khi sáng tạo một cái gì cho cuộc sống Việt-nam, từ cái nhỏ nhất, tầm thường nhất, cho đến cái to tát, quan trọng nhất, từ cái tạm thời, trước mắt cho đến cái lâu dài, nên làm sao có tính cách Việt-nam — Việt-nam xã hội chủ nghĩa. Cũng mong rằng các cơ quan có trách nhiệm về công tác văn hóa hãy tổ chức các ngành khoa học, và kêu gọi họ « hãy bắt tay vào hành động ».

BA MƯƠI NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG TƯƠNG TRỢ KINH TẾ

NGUYỄN-XUÂN-TRANG

 ẤM 1949, trong khung cảnh chiến tranh lạnh với chính sách cấm vận do bọn đế quốc gây ra nhằm kìm hãm sự nghiệp xây dựng kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, đại diện của các nước Ba-lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Liên-xô, Ru-ma-ni, Tiệp-khắc đã hợp và sáng lập ra Hội đồng tương trợ kinh tế. Nhiệm vụ ban đầu của Hội đồng là: trao đổi kinh nghiệm xây dựng kinh tế, giúp đỡ nhau về kỹ thuật, cung cấp cho nhau nguyên liệu, lương thực, máy móc và thiết bị, v.v.

Từ một tổ chức kinh tế có tính chất khu vực ở châu Âu, ngày nay Hội đồng tương trợ kinh tế đã trở thành một tổ chức kinh tế thế giới gồm 10 nước hội viên chính thức, bao gồm cả một số nước châu Á và châu Mỹ la-tinh. Hội đồng tương trợ kinh tế có mục đích « thống nhất và phối hợp hoạt động của các nước hội viên trong việc tiếp tục đi sâu và hoàn thiện việc hợp tác và liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế quốc dân theo kế hoạch, thúc đẩy sự tiến bộ kinh tế và kỹ thuật trong các nước đó, nâng cao trình độ công nghiệp hóa của các

nước có nền công nghiệp kém phát triển, không ngừng tăng năng suất lao động, làm cho trình độ phát triển kinh tế của các nước hội viên xích lại gần nhau, và không ngừng nâng cao phúc lợi của nhân dân trong các nước hội viên » (1).

Việc hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa các nước hội viên dựa trên nguyên tắc: tôn trọng chủ quyền, độc lập và lợi ích dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hoàn toàn bình đẳng, cùng có lợi và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh đồng chí. Sự liên kết một cách tự nguyện của những nước tự do và hoàn toàn bình đẳng như vậy đã biến thành hiện thực mơ ước của Lê-nin trước đây về tổ chức một kiểu hợp tác trên quy mô quốc tế. Chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được thể hiện trong nguyên tắc tổ chức và hoạt động thực tiễn của tất cả các cơ cấu của Hội đồng.

Cơ quan tối cao của Hội đồng tương trợ kinh tế là khóa họp Hội đồng, gồm đại biểu các nước hội viên, đứng đầu là thủ tướng các nước. Hằng năm

(1) Trích Điều lệ của Hội đồng tương trợ kinh tế.

Hội đồng họp lần lượt tại thủ đô các nước hội viên, dưới sự chủ tọa của thủ tướng nước đăng cai. Khóa họp có nhiệm vụ xem xét và quyết định các vấn đề về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, định ra phương hướng hoạt động chủ yếu của các tổ chức, quyết định ngân sách, cử thư ký của Hội đồng, lập các cơ quan làm việc và quyết định việc sửa đổi Điều lệ, v.v.

Ban chấp hành của Hội đồng gồm đại diện các nước hội viên, cấp Phó thủ tướng. Đồng chí này đồng thời cũng là đại diện thường trực của mỗi nước tại Hội đồng tương trợ kinh tế. Ban chấp hành lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ do khóa họp Hội đồng đề ra và theo dõi việc các nước hội viên thực hiện nghĩa vụ đã được các nước chấp nhận, đồng thời lãnh đạo công việc của các ủy ban, các ban thường trực, ban thư ký, cũng như các cơ quan khác của Hội đồng và quyết định phương hướng hoạt động chủ yếu của các cơ quan này. Đại diện của các nước hội viên luân phiên nhau làm Chủ tịch Ban chấp hành thời hạn một năm.

Nguyên tắc dân chủ được quán triệt trong hoạt động của các ủy ban, các ban thường trực của Hội đồng. Nước lớn hay nhỏ đều có quyền đại diện ngang nhau, có tiếng nói bình đẳng trong việc quyết định công việc chung. Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, các nước tiến hành sự hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật trên tinh đồng chí, đã tạo ra trong thực tiễn một quan hệ kinh tế quốc tế kiểu mới, kết hợp hài hòa lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế.

Con đường cơ bản và chủ yếu để nâng cao trình độ phát triển kinh tế của các nước hội viên trước hết là động viên cao nhất và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn lao động và tài nguyên của từng nước, dựa vào cố gắng của mỗi nước là chính, đồng thời sử dụng ưu thế của việc phân công lao động quốc tế xã hội chủ

nghĩa, khai thác tính ưu việt của quá trình liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, đối với các nước trình độ kinh tế phát triển chưa cao thì vẫn có thể áp dụng những điều kiện hợp tác có lợi cho các nước đó, như cho vay dài hạn với lãi suất thấp, cho hưởng một số quy chế ưu đãi, đồng thời trao đổi những kinh nghiệm sản xuất tiên tiến, giúp đỡ các nước này phát triển khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật, v.v.

Hội đồng tương trợ kinh tế không phải là tổ chức kinh tế có nguồn tài chính, vật tư riêng để cấp phát cho bất kỳ hoạt động kinh tế nào hoặc cứu trợ cho bất kỳ nước nào. Nhưng, với việc thống nhất chính sách chủ trương, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các nước nhằm thúc đẩy thực hiện các quyết định và hiệp định đã được các nước chấp nhận, Hội đồng tương trợ kinh tế đã và đang thật sự thực hiện vai trò xúc tác một cách có hiệu quả.



Đồng chí Brê-giơ-nép đã nhận xét: Trong 30 năm, một khoảng thời gian không dài lắm, các nước xã hội chủ nghĩa đã đi được một đoạn đường khá dài. Trên con đường đó không phải chỉ có khải hoàn và thắng lợi mà còn có những ô gà và hố lầy, còn có sai lầm nữa. Nhưng đồng thời cuộc sống đã chứng minh không thể chối cãi được rằng con đường chúng ta đã chọn để đi đến các mục tiêu đã đặt ra là đúng, và con đường đó sẽ bằng phẳng và ngắn hơn nếu sự hợp tác giữa các Nhà nước xã hội chủ nghĩa chặt chẽ hơn, nếu sự giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước đó được đầy mạnh hơn nhằm giải quyết các nhiệm vụ dân tộc cũng như quốc tế.

Trong 30 năm hoạt động, Hội đồng tương trợ kinh tế đã đạt được những thành tựu làm phấn khởi nhân dân

các nước xã hội chủ nghĩa và nước lòng bè bạn năm châu. Ngày nay tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa này đang tỏ ra là lực lượng kinh tế hùng hậu và năng động nhất, phát triển ổn định nhất trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng năng lượng và nguyên liệu, và cuộc khủng hoảng kinh tế hiện đang gây những biến động lớn ở các nước tư bản chủ nghĩa. So với 30 năm trước đây, thu nhập quốc dân hiện nay của các nước hội viên Hội đồng tương trợ kinh tế tăng gấp 9 lần. Tỷ trọng thu nhập quốc dân của các nước Hội đồng tương trợ kinh tế trong thu nhập quốc dân toàn thế giới cách đây 30 năm là 15%, nay 20%. Riêng về tỷ trọng sản lượng công nghiệp cách đây 30 năm là 18%, nay là 1/3. So với cách đây 30 năm sản lượng công nghiệp tính theo đầu người hiện nay của các nước Hội đồng tương trợ kinh tế đã tăng gấp hơn 8 lần, trong khi đó chỉ tiêu bình quân của thế giới chỉ tăng 3,2 lần.

Nhịp độ phát triển kinh tế tăng nhanh đưa đến những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu kinh tế của mỗi nước hội viên. Những ngành then chốt quyết định sự tiến bộ kỹ thuật như: điện, cơ khí, hóa chất, hóa dầu, điện tử, cơ khí nguyên tử, v.v. đều tăng với nhịp độ cao. Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không ngừng được tăng cường. Nền nông nghiệp của các nước hội viên đều được cải tạo và được trang bị kỹ thuật lại.

Thu nhập thực tế của nhân dân không ngừng tăng lên; nhân dân được bảo đảm có công ăn việc làm. Quỹ phúc lợi xã hội dành cho y tế, giáo dục, hưu trí, nghỉ ngơi, sinh hoạt văn hóa... ở tất cả các nước tăng lên theo nhịp độ tăng của thu nhập quốc dân. Quyền làm chủ của nhân dân được Hiến pháp bảo đảm thể hiện trong cuộc sống hằng ngày, tương phản rõ rệt với đời sống của hàng triệu gia đình trong thế giới tư bản chủ nghĩa

mà các chấn động của cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ làm cho điên đảo.

Những biến đổi lớn lao về kinh tế, văn hóa, xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu gây cho chúng ta những ấn tượng sâu sắc. Trong quá khứ không xa, nhiều nước với nền kinh tế lạc hậu, đời sống thấp kém là những cái «đuôi» nông nghiệp và là nguồn cung cấp nguyên liệu của các nước tư bản chủ nghĩa. Ngày nay, khi bước vào xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển, nhiều nước đã có nền công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học tiên tiến, đời sống vật chất và văn hóa đạt mức khá cao. Ví dụ, ở Bun-ga-ri năm 1950 tỷ trọng công nghiệp chiếm 37% trong thu nhập quốc dân, nay chiếm trên 50%. Ba-lan từ 26% lên gần 53%, Ru-ma-ni từ 43% lên trên 60%. Trong 30 năm qua sản phẩm ngành chế tạo cơ khí — ngành then chốt trong quá trình trang bị kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân — của các nước Hội đồng tương trợ kinh tế tăng 30 lần, thì riêng Bun-ga-ri đã tăng 99 lần, Ba-lan tăng 67 lần, Ru-ma-ni tăng 101 lần.

Mông-cổ là một trường hợp đặc biệt. Từ chế độ phong kiến du mục với 99% số dân mù chữ, nay dựa vào sự giúp đỡ và hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là của Liên-xô, Mông-cổ đang thực hiện bước nhảy vọt rất dài và vững chắc, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nhiều ngành công nghiệp với những trang bị hiện đại đã được hình thành như: than, điện, khai khoáng, gia công kim loại, dệt, da, đóng giày, v.v.

Quá trình tương trợ và hợp tác giữa các nước đã thúc đẩy sự xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới ở các nước: Bun-ga-ri có các ngành chế tạo cơ khí điện tử, luyện kim đen và màu, hóa chất...; Hung-ga-ri có các ngành hóa dầu, chế tạo máy công cụ,

sản xuất ô-tô buýt, điện tử, kỹ thuật tính toán...; Cộng hòa dân chủ Đức có công nghiệp hóa dầu, đóng tàu...; Ba-lan có các ngành đóng tàu, chế tạo ô-tô, cơ khí hóa chất và máy nông nghiệp...; Ru-ma-ni có các ngành cơ khí dầu mỏ, chế tạo máy công cụ, nghi khí, ô-tô, vô tuyến điện, điện tử, máy kéo, vòng bi, hóa dầu...; Tiệp-khắc có các ngành công nghiệp nhôm, điện tử, chế biến dầu mỏ, chế tạo vòng bi, các phương tiện tự động hóa và thiết bị cho nhà máy điện nguyên tử. Ở Liên-xô tất cả các ngành công nghiệp đều được mở rộng và hiện đại hóa.

Thấm nhuần tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, Liên-xô đã có sự cống hiến cực kỳ to lớn trong việc làm cho trình độ phát triển kinh tế của các nước hội viên xích lại gần nhau và được nâng cao đồng đều. Với tiềm lực kinh tế to lớn, Liên-xô thỏa mãn cho các nước hội viên khác phần rất lớn nhu cầu về năng lượng, nguyên liệu và trang bị kỹ thuật. Với sự giúp đỡ về kỹ thuật của Liên-xô, các nước trong Hội đồng đã hoàn thành hoặc đang thi công 2300 công trình xây dựng các loại. Là thị trường có sức mua rất lớn, Liên-xô đã tiêu thụ với khối lượng lớn sản phẩm công nghiệp gia công và sản phẩm cơ khí của các nước, tạo điều kiện phát triển cho nhiều ngành công nghiệp của các nước này, đặc biệt là ngành chế tạo cơ khí.

Trong thời đại khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, Liên-xô, với tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa đã chia sẻ những thành tựu khoa học kỹ thuật của mình với các nước anh em, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật giữa các nước.

Từ những hình thức thỏa thuận cung cấp hàng hóa cho nhau, hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế chuyển sang những hình thức hợp

tác tổng hợp, bao gồm nhiều lĩnh vực sản xuất, khoa học và kỹ thuật. Tại khóa họp thứ 23 (năm 1969) Hội đồng đã quyết định phương hướng chiến lược cho việc hợp tác dài hạn, thể hiện trong Chương trình tổng hợp.

Việc thực hiện thắng lợi Chương trình tổng hợp đã đưa sự hợp tác lên trình độ cao hơn. Các nước dựa vào tiến bộ kỹ thuật mà chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, chung sức khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ nhu cầu chung của nhiều nước. Nhờ vậy, việc tập trung sản xuất trên quy mô lớn, sản xuất hàng loạt, áp dụng kỹ thuật hiện đại nhất đã được thực hiện khiến chất lượng sản phẩm được nâng cao, giá thành hạ. Trung tâm của việc hợp tác, trước hết thể hiện trong việc phối hợp kế hoạch. Trước đây việc phối hợp kế hoạch được thực hiện giữa hai bên, nay phát triển thành nhiều bên. Qua việc phối hợp kế hoạch nhiều bên, các nước có thể tiến hành phân công toàn diện một cách có lợi nhất, sử dụng có hiệu quả nhất nguồn lao động và tài nguyên của mỗi nước, thực hiện chuyên môn hóa, hợp tác hóa sản xuất và xác lập các quan hệ kinh tế giữa các nước anh em trên quy mô quốc tế.

Việc hợp tác trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật đóng vai trò quan trọng. Hơn ba nghìn tổ chức và cơ quan nghiên cứu khoa học, thiết kế chế tạo, viện, trường đại học của các nước tham gia việc hợp tác nhiều bên về khoa học kỹ thuật. Con đường đạt đến công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến đang mở rộng, thúc đẩy nhịp độ tiến bộ kỹ thuật ở tất cả các nước hội viên. Chương trình "Vũ trụ quốc tế" bắt đầu từ năm 1978 với các chuyến bay của các đoàn du hành vũ trụ quốc tế: Liên-xô, Tiệp-khắc, Ba-lan, Cộng hòa dân chủ Đức, Bun-ga-ri, mở ra trang sử mới trong việc hợp tác nghiên cứu khoảng không vũ trụ. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể phát

triển sự liên kết xã hội chủ nghĩa và sự hợp tác trong một lĩnh vực mà sức những nước nhỏ không bao giờ dám mơ ước đến!

Hợp tác càng sâu, rộng, thì khối lượng trao đổi hàng hóa giữa các nước càng tăng. So với 30 năm trước, hiện nay khối lượng đó tăng gấp 20 lần, nhanh hơn nhịp độ tăng thu nhập quốc dân và sản lượng công nghiệp.

Sản xuất và tiêu dùng tăng nhanh đòi hỏi phải xây dựng Chương trình hợp tác dài hạn có mục tiêu, nhằm bảo đảm nhu cầu về năng lượng, nhiên liệu, các dạng nguyên liệu cơ bản, nâng cao trình độ chế tạo cơ khí, thỏa mãn ngày càng đầy đủ nhu cầu lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng cho nhân dân, thúc đẩy vận tải phát triển.

Tại khóa họp thứ 32 (năm 1978) và khóa họp thứ 33 vừa qua, Hội đồng tương trợ kinh tế đã thông qua các Chương trình hợp tác dài hạn (cho đến năm 1990) trong các lĩnh vực: năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu, nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, chế tạo cơ khí, hàng công nghiệp tiêu dùng, giao thông vận tải... Đây là một bước phát triển mới, cụ thể hóa Chương trình tổng hợp trên một trình độ cao hơn, nhằm giải quyết một loạt nhiệm vụ quan trọng nhất trong vòng 10 năm tới. Trong thời gian tới, các nước hội viên sẽ phối hợp lập Kế hoạch liên kết kinh tế nhiều bên, xây dựng chương trình dài hạn chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất hai bên và nhiều bên cho thời kỳ 1981 — 1990

Uy tín của Hội đồng với những hoạt động dân chủ và những thành tựu nổi bật, đã thu hút sự quan tâm của nhiều nước trên thế giới.

Ngoài Nam-tư là nước tham gia các cơ quan của Hội đồng theo hiệp định riêng, Lào, Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a đang mở rộng các quan hệ kinh tế với Hội đồng; I-rắc, Mê-hi-cô, Phần-lan cũng

hợp tác với Hội đồng theo những hiệp định cụ thể. Hội đồng đã có quan hệ kinh tế với 78 nước đang phát triển và đang là chỗ dựa đáng tin cậy của các nước này trong cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế thế giới công bằng và tiến bộ. Với sự giúp đỡ của các nước hội viên của Hội đồng, gần 4 000 công trình đã và đang được xây dựng ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Xuất phát từ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, Hội đồng tương trợ kinh tế đang đấu tranh cho việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế bình đẳng, cùng có lợi giữa tất cả các nước, không phân biệt chế độ xã hội, chống phân biệt đối xử hoặc đối xử bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

Hội đồng tương trợ kinh tế đã và đang tác động ngày càng sâu rộng đến tiến trình phát triển thế giới và là sự động viên mạnh mẽ đối với các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống mọi âm mưu và hành động xâm lược và bá quyền của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động Trung-quốc, vì lợi ích dân tộc bất khả xâm phạm của mình.



Hơn một năm qua, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã trở thành hội viên thứ mười của Hội đồng tương trợ kinh tế. Trước đó, trong một quá trình dài, Việt-nam đã có những quan hệ kinh tế mật thiết với Liên-xô và các nước hội viên khác của Hội đồng. Tình cảm thân thiết mà các nước anh em dành cho Việt-nam là sự đánh giá cao đối với cống hiến của nhân dân Việt-nam trong cuộc chiến đấu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, quý báu và có hiệu quả của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là của Liên-xô, đã giúp chúng ta giành được thắng lợi trong cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ, giúp chúng ta

xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu của chủ nghĩa xã hội. Nước ta trở thành hội viên chính thức của Hội đồng tương trợ kinh tế là sự phát triển tất yếu của cách mạng Việt-nam, là sự tiếp tục phát triển sự hợp tác, tương trợ về kinh tế với các nước anh em trên một trình độ và quy mô mới.

Từ khi bọn phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đơn phương cắt viện trợ cho Việt-nam và rút chuyên gia về nước, âm mưu kìm hãm và gây khó khăn cho sự nghiệp xây dựng kinh tế của Việt-nam, hồng bất chúng ta khuất phục, Hội đồng tương trợ kinh tế đã nhanh chóng đáp ứng các yêu cầu trước mắt của Việt-nam. Với một loạt nghị quyết của các kỳ họp Ban chấp hành từ cuối năm 1978 đến nay, các nước hội viên của Hội đồng đang giúp chúng ta hoàn thành một số công trình mà Trung-quốc bỏ dở. Tại cuộc họp lần thứ 89 của Ban chấp hành (tháng 3-1979) nhân danh các nước Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Việt-nam, Cộng hòa dân chủ Đức, Cu-ba, Mông-cô, Ba-lan, Liên-xô, Tiệp-khắc, Hội đồng tương trợ kinh tế đã ra tuyên bố nghiêm khắc lên án cuộc xâm lược của giới cầm quyền Bắc-kinh chống Việt-nam, khẳng định dành sự ủng hộ và giúp đỡ có hiệu lực về mọi mặt cho chúng ta để tiếp tục xây dựng kinh tế, bảo vệ Tổ quốc.

Ban chấp hành đã giao nhiệm vụ cho Ban thư ký và các cơ quan của Hội đồng cùng với phía Việt-nam, xây dựng các biện pháp đặc biệt nhằm thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc dân, nâng trình độ phát triển kinh tế của Việt-nam lên mức đồng đều với các nước anh em. Hội đồng tương trợ kinh tế chú ý đến kinh nghiệm hợp tác với Mông-cô và Cu-ba, đã đồng ý mở rộng việc vận dụng các nguyên tắc của Chương trình tổng hợp đối với Việt-nam như đã áp dụng

đối với Mông-cô và Cu-ba, nhằm góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển nhanh.

Trong Khóa họp Hội đồng thứ 33 vừa qua Phó thủ tướng Lê-Thanh-Nghị, Đại diện thường trực nước ta tại Hội đồng tương trợ kinh tế, đã trao cho Ban chấp hành bản tổng hợp *« Các đề nghị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về những biện pháp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế Việt-nam, rút ngắn dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật với các nước thành viên khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế »*. Đây là căn cứ quan trọng, làm cơ sở cho việc nghiên cứu và xây dựng các đề án cụ thể, soạn thảo các biện pháp tích cực về hợp tác nhiều bên giữa nước ta và các nước hội viên khác trong Hội đồng trong các lĩnh vực kinh tế và khoa học kỹ thuật.

Trân trọng tình cảm và sự quan tâm của các nước anh em, chúng ta khấn trương triển khai công tác xây dựng đề án cụ thể và soạn thảo kịp thời các biện pháp thiết thực để thực hiện các đề nghị nói trên.

Mặc dù có rất nhiều khó khăn, song nước ta có những tiềm năng quan trọng có thể phát huy để phát triển kinh tế, đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta, đồng thời hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Đất nước ta có điều kiện để phát triển nông sản nhiệt đới với khối lượng lớn, đáp ứng nhu cầu của nước ta và các nước anh em. Rừng nhiệt đới với những loại gỗ quý là đối tượng hợp tác mà nhiều nước anh em rất chú ý. Nguồn lao động dồi dào, khéo tay và có kỹ thuật nhất định của nước ta là điều kiện rất quan trọng để mở rộng quy mô hợp tác trong công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, trước hết dưới hình thức gia

công. Lòng đất của nước ta chứa đựng các loại khoáng sản rất đa dạng; việc hợp tác thăm dò địa chất sẽ mở ra nhiều triển vọng hợp tác trong lĩnh vực khai thác năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu.

Tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em để phát triển công nghiệp cơ khí, chúng ta sẽ có điều kiện từng bước tham gia sự phân công sản xuất cơ khí, điện tử. Vừa tranh thủ các nước hội viên giúp ta xây dựng những cơ sở nghiên cứu khoa học quan trọng nhất, vừa tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học mà nhiều nước quan tâm là hướng phần đầu dễ nâng trình độ khoa học kỹ thuật của nước ta, thúc đẩy việc giải quyết có hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng.

Như vậy, càng tham gia nhanh và nhiều vào sự phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa, phát triển sự hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật với các nước hội viên khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế nước ta càng chóng trưởng thành, càng sớm phát huy được tính ưu việt của việc phân công

lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa. Để khắc phục các khó khăn trước mắt, đề tạo đà khởi động guồng máy kinh tế đi vào quỹ đạo hợp tác có hiệu quả, sự giúp đỡ đi trước một bước của các nước xã hội chủ nghĩa anh em đối với chúng ta là rất cần thiết và quý báu.

Trong giai đoạn cách mạng mới, đi đôi với việc tăng cường quan hệ hợp tác hai bên với từng nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là phát triển các quan hệ hợp tác chặt chẽ về mọi mặt với Liên-xô, chúng ta rất coi trọng việc phát triển các quan hệ hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật nhiều bên cùng như hai bên trong khuôn khổ Hội đồng tương trợ kinh tế.

Đó là chính sách có tính nguyên tắc, hết sức quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, tạo điều kiện cho Việt-nam sớm xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu, đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từng bước thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa góp phần xứng đáng vào việc củng cố và tăng cường lực lượng kinh tế của cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa anh em

Bước đường xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Ba-lan

HỒNG-TOÀN

B

A mươi lăm năm kể từ sau ngày đất nước Ba-lan được giải phóng là thời kỳ kinh tế phát triển mạnh nhất trong lịch sử Ba-lan.

Nhân dân Ba-lan không những nhanh chóng khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, mà còn khắc phục được tình trạng kinh tế lạc hậu, phụ thuộc tư bản nước ngoài, biến Ba-lan từ một nước kinh tế chậm phát triển thành một nước kinh tế phát triển cao, từ một nước nông — công nghiệp thành một nước công — nông nghiệp, đứng thứ mười trên thế giới về sản lượng công nghiệp. Nhịp độ phát triển kinh tế của Ba-lan đặc biệt nhanh trong những năm 70, khi Ba-lan chuyển sang xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển. Nhìn lại bước đi của nhân dân Ba-lan trong 35 năm qua, chúng ta có thể thấy rõ những cố gắng phi thường của họ, đồng thời hình dung được tương lai tươi đẹp của dân tộc anh hùng đó.

Sau khi quốc hữu hóa công nghiệp tư bản tư doanh, Nhà nước Ba-lan đã có trong tay gần 3400 xí nghiệp lớn và vừa, với gần một triệu công nhân.

Nắm trong tay những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, Nhà nước Ba-lan tập trung cố gắng ngay vào việc xây dựng lại đất nước. Năm 1947 sản lượng công nghiệp đã đạt mức trước chiến tranh. Sau khi hoàn thành kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế (1947—1949), Ba-lan bước vào thời kỳ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở Ba-lan có thể chia làm hai giai đoạn. Từ 1950 đến 1970 là thời kỳ xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, đặc biệt là công nghiệp cơ khí và công nghiệp hóa chất, những ngành then chốt của nền kinh tế quốc dân, và sử dụng nền công nghiệp hiện đại đã được xây dựng để cải tạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân, trước hết là cải tạo nông nghiệp.

Trong kế hoạch sáu năm (1950—1955), 85% vốn đầu tư vào công nghiệp đã được tập trung cho công nghiệp nặng. Nhờ thế Ba-lan xây dựng được nhiều xí nghiệp mới, như khu gang thép Lê-nin, và nhiều ngành công nghiệp mới có ý nghĩa cơ bản đối với sự phát triển kinh tế quốc dân như các ngành công nghiệp đóng

tàu, sản xuất máy kéo, ô tô, tua-bin và thiết bị các nhà máy điện, thiết bị cho ngành công nghiệp luyện kim, mỏ và hóa chất, máy công cụ, ô bi, v.v. Công nghiệp vật liệu xây dựng cũng được mở rộng.

Tốc độ phát triển sản xuất tư liệu sản xuất trong những năm 1951—1953 tăng trung bình hằng năm 22,3%. Năm 1954, mức đầu tư vào công nghiệp tăng gấp sáu lần so với năm 1938 và gấp 2,6 lần so với năm 1950. Máy móc, thiết bị có khả năng đáp ứng 70% nhu cầu sản xuất của đất nước.

Từ những năm 60, Ba-lan bắt đầu chú ý phát triển các cơ sở nguyên liệu, nhiên liệu, điện lực. Trong kế hoạch năm năm 1961—1965, vốn đầu tư vào các ngành này chiếm 35% vốn đầu tư vào công nghiệp nói chung. Khu liên hợp lưu huỳnh Tác-nô-bô-décch, mỏ đồng Lu-bin, mỏ than Tu-rô-sốp, mỏ khí đốt Pôt-các-pát, nhà máy lọc dầu Pua-xơ là những công trình lớn được xây dựng trong thời gian này.

Trong những năm 1966—1970, tỷ trọng công nghiệp cơ điện và hóa chất trong sản lượng công nghiệp vẫn tiếp tục tăng; nhiều loại sợi hóa học, thuốc nhuộm, thuốc chữa bệnh, các sản phẩm của các ngành điện và điện tử, đóng tàu, làm ô bi, được sản xuất ngày càng nhiều.

Sang những năm 70, lúc Ba-lan tiến lên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển cũng là lúc nước này bước sang giai đoạn hai của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm của giai đoạn này là công nghiệp phát triển theo chiều sâu, vấn đề chất lượng được đặt lên hàng đầu. Ba-lan đã đề ra chương trình cải tạo và hiện đại hóa toàn diện nền công nghiệp, đẩy mạnh phát triển các ngành trên cơ sở sử dụng những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật thế giới. Kết quả là sau khi thực hiện kế hoạch năm năm 1971—1975, công nghiệp phát

triển với tốc độ rất cao. Năm 1978 sản lượng công nghiệp tăng gấp đôi so với năm 1970; trong những năm 70 tốc độ phát triển công nghiệp trung bình hằng năm là 10,2%. Các công trình mới, quan trọng nhất, được đưa vào sản xuất trong thời kỳ này là khu gang thép Ca-tô-vi-xe với công suất thiết kế chín triệu tấn/năm, cảng Bắc, khu mỏ than đá Lu-bơ-lin, mỏ than nâu Ben-kha-tốp.

Một đặc điểm nữa của thời kỳ này là năng suất lao động tăng rất nhanh, trung bình hằng năm tăng khoảng 7—8% (những năm 60 chỉ tăng 4—5%).

Nhờ tiến hành công nghiệp hóa đất nước, nông nghiệp Ba-lan có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh mẽ. Đảng và Chính phủ Ba-lan đã đề ra những nguyên tắc cơ bản để phát triển nông nghiệp nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng về lương thực và thực phẩm của nhân dân và nhu cầu về nguyên liệu của công nghiệp.

Để thực hiện những nhiệm vụ to lớn đó, Ba-lan chủ trương đẩy mạnh thâm canh, cơ giới hóa và dần dần cải tạo cơ cấu nông nghiệp theo hướng hiện đại. Nhà nước cung cấp cho nông thôn nhiều tư liệu sản xuất và vật liệu xây dựng, đặc biệt là mở rộng và hiện đại hóa công nghiệp sản xuất máy kéo và máy nông nghiệp.

Hiện nay năng suất trung bình trên một héc-ta ở Ba-lan đạt: ngũ cốc: 27,4 tạ, khoai tây: 177 tạ, củ cải đường: 309 tạ. Hằng năm Ba-lan thu hoạch 21 triệu rưỡi tấn ngũ cốc, 50 triệu tấn khoai tây, trên 15 triệu tấn củ cải đường. Dân gia súc tăng nhanh: Ba-lan hiện nay có khoảng 14 triệu bò (trong đó có 6 triệu bò sữa), 21,5 triệu lợn. Sản lượng tính bình quân đầu người hằng năm đạt 685 kg ngũ cốc, 91 kg thịt, 500 lít sữa, 15 kg trứng.

Ba-lan có những tiến bộ đáng kể về kỹ thuật canh tác và trang bị kỹ thuật. Năm 1976, Ba-lan có 43 000 máy

kéo. Đến 1976, số máy kéo được đưa vào sử dụng trong nông nghiệp tăng khoảng 15 lần so với năm 1950. Năm 1978 mỗi héc-ta trồng trọt sử dụng 190,3 kg phân hóa học. Ngày nay, nông thôn Ba-lan đã được điện khí hóa 100%.

Phát huy thế mạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ canh tác, vốn đầu tư, các nông trường quốc doanh không những chỉ cung cấp một phần khá lớn nông phẩm cho Nhà nước, mà còn đóng vai trò trung tâm phổ biến kỹ thuật canh tác và cung cấp cho các vùng nông nghiệp các loại giống có năng suất cao, đi đầu trong cách mạng khoa học kỹ thuật, huấn luyện và lai tạo giống cây, giống gia súc.

Đời sống của nông dân Ba-lan ngày càng được cải thiện. Nhà nước Ba-lan đã thi hành một số biện pháp nhằm nâng cao đời sống nông dân như cho họ được hưởng chế độ bảo hiểm về y tế, phụ cấp hưu trí, v.v. Người nông dân Ba-lan đang phấn khởi thực hiện ý kiến của đồng chí Ghi-réch, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng công nhân thống nhất Ba-lan phát biểu tại Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương (tháng 6-1978): «Làm sao trong 10 năm tới, nông nghiệp Ba-lan bảo đảm được mức ăn thích hợp và ổn định cho toàn dân, bảo đảm sản xuất đủ hàng hóa cơ bản về lương thực, thực phẩm».

Hiều rõ vai trò to lớn của khoa học kỹ thuật trong phát triển kinh tế, ngay khi mới ra đời, chính quyền nhân dân Ba-lan đã rất chú trọng đưa khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất. Các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy khoa học kỹ thuật bị chiến tranh tàn phá đã được khôi phục nhanh chóng và mở rộng. Nhiều lĩnh vực khoa học mới đã được thành lập và phát triển song song với công cuộc công nghiệp hóa đất nước. Đội ngũ cán bộ khoa học ngày càng đông đảo và có năng lực. Công tác nghiên cứu khoa học được tiến hành theo hướng thiết thực,

phù hợp với hướng phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước.

Hiện nay, các nhà khoa học Ba-lan đang tập trung suy nghĩ và lao động sáng tạo vào việc nghiên cứu hiện đại hóa nền kinh tế, tăng thêm hiệu quả sản xuất của công nghiệp, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mở rộng cơ sở sản xuất nguyên liệu và năng lượng, giải quyết một cách toàn diện vấn đề lương thực, thực phẩm, nhà ở, bảo đảm những điều kiện tốt nhất về đời sống vật chất và văn hóa và sự phát triển toàn diện của nhân dân, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu.

Ở Ba-lan giữa kinh tế và kỹ thuật, giữa các nhà khoa học và những người làm kinh tế, giữa các kỹ sư và những người tổ chức sản xuất, quản lý xí nghiệp, có mối quan hệ chặt chẽ.

Khoa học Ba-lan đang nâng cao những yêu cầu cơ bản về chất lượng của các công trình nghiên cứu, hoạt động giảng dạy, tăng cường kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu.

Trên cơ sở phát triển của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Thu nhập quốc dân năm 1978 so với 1970 tăng 84%.

Đi đôi với việc tăng lương và tăng thu nhập của mỗi người dân, Đảng và Chính phủ Ba-lan rất chú trọng tạo điều kiện cải thiện vấn đề nhà ở cũng như giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn như lương thấp, tàn tật, hưu trí, sản phụ, v.v.

Nhà nước Ba-lan luôn luôn quan tâm đến công tác giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, chú trọng việc xây dựng và củng cố gia đình kiểu mẫu, thuận hòa cũng như chú ý chăm sóc người già và trẻ em.

Với mục đích phục vụ đời sống tinh thần và vật chất ngày càng cao của nhân dân, Đảng công nhân thống nhất

(Xem tiếp trang 82)

Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh và sự phá sản tất yếu của nó

Thiếu tướng LÊ-XUÂN-LỰU

TRONG vài chục năm qua loài người quan tâm theo dõi một nước chiếm một phần tư số dân thế giới đã từng giành thắng lợi trong cách mạng dân chủ và chuyển qua cách mạng xã hội chủ nghĩa, đã có uy tín trên trường quốc tế, nhưng rồi cũng chính tại nơi đây lại diễn ra những cái gọi là «cách mạng triệt để», «đại cách mạng văn hóa vô sản», «chủ nghĩa Mác cao hơn cả chủ nghĩa Mác», v.v. và v.v.

Ở đây cũng xuất hiện một đường lối đối nội, đối ngoại quay quắt nhưng với một bản chất nhất quán. Những kẻ phản bội cách mạng dưới mọi màu sắc bắt gặp ở đây một kẻ đồng hội đồng thuyền. Những lớp người bẽ tắc, nhất là thanh niên, bất mãn với chế độ tư bản chủ nghĩa, luôn luôn phá phách, muốn đập nát tất cả những gì trói buộc họ, tìm thấy ở đây một bậc thầy, một mẫu mực dạy cho họ những hành động phiêu lưu, không bỏ vô vọng.

Chủ nghĩa đế quốc và tất cả các bọn phản động bắt gặp ở đây một thế lực có thể lợi dụng, một trợ thủ

đắc lực cần lôi kéo làm đồng minh để đánh phá cách mạng.

Những người cách mạng chân chính nhìn về đây với tất cả những nỗi căm giận, lo âu, và suy nghĩ về sự phản bội xấu xa của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh, về hiểm họa do nó gây ra cho nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới.

Đến nay tuy còn có một số người ngộ nhận về tập đoàn phản động Bắc-kinh nhưng bản chất và chân tướng của nó đã phơi bày trước loài người tiến bộ một cách quá lộ liễu, trắng trợn.



Trong mấy chục năm qua, đáng lẽ nhân dân Trung-quốc có thể tiến những bước rất dài trên con đường phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, bảo đảm một cuộc sống ấm no, hạnh phúc và góp phần xứng đáng của mình vào sự phát triển chung của cách mạng thế giới. Nhưng tập đoàn phản động Bắc-kinh đã gây ra

cho nhân dân Trung-quốc muôn vàn tai họa. Nó đã nắm lấy bộ máy Nhà nước to lớn ở một nước đông dân nhất thế giới và giàu tài nguyên, không phải để mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân mà để sử dụng tất cả những lực lượng và phương tiện vật chất do mấy trăm triệu nhân dân Trung-quốc tạo ra nhằm thực hiện một cương lĩnh phản động, đi ngược lại lợi ích chân chính của nhân dân Trung-quốc, chống chủ nghĩa xã hội, chống các lực lượng cách mạng và tiến bộ của thời đại. Những cuộc « đại loạn » triền miên do chúng gây ra đã đẩy đất nước Trung-quốc vào một tình trạng vô cùng bi đát.

Nhìn vào cái trật tự xã hội hiện nay trên đất nước Trung-quốc, người ta thấy đây không phải là chế độ xã hội chủ nghĩa mà là một chế độ độc tài quân phiệt, một trật tự « kiểu công xã nhân dân », thực chất là chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính trong đó quần chúng nhân dân bị kìm kẹp và đầu độc ghê gớm, phải sống trong lao động cưỡng bức, trong chế độ ngu dân và đàn áp khốc liệt về mọi mặt.

Loài người đã được chứng kiến cái mô hình trật tự xã hội này không phải chỉ trên đất nước Trung-hoa thống khổ « đại loạn » triền miên mà còn cả ở nước Cam-pu-chia đắm máu trong những cuộc tàn sát diệt chủng do tập đoàn bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn Bắc-kinh cùng bọn tay sai của chúng là Pôn Pốt — Iêng Xa-ry tạo nên.

Bên cạnh việc tàn phá các thành quả cách mạng của nhân dân Trung-quốc, hàng chục năm qua, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã liên tiếp tung ra những kế hoạch và hành động điên cuồng đánh phá ba dòng thác cách mạng của thời đại, phá hoại sự đoàn kết thống nhất của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chúng đang triển khai trên thực tế một chiến lược toàn cầu phản cách mạng nhằm liên

minh với các thế lực đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác chống lại trào lưu tiến hóa của xã hội loài người.

Kế thừa chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn của các triều đại phong kiến Trung-quốc ngày trước, gán cho Trung-quốc vai trò « trung tâm của thế giới », từ đó dân cho cách mạng Trung-quốc cái nhãn hiệu : « trung tâm của cách mạng thế giới », tập đoàn phản động Bắc-kinh đã nuôi mưu đồ bá chủ thế giới và mộng tưởng áp đặt lên loài người một trật tự kiểu Trung-quốc, trong đó tập đoàn phản động Trung-quốc cầm quyền thống trị, còn muôn dân trên thế gian này đều phải bái phục nó.

Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn là nội dung chính trị cốt yếu của đường lối của tập đoàn phản động Bắc-kinh. Mặc dù thủ đoạn của nó là giấu mặt, giả danh cách mạng, mị dân, gây mơ hồ cho những người nhẹ dạ, lời kéo kẻ xấu làm đồng minh, song những hành động của nó diễn ra mấy chục năm qua đã phơi bày đầy đủ cái nội dung chính trị phản động đó.

Thực tế tình hình mọi mặt trên đất nước Trung-quốc, trên đất nước Cam-pu-chia dưới thời Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, sự cấu kết của tập đoàn phản động Bắc-kinh với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác, những hoạt động của nó chống phá cách mạng ở khắp nơi trên thế giới, cuộc chiến tranh xâm lược do nó gây ra chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, tất cả nói lên cái bản chất phản bội, phản động của nó là chống chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, chống độc lập tự do của các dân tộc, chống hòa bình thế giới, chống ngay chính bản thân nhân dân Trung-quốc. Nó đã dưng hển vào hàng ngũ kẻ thù của nhân dân cách mạng.

Rõ ràng : chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh là một

hiềm họa cho nhân dân Trung-quốc và nhân dân thế giới.



Với cái gọi là thuyết « ba thế giới », tập đoàn phản động Bắc-kinh đã « sắp xếp bàn thù », « bố trí lực lượng », « định hướng đấu tranh » nhằm thực hiện chiến lược toàn cầu phản cách mạng của nó.

Nhưng người cộng sản coi mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn cơ bản nhất của thời đại. Căn cứ vào những nhận định đầu tiên của Lê-nin khi Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, trong đó có nhận định: « bước ngoặt lịch sử thế giới đang chuyển từ chế độ dân chủ tư sản sang chế độ dân chủ vô sản, từ chuyên chính tư sản sang chuyên chính của giai cấp vô sản » (1), sau này các đảng cộng sản và công nhân quốc tế dựa vào thực tiễn phong phú của cách mạng thế giới đã nhất trí nêu rõ: « Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới » (2). Cuộc sống ngày chứng tỏ rằng chủ nghĩa xã hội là vô địch và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người.

Hoàn toàn vứt bỏ quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong

việc đánh giá mâu thuẫn và tính chất của thời đại, phủ nhận sự phân chia thế giới thành hai hệ thống kinh tế — xã hội đối lập, phủ nhận sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội trên thực tế, bọn phản bội ở Bắc-kinh đã vẽ ra một « sơ đồ chính trị » theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng.

Chúng phân chia thế giới thành « ba » theo quan điểm địa lý khu vực, quan điểm giàu nghèo. Theo cách phân chia này, chúng đã đặt *Liên-xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa — thành trì kiên cố của cách mạng vô sản thế giới, chỗ dựa vững chắc cho phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay — thành kẻ thù chủ yếu* trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng.

Chúng ra sức gây hấn thù dân tộc đối với Liên-xô, thực hiện sự liên minh chính trị — quân sự với Mỹ, Nhật-bản và các nước Tây Âu để chống Liên-xô, vu khống, xuyên tạc, chia rẽ Liên-xô với các nước xã hội chủ nghĩa khác, mưu toan tách phong trào giải phóng dân tộc ra khỏi Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác để cô lập, làm suy yếu, ngăn chặn ảnh hưởng của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở mọi khu vực trên thế giới, mưu toan đẩy tới một cuộc xung đột Xô — Mỹ. Rõ ràng chúng là những kẻ chống Liên-xô, chống cách mạng một cách điên cuồng nhất trong lịch sử.

Nhưng do những nhân tố chủ quan và khách quan, mục tiêu xâm lược trước mắt của chúng là khu vực Đông Nam châu Á, trong đó mục tiêu quan trọng trước hết là Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương.

(1) V. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960 quyển 2, phần 2, trang 190 — 191.

(2) *Tuyên bố của Hội nghị đại biểu các Đảng cộng sản và công nhân họp tại Mát-xcơ-va tháng 11 năm 1960*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, trang 17.

Sở dĩ như vậy là vì nhiều lý do: bành trướng về phía bắc ư? Tham vọng của chúng lớn nhưng sức của chúng có hạn. Chắc hẳn chúng chưa quên bài học chiến tranh biên giới Xô — Trung khi chúng đụng phải sức mạnh quân sự của Liên-xô. Bành trướng về phía đông ư? chúng cũng gặp nhiều trở ngại. Còn Đông Nam châu Á, theo sự tính toán của chúng, là nơi có vị trí rất quan trọng, là khu vực những nước nhỏ, đất đai màu mỡ, tài nguyên phong phú. Hơn nữa, ở Đông Nam châu Á, chúng còn nắm được một số tay sai mang danh là « đảng cộng sản và có hơn 20 triệu Hoa kiều, trong đó có một số nắm giữ nhiều vị trí quan trọng trong nền kinh tế của các nước Đông Nam Á và có ảnh hưởng đến một số chính quyền ở đây.

Làm bá chủ được khu vực này, bọn phản động Bắc-kinh sẽ có điều kiện để tăng cường sức mạnh, làm bá chủ châu Á, tiến lên làm bá chủ thế giới.

Để quốc Mỹ bị thất bại hoàn toàn, đã phải rút ra khỏi Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương, đang gặp khó khăn chồng chất về mọi mặt, phải điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu phản cách mạng của nó. Bọn phản động Bắc-kinh lợi dụng tình thế này của Mỹ, nhảy vào lấp chỗ trống, làm tên lính xung kích đánh phá cách mạng, làm tên sen đầm của sen đầm quốc tế. Một nước Việt-nam độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa có đường lối Mác — Lê-nin chân chính, độc lập tự chủ, được nhân dân thế giới yêu quý, được xây dựng ngày càng vững mạnh là trở ngại chính đối với mưu đồ bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của bọn phản động Trung-quốc ở Đông-dương và Đông Nam châu Á. Vì thế chúng đã thi hành một chính sách thù địch có hệ thống chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam: từ việc dùng bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía tây — nam,

hoạt động khiêu khích ở biên giới phía bắc, dựng lên vụ « nạn kiều » khích động người Hoa gây bạo loạn, kiểm soát các viện trợ, rút chuyên gia, đến việc điên cuồng tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam từ phía bắc với 60 vạn quân và nhiều phương tiện chiến tranh.

Rõ ràng chính sách thù địch, xâm lược của bọn phản động Bắc-kinh đối với Việt-nam, hòng làm suy yếu và thôn tính Việt-nam là một bộ phận quan trọng trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, là chặng đường thứ nhất trong cuộc trường chinh nhằm thực hiện bá chủ Đông Nam châu Á và bá chủ thế giới của chúng.

Trong mưu đồ xâm lược ba nước Đông-dương, bọn phản động Bắc-kinh được sự đồng lõa của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Cùng với cuộc tiến công quân sự trên quy mô lớn, bọn phản động Bắc-kinh đã cùng bọn đế quốc mở chiến dịch vu khống Việt-nam một cách vô liêm sỉ, nào là « chủ nghĩa bá quyền khu vực », « Việt-nam xâm lược Campuchia », nào là « Việt-nam chuẩn bị xâm lược các nước Đông Nam châu Á », hòng làm giảm uy tín của Việt-nam, cô lập Việt-nam với các nước Đông Nam châu Á.

Tham vọng của bọn phản động Trung-quốc quá lớn mà sức của chúng có hạn. Muốn cho Trung-quốc trở thành cường quốc siêu đẳng vào cuối thế kỷ này, một mặt chúng dựa vào số dân gần một tỷ người, ra sức bóc lột lao động thặng dư, dùng cái nhân lực khổng lồ ấy để tiến hành các cuộc chiến tranh cướp đoạt đất đai thiên hạ, mặt khác, bằng những thủ đoạn hèn hạ, chà đạp lên lợi ích của các dân tộc khác và ngay cả lợi ích của nhân dân Trung-quốc, để đối chọi với chủ nghĩa đế quốc, tranh thủ lòng tin và sự ban ơn của đế quốc Mỹ và các đế quốc khác, kiếm chác vốn và khoa học kỹ thuật để thực hiện chương

trình « bốn hiện đại hóa » bằng những cuộc « đại nhảy vọt » mới.

Vì vậy chúng đã cam tâm làm tên lính xung kích, tên sen đầm của sen đầm quốc tế Mỹ, tên lính chữa cháy cho chủ nghĩa đế quốc trong cơn khủng hoảng nghiêm trọng về mọi mặt hiện nay.

Về phía bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, trong thời kỳ « Sau Việt-nam », gặp những khó khăn chồng chất, phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, hòng giành lại những vị trí đã mất, tiếp tục đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân các nước và ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội.

Từ lâu bọn đế quốc đã tìm thấy ở chủ nghĩa bành trướng của bọn phản động Bắc-kinh một thế lực có thể làm trợ thủ đắc lực cho chúng trong việc chống phá cách mạng, cho nên chúng đã chơi « con bài » Trung-quốc với hy vọng xoay chuyển lại thế bố trí lực lượng và thay đổi lực lượng đối sánh trên thế giới có lợi cho chúng, nhằm thực hiện các mục tiêu toàn cầu phản cách mạng, chống Liên-xô, chống các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam của bọn phản động Bắc-kinh, toàn bộ chính sách thù địch của chúng đối với Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương, trong thực tế, nằm trong ý đồ chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Nội dung cơ bản của chiến lược toàn cầu của bọn phản động Bắc-kinh là trực tiếp bắt tay với các nước đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và các lực lượng phản động khác, diễn cường chống Liên-xô, chống các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào giải phóng dân tộc, chống phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và

phong trào đấu tranh cho hòa bình thế giới, đóng vai trò xung kích phản cách mạng nguy hiểm nhất, mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết là Đông Nam châu Á, và mục tiêu trực tiếp là thôn tính Việt-nam và các nước khác trên bán đảo Đông-dương.

Với sự xuất hiện của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh và sự liên minh của chúng với chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ, và các thế lực phản động khác, ngày nay trên thế giới đã hình thành hai lực lượng đối lập nhau, đấu tranh với nhau một mặt một còn — một bên là các lực lượng cách mạng và tiến bộ trong ba dòng thác cách mạng của thời đại, mà nòng cốt là các nước xã hội chủ nghĩa, một bên là các lực lượng đế quốc phản động, trong đó Mỹ là lực lượng đầu sỏ, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh là thế lực phản động quốc tế lớn nhất, đồng minh của Mỹ, chống chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống chủ nghĩa xã hội, chống độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình.

Ở Đông Nam châu Á nổi bật lên mâu thuẫn chủ yếu giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và các thế lực đang tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng trong khu vực này. Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đóng vai trò xung kích phản cách mạng nguy hiểm nhất — trực tiếp chống phá ba dòng thác cách mạng ở Đông Nam châu Á.



Xác định chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh như một hiểm họa thật sự của loài người, xem xét nó không tách rời với chiến lược toàn cầu phản cách mạng của

chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, các lực lượng cách mạng thế giới nhất định cảnh giác, ra sức tăng cường lực lượng của mình và cùng nhau phối hợp đấu tranh để ngăn chặn và loại trừ nó. Nhưng cũng không đánh giá nó quá cao và có thể khẳng định trước rằng: chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh nhất định sẽ thất bại.

Trong lịch sử loài người, đã từng xuất hiện những mưu đồ bá chủ thế giới và những mưu đồ đó đã thất bại thảm hại. Không một thế lực phản động nào có thể thực hiện được giấc mộng bá chủ hoàn cầu.

Chủ nghĩa phát xít Hít-le với một nền công nghiệp khá mạnh, và với chủ nghĩa « dân tộc thượng đẳng » Đức đã mưu đồ làm bá chủ thế giới nhưng nó đã bị chôn vùi.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ xuất hiện như một cường quốc đế quốc không lồ. Với một tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn, khoa học kỹ thuật phát triển, với lối sống, mức sống, với nền tự do tư sản kiểu Mỹ có lúc được trình bày một cách hết sức hấp dẫn, tưởng chừng như có thể thu hút được mọi người, đế quốc Mỹ đã mưu đồ làm bá chủ thế giới với một chiến lược toàn cầu phản cách mạng, nhưng đã đi từ thất bại này đến thất bại khác, đang trên đà suy yếu toàn diện và khủng hoảng triền miên, không phương cứu chữa.

Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh ngày nay ở vào một thế yếu hơn nhiều. Tuy Trung-quốc có số dân đông, nhưng lại không có sức mạnh vật chất. Tư tưởng chính trị, đạo lý Khổng Mạnh, văn hóa phong kiến Trung-quốc không hấp dẫn được ai. Cái mô hình chủ nghĩa xã hội quái gở mà bọn phản động Bắc-kinh dựng lên trên đất nước Trung-quốc và ở Cam-pu-chia dưới thời Pôn Pốt đã

làm cho loài người tiến bộ rung mình ghê tởm và căm ghét.

Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh ra đời trong điều kiện chủ nghĩa tư bản thế giới đang ngày càng tan rã, chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn mạnh mọi mặt và trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người, ba dòng thác cách mạng của thời đại tạo thành một sức mạnh tổng hợp đang dâng lên cuộn cuộn và ở thế liên tục tiến công, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cho nên mọi mưu đồ của nó chỉ là ảo tưởng điên rồ.

Mâu thuẫn giữa mưu đồ chủ quan của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh với quy luật khách quan của lịch sử nhất định dẫn đến sự phá sản tất yếu của bản thân chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn đó. Những nhân tố phá sản của nó cũng tồn tại ngay trong bản thân những phương sách mà bọn phản động Bắc-kinh dùng để thực hiện mưu đồ của chúng.

Bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã đề ra một kế hoạch « bốn hiện đại hóa » với tham vọng đến cuối thế kỷ này Trung-quốc trở thành một cường quốc siêu đẳng. Chúng dựa vào tài nguyên của đất nước và thị trường to lớn của gần một tỷ dân với công nhân rề mạt để lôi kéo thế giới tư bản chủ nghĩa vào con đường đầu tư, buôn bán. Chúng liên minh với chủ nghĩa đế quốc, tình nguyện làm tên lính xung kích đánh phá cách mạng để được bọn đế quốc viện trợ tài chính, kỹ thuật. Chính những phương sách này sẽ dẫn đất nước Trung-quốc vào con đường đổ vỡ, đem lại cho nhân dân Trung-quốc những hậu quả không thể lường trước được và do đó sẽ làm tan vỡ mưu đồ của tập đoàn phản động Bắc-kinh.

Chủ nghĩa đế quốc quyết không để dành sức giúp Trung-quốc « hiện đại hóa ». Chờ « con bài » Trung-quốc, chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ chỉ sử dụng Trung-quốc như một lực lượng xung kích chống Liên-xô, chống Việt-nam, chống Cu-ba, chống các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống các lực lượng cách mạng của thời đại, và để phá hoại chính ngay sự nghiệp cách mạng của nhân dân Trung-quốc; chủ nghĩa đế quốc quyết không sẵn sàng « đáp ứng » mọi yêu cầu của Bắc-kinh nhằm làm cho Trung-quốc sớm trở thành một cường quốc có sức mạnh thực hiện giấc mộng bá chủ thế giới.

Một nước với số dân chiếm một phần tư nhân loại tuy trải qua 30 năm xây dựng hòa bình nhưng chỉ sản xuất được 3% tổng sản phẩm của thế giới, cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá lạc hậu, kinh tế trì trệ, đời sống nhân dân rất khó khăn, số nợ nước ngoài càng chồng chất, khó có khả năng thanh toán nhanh, tình hình chính trị không lúc nào ổn định, nội bộ cấu xé lẫn nhau, một nước như vậy không phải dễ gì tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa.

Lao vào con đường cấu kết với chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, và các thế lực phản động quốc tế, tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã lộ nguyên hình là một thế lực phản động quốc tế độc ác nhất, tệ hại nhất đang mất hết sự ủng hộ của nhân dân thế giới mà trước đây nó giành được, mất dần cả sự ủng hộ của những người nhất thời bị nó lừa bịp, mê hoặc, và ngày càng bị cô lập cao độ trên thế giới.

Nhân dân Trung-quốc tuy mấy chục năm qua bị đầu độc và kìm kẹp ghê gớm nhưng vốn có truyền thống cách mạng, đã từng tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trước sự phản bội của bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh, nhất định không thề nguyền yên bề cho chúng phá sạch những thành quả cách

mạng đã giành được, để cho chúng sử dụng tài nguyên, bòn rút tiền của, sức lực của mình vào những mục đích đen tối của chúng. Thực tế trước mắt của xã hội Trung-quốc: nghèo đói, thất nghiệp đồng đảo, dân áp bức bóc lột sống tư bản, xâm lược Việt-nam, v.v. đang ngày càng thức tỉnh nhân dân Trung-quốc.

Phương châm của bọn phản động Bắc-kinh là « mèo đen hay mèo trắng đều tốt cả, miễn là bắt được chuột » thì đối với chúng, chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản không thành vấn đề, miễn sao thực hiện được « bốn hiện đại hóa » để làm cho Trung-quốc trở thành siêu cường số một làm bá chủ thế giới là được. Đối với chúng, hiện đại hóa không phải nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội mà nhằm tạo cơ sở vật chất cho mưu đồ chuẩn bị chiến tranh xâm lược. Chúng đã tung ra một lượng vàng khá lớn để mua phương tiện chiến tranh và hằng năm chi 40% ngân sách cho quốc phòng. Chúng đang dành nhiều cố gắng để sản xuất vũ khí hạt nhân.

Nói « bốn hiện đại hóa » nhưng chủ yếu là hiện đại hóa quốc phòng. Chúng sẽ gặp phải mâu thuẫn giữa hiện đại hóa quốc phòng và các hiện đại hóa khác vì phải dồn vào quốc phòng một số vốn và vật tư quan trọng. Đó là chưa nói đến hằng ngày còn phải tung tiền của và phương tiện ra để ủng hộ các bọn phản động, hà hơi tiếp sức cho bọn tay sai được mệnh danh là « cộng sản » để phá hoại phong trào cách mạng các nước ở Á, Phi, Mỹ la tinh vì việc làm này cũng là một phương thức để thực hiện mộng bá chủ thế giới của chúng.

Trong « bốn hiện đại hóa » có hiện đại hóa khoa học kỹ thuật. Hàng bao nhiêu năm qua tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh nhân danh « văn hóa » làm « cuộc đại cách mạng văn hóa vô sản », đóng cửa tất cả các trường làm cho biết bao lứa

tuổi lớn lên thất học, thủ tiêu các công trình nghiên cứu, đấu tố trí thức, v.v. Đến nay đề thực hiện « bốn hiện đại hóa » chúng lại mở cửa trường đại học, tổ chức thi cử, mở cửa lại các cơ quan nghiên cứu khoa học, « giải oan », « phục hồi » những người trong giới trí thức, tới tập phải học sinh ra nước ngoài, nhưng làm sao chúng có thể tranh thủ được thời gian để bù đắp được những hao phí và khắc phục những hậu quả nghiêm trọng do cuộc « cách mạng » này gây ra nhằm thực hiện mưu đồ đen tối của chúng.

Một nền kinh tế lạc hậu, mất cân đối nghiêm trọng, không thể có ngay những cuộc « đại nhảy vọt ». Quy luật kinh tế khách quan luôn luôn búng bình, không chiều theo ý muốn chủ quan, tùy tiện và phản động của bọn phản bội Bắc-kinh.

Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi kẻ hoạch « bốn hiện đại hóa » của chúng vừa vạch xong đã phải điều chỉnh, hợp đồng của chúng vừa ký chưa ráo mực đã phải hủy bỏ. Tham vọng của chúng trở thành một cường quốc siêu đẳng vào cuối thế kỷ này cũng chỉ là ảo vọng. Gần đây, nhiều người ở ngay Trung-quốc đã công khai nói lên điều này trên báo chí

Tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã lấy Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương làm đối tượng xâm lược trước tiên vì sự sống còn của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của nó gắn với mưu đồ thôn tính ba nước Đông-dương để mở đường chinh phục Đông Nam châu Á, tiến lên thực hiện giấc mộng bá chủ hoàn cầu.

Nhân dân ba nước Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia vốn có truyền thống

đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung, đã từng đánh bại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhất định sẽ đè bẹp được ý đồ xâm lược và thôn tính của tập đoàn cầm quyền phản động Bắc-kinh.

Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt-nam và nhân dân các nước khác ở Đông-dương sẽ góp phần xứng đáng vào việc đánh bại chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh, làm cho nó phá sản ngay từ đầu.

BƯỚC ĐƯỜNG XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 74)

Ba-lan đã đề ra một cương lĩnh rộng lớn về xã hội và kinh tế nhằm đưa nước Ba-lan tiến bước mạnh mẽ trong giai đoạn xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển.

Xã hội xã hội chủ nghĩa phát triển — như nghị quyết Đại hội thứ VII của Đảng công nhân thống nhất Ba-lan (tháng 12-1975) ghi rõ — là một xã hội của những quan hệ hoàn toàn xã hội chủ nghĩa... Đó là một xã hội có năng suất lao động cao, trình độ tổ chức và kỷ luật tự giác cao, phát triển đầy đủ khả năng sáng tạo của mỗi con người, mỗi đơn vị. Đó là một xã hội tuân thủ mọi nguyên tắc công bằng xã hội và lối sống xã hội chủ nghĩa, thể hiện trước hết trong lao động, trong sinh hoạt xã hội, mở rộng hoạt động văn hóa và nghỉ ngơi, chú ý bảo vệ và làm phong phú thêm giá trị môi trường sống của con người. Đó là một xã hội văn minh và trong sạch, có cuộc sống tinh thần lành mạnh, làm việc có mục đích và có lý tưởng.

TẬP ĐOÀN PHẢN ĐỘNG BẮC-KINH SỬ DỤNG NGƯỜI HOA NHƯ MỘT CÔNG CỤ ĐỂ THỰC HIỆN CHỦ NGHĨA BÀNH TRƯỚNG ĐẠI DÂN TỘC

HOÀNG-KIM

Từ bao đời nay, Hoa kiều ở Đông Nam châu Á nói chung và ở Việt-nam nói riêng đều coi nơi họ sinh sống lâu năm là quê hương thứ hai của họ — nơi đã cứu mang họ thoát khỏi cảnh nghèo khổ và nạn khủng bố của các triều đại phong kiến Trung-hoa.

Trong quá trình sinh sống lâu đời và gắn bó với nhân dân bản địa, Hoa kiều đã trở thành một bộ phận dân cư của các nước ở Đông Nam châu Á. Song, với mưu đồ bành trướng, bá quyền nước lớn, tập đoàn phản động Bắc-kinh coi vấn đề Hoa kiều là một trong những vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong chính sách của Cộng hòa nhân dân Trung-hoa đối với các nước Đông Nam châu Á. Họ tìm mọi cách đầu độc Hoa kiều bằng tư tưởng sô-vanh đại dân tộc.

Chính vì vậy, chính phủ nhiều nước Đông Nam châu Á (nơi có hơn 20 triệu người Hoa sinh sống) đã ngày càng chú ý tới việc Bắc-kinh thông qua Hoa kiều để xâm phạm chủ quyền của nước họ.



Một thực tế khiến cho nhiều người lo ngại là 80% Hoa kiều trên thế giới

sống tập trung ở vùng Đông Nam châu Á. Tính đến năm 1969, số lượng đó được phân bố như sau:

In-đô-nê-xi-a	3500 000
Ma-lai-xi-a	3400 000
Thái-lan	3000 000
Xanh-ga-po	2000 000
Việt-nam	1100 000
Phi-líp-pin	500 000
Cam-pu-chia	440 000
Miến-diện	400 000
Lào	50 000

Số người Trung-hoa đông đảo này đã nhập cư vào các nước Đông Nam châu Á trong từng thời gian khác nhau kéo dài từ thế kỷ II trước Công nguyên (những người Hán đầu tiên đã tràn xuống Đông Nam châu Á) đến thế kỷ XIX. Phần lớn, họ là những người nghèo khổ vùng Quảng-dông, Phúc-kiến vì không chịu nổi ách áp bức bóc lột của các triều đại phong kiến Trung-quốc nên kéo nhau đến trú ngụ ở vùng Đông Nam châu Á để tìm kế sinh nhai.

Đặc biệt từ thế kỷ XVI, khi sự trao đổi hàng hóa giữa Trung-quốc — Đông Nam Á — Tây Âu ngày càng mở rộng thì vai trò của Hoa kiều ở vùng này ngày càng quan trọng. Hoạt động

thương nghiệp của Hoa kiều đã gây nên sự phá vỡ kinh tế truyền thống ở một số nước Đông Nam châu Á và đẩy mạnh sự phát triển kinh tế tiền tệ. Song cũng chính những Hoa kiều này khi đóng vai trò đại lý thương mại, chủ đồn điền, chủ thầu, kẻ mồi phu cho tư bản phương Tây thì lại duy trì các phương thức làm ăn lạc hậu. Giai cấp tư sản Hoa kiều hình thành vào thời gian này — khi chủ nghĩa tư bản phương Tây đã trở thành chủ nghĩa đế quốc và biến các nước Đông Nam châu Á thành thuộc địa của nó. Bọn thực dân phương Tây đã dành cho tư sản Hoa kiều quyền thu thuế xuất nhập khẩu, thuế sản xuất, khai thác dầu mỏ, mỏ ngân hàng. Bọn tư sản mại bản Hoa kiều ra sức phục vụ bọn thực dân phương Tây để kiếm lợi. Chúng dựa vào thế lực bọn này, chung sức với bọn này để bóc lột nhân dân các nước Đông Nam châu Á. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, giai cấp tư sản Hoa kiều ngày càng có điều kiện phát triển mạnh. Lực lượng đế quốc suy yếu và đang phải rút dần ra khỏi khu vực này, tư sản Hoa kiều không bị đối xử như tư sản người nước ngoài. Do đó, vị trí kinh tế của tư sản Hoa kiều ngày càng được nâng cao. Các thế lực đế quốc đều phải dựa vào tư sản Hoa kiều để biến Đông Nam châu Á thành thuộc địa hoặc phạm vi ảnh hưởng của chúng.

Giữa những năm 50, vốn đầu tư của tư sản Hoa kiều trong nền kinh tế các nước Đông Nam châu Á là 3 tỷ đô-la, đến giữa những năm 60, con số đó đã tăng lên 6 tỷ và hiện nay là 16.3 tỷ (trong các nước khối ASEAN).

Giai cấp tư sản Hoa kiều nắm hầu hết các thị trường trong khu vực Đông Nam châu Á. Hãng thương mại lớn nhất của tư sản Hoa kiều là Kiêng Gi-san (Kian Gwam), do Uây-Tiêng-Ham (Oei Tiong Ham) thành lập từ năm 1863. có 20 chi nhánh ở khắp năm châu. Hãng này độc quyền

về đường và cao su. Ở Thái-lan, bọn tư sản Hoa kiều nắm toàn bộ thị trường trên lưu vực sông Mê-nam, chi phối 80% các ngành công thương nghiệp. Đến đầu những năm 70, Hoa kiều đã chi phối 16 trong 20 ngân hàng ở đây. Ngân hàng Băng-cốc, ngân hàng lớn nhất Đông Nam Á, cũng do một tư sản Hoa kiều là Xô-phôn — Phô-nhi-trây nắm. Hoa kiều còn chi phối các luồng thương mại trong nội địa, đặc biệt là việc buôn bán ngũ cốc ở miền nam Thái-lan. Ở Phi-líp-pin, tư sản Hoa kiều nắm từ 4 đến 5 ngân hàng lớn. Mặc dù Hoa kiều ở đây chỉ chiếm 1,5% số dân nhưng họ nắm trong tay 23% giá trị tổng sản lượng Phi-líp-pin. Từ năm 1974 đến năm 1977, vốn của tư sản Hoa kiều đầu tư vào nền kinh tế Phi-líp-pin là 167 triệu pê-sô, đứng hàng thứ hai sau Mỹ. Ở In-đô-nê-xi-a, Hoa kiều chiếm 3% số dân nhưng đã khống chế 70% nền kinh tế, 60% thương mại và 90% tài chính. Ở Ma-lai-xi-a, Hoa kiều nắm 70% công nghiệp chế biến, 22% ngành xây dựng. Họ tập trung trong tay 22,5% cổ phần của các hãng kinh doanh. Ở Xanh-ga-po, Hoa kiều chiếm 76% số dân, lũng đoạn chính quyền và chi phối nền thương mại của nước này. Có 10 ngân hàng của tư sản Hoa kiều hoạt động ở Xanh-ga-po và liên minh với những ngân hàng lớn nhất của các nước đế quốc và tập đoàn tư bản tài chính thế giới. Ở Cam-pu-chia, Hoa kiều chú ý đầu tư vào kinh tế. Trong những năm 60, vốn của tư sản Hoa kiều đầu tư vào Cam-pu-chia nhiều hơn so với số vốn Hoa kiều đầu tư vào các nước khác ở Đông-dương. Đến những năm 70, số vốn đầu tư đó tăng lên từ 200 đến 400 triệu đô-la. 98% các cơ sở công nghiệp ở Cam-pu-chia đều nằm trong tay tư sản Hoa kiều. Ở miền Nam Việt-nam, trong vòng 15 năm (từ 1960 đến 1975), tư sản Hoa kiều đã lớn lên nhanh chóng và chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế Nam Việt-nam. Có khoảng 80 Hoa kiều là

tỷ phú, tạo thành những nhóm tài phiệt câu kết chặt chẽ với Mỹ — ngụy Sài-gòn, và mặc sức thao túng thị trường trong nước.

Từ sau năm 1950, sau khi cách mạng Trung-quốc thắng lợi, vị trí chính trị của Hoa kiều nói chung và giai cấp tư sản Hoa kiều nói riêng tại các nước Đông Nam châu Á được nâng cao. Họ yêu cầu chính phủ Trung-quốc bảo vệ, do đó các lãnh sự quán Trung-quốc ở các nước Đông Nam châu Á được thành lập. Nhân cơ hội này bọn Hoa kiều tay sai của tập đoàn phản động Bắc-kinh đã dùng mọi thủ đoạn để mua chuộc các quan chức chính phủ ở một số nước, chiếm lấy những vị trí chính trị quan trọng nhằm làm cho những người cầm quyền bản xứ lệ thuộc họ.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh thực hiện chính sách hai mặt : sử dụng cả bọn tư sản lẫn những người lao động trong Hoa kiều ở các nước Đông Nam châu Á, để phục vụ ý đồ bành trướng của họ.

Năm 1949, chính phủ Trung-quốc đã lập ra « Trung ương kiều ủy » để chuyên lo việc tổ chức, khống chế và sử dụng Hoa kiều ở nước ngoài. Các sứ quán của Trung-quốc tại các nước Đông Nam châu Á được giao ba nhiệm vụ :

1 — Báo cáo tình hình các đảng và chính phủ ở từng nước.

2 — Mua chuộc, dụ dỗ thúc ép chuyên gia và các nhà khoa học là Hoa kiều ủng hộ Trung-quốc hoặc lấy cấp tài liệu mật của các nước Đông Nam châu Á đưa về Trung-quốc.

3 — Thu thập tài chính, đô-la đưa về Trung-quốc.

Nhằm những mục tiêu đó, chính phủ Trung-quốc đã cố tình không giải quyết rõ ràng vấn đề quốc tịch của Hoa kiều. Tập đoàn phản động cầm quyền Bắc-kinh đã tuyên bố rằng Hoa

kiều gắn liền với chính sách đối ngoại của chúng.

Sau cuộc bạo loạn của Hoa kiều ở Ma-lai-xi-a (1952), quan hệ giữa Bắc-kinh và các chính phủ ở châu Á trở nên căng thẳng. Để cứu vãn tình thế đó, năm 1955 Bắc-kinh đã ký với In-đô-nê-xi-a một hiệp định về vấn đề quốc tịch của người Hoa. Nội dung chủ yếu là khuyến khích Hoa kiều nhập quốc tịch In-đô-nê-xi-a và chính phủ Trung-quốc không bảo vệ cho những người Hoa đó. Cũng năm đó, Bắc-kinh lại ký với chính phủ Việt-nam một hiệp định tương tự nhưng có những điều khoản đi xa hơn như việc khuyến khích những kiều dân Việt-nam và Trung-quốc nhập quốc tịch nước họ đang cư trú. Tuy đã có những hiệp định như vậy, nhà cầm quyền Bắc-kinh vẫn gọi những người có nguồn gốc Trung-hoa ở nước ngoài là Hoa kiều, tức công dân của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa sinh sống ở nước ngoài. Trên thực tế, nhà cầm quyền Bắc-kinh duy trì tình trạng những người có nguồn gốc Trung-hoa ở nước ngoài có hai quốc tịch, vừa có quốc tịch Trung-quốc, vừa có quốc tịch nước sở tại.

Việc duy trì sự tồn tại hai quốc tịch đối với Hoa kiều là một quỷ kế của tập đoàn phản động Bắc-kinh : vừa dùng quốc tịch nước sở tại để lấy người Hoa gây sức ép với chính phủ các nước Đông Nam châu Á, vừa dùng quốc tịch Trung-quốc để cường ép người Hoa thi hành mệnh lệnh của họ.

Vào những năm 1960, cùng với bão táp « cách mạng văn hóa » ở Trung-quốc là những cuộc bạo loạn của Hoa kiều ở Ma-lai-xi-a, Miến-diên, In-đô-nê-xi-a, v.v. Bộ ngoại giao Trung-quốc kêu gọi Hoa kiều làm « cách mạng ». Chính phủ các nước trên thế giới đều lo lắng trước sự sôi nổi « cách mạng » này và nhiều nước đã cắt đứt quan hệ ngoại giao

với Trung-quốc. Trước tình thế bị cô lập, đại hội 9 của Đảng cộng sản Trung-quốc đã vạch ra « mưu ma chước quỷ » mới nhằm cải thiện quan hệ ngoại giao với các nước Đông Nam châu Á, trong đó vấn đề người Hoa lại trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược. Để che giấu âm mưu tiếp tục sử dụng Hoa kiều như một công cụ thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, một nhà lãnh đạo Bắc-kinh đã tuyên bố trong cuộc đi thăm chính thức Răng-gun rằng: Hoa kiều ở nước ngoài có quan hệ máu xương với lợi ích dân tộc mà họ chung sống, trở thành một bộ phận không thể tách rời của các dân tộc ấy và không phải là người Trung-quốc nữa. Bắc-kinh đã cử phái đoàn đi thăm các nước châu Á, châu Phi, châu Âu để truyền bá tư tưởng « chung sống hòa bình » của họ. Nhưng cũng chính trong giai đoạn này tập đoàn phản động Bắc-kinh lại tiến hành những biện pháp móc nối với các lực lượng đế quốc; đặc biệt là đế quốc Mỹ và kết quả đầu tiên của sự móc nối đó là chuyến đi thăm của Ních-xơn tại Bắc-kinh tháng 2-1972.

Đề tranh thủ được sự đồng tình của chính phủ các nước Đông Nam châu Á, trong chính sách đối ngoại, Bắc-kinh đã dùng một « Trung-quốc vô hình » để gây sức ép với chính phủ các nước đó. Nhiều người cho rằng, Bắc-kinh có một mạng lưới gián điệp đông nhất thế giới. Tuy nhập quốc tịch các nước Đông Nam châu Á những người có nguồn gốc Trung-hoa ở nước ngoài vẫn sống theo từng bang, hội riêng biệt. Bắc-kinh thông qua những tổ chức này để thống trị những người có nguồn gốc Trung-hoa ở nước ngoài. Hội Tơ-ri-át là một trong những hội kín quan trọng của những người có nguồn gốc Trung-hoa ở Đông Nam châu Á. Những tổ chức đó, giống như những chính phủ tự trị, áp đặt sự khống chế đối với quần chúng lao động Hoa kiều và những người châu Á. Những

kẻ bị hội kín nghi là phản bội hội đều bị xử trước tòa án của hội kín, bị tra tấn và hành hình.

Sau đại hội 9, chính phủ Trung-quốc quyết định giải tán Trung ương kiều ủy, bổ sung cán bộ cho các sứ quán và vẫn tiếp tục hoạt động bí mật.

Sau đại hội lần thứ 11 của Đảng cộng sản Trung-quốc năm 1977, chính phủ Trung-quốc lại có những công bố mới về chính sách kiều vụ nhằm thiết lập một hệ thống chống Liên-xô bao gồm ba lực lượng: Trung-quốc, Đài-loan và Hoa kiều trên thế giới. Chính phủ Trung-quốc tìm mọi biện pháp khuyến khích công dân Trung-quốc ra nước ngoài. Số người qua Hương-cảng năm 1971 là 13 500 và năm 1974 lên tới 74 000 người.

Do thế chế về quốc tịch không được xác định, cho nên một phần đáng kể những Hoa kiều hồi hương có thể trở lại các nước Đông Nam châu Á. Thực chất đó là một cuộc « xâm lăng hòa bình », và không ít Hoa kiều đã được đào tạo để tiến hành những hoạt động chống chính phủ các nước Đông Nam châu Á.

Thi hành chính sách mập mờ về vấn đề quốc tịch của người Trung-hoa ở nước ngoài, tập đoàn phản động Bắc-kinh còn nhằm tạo điều kiện để duy trì và phát triển địa vị kinh tế của tư sản Hoa kiều ở các nước Đông Nam châu Á, tăng cường khai thác giai cấp này để phục hồi nền kinh tế suy sụp của Trung-quốc nhất là từ sau năm 1958. Vua Thái-lan Ra-ma 6 nhận xét rằng: « tội lớn nhất của tập thể Hoa kiều ở hải ngoại là đã bòn rút Đông Nam châu Á đến tận xương tủy và chuyển hết lợi nhuận của họ về Trung-quốc » (1). Riêng năm 1958, số lượng ngoại tệ mà Hoa kiều chuyển về nước đã gấp rưỡi số dự trữ ngoại

(1) G. A-lếch-xan-đơ: *Trung-quốc vô hình* « Người Trung-hoa ở hải ngoại và chính trị ở Đông Nam Á », bản tiếng Anh, Nhà xuất bản Niu Ôc, 1973, trang 45.

tệ của Trung-quốc cùng năm. Chính phủ Trung-quốc động viên tư sản Hoa kiều không những góp tiền vào cái gọi là « công ty Hoa kiều hải ngoại góp phần xây dựng đất nước » mà còn thông qua việc chuyển tiền về cho bà con họ ở trong nước để tăng thu nhập. Hiện nay ngân phiếu của tư sản Hoa kiều chuyển tiền về Trung-quốc lên tới 200 triệu đô-la hằng năm. Tạp chí Mỹ « Thời đại » cho biết « hằng năm người Trung-hoa ở nước ngoài gửi quà cho bà con họ hàng trong nước trị giá 1 tỷ đô-la » (2).

Đó là chính sách nhằm tăng cường lợi tức trong nước mà giới cầm quyền Bắc-kinh đang theo đuổi. « Như vậy Bắc-kinh đã tham gia gián tiếp vào việc bóc lột nhân dân Đông Nam Á » (3). Để thu hút được sự ủng hộ của giai cấp tư sản Hoa kiều, năm 1955, chính phủ Trung-quốc coi tư sản Hoa kiều là một bộ phận của giai cấp tư sản trong nước, đã công bố việc thay đổi thành phần cho phần lớn tư sản và địa chủ Hoa kiều.

Với cương lĩnh hiện đại hóa công nghiệp hiện nay, tư sản Hoa kiều được chính phủ Trung-quốc mời tham gia tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân. Chính phủ Trung-quốc đã dành cho họ cả những vị trí chính trị ở trong nước. Không phải ngẫu nhiên mà gần đây tập đoàn phản động Bắc-kinh đã phê chuẩn những biện pháp nhằm hợp pháp hóa hoạt động của các tổ chức tư sản trong nước.

Ngoài việc sử dụng tư sản Hoa kiều, tập đoàn phản động Bắc-kinh còn lợi dụng tinh thần gần bó của quần chúng lao động người Hoa, đối với cộng đồng dân tộc nước họ cư trú, đưa Hoa kiều thâm nhập vào các tổ chức cách mạng ở các nước Đông Nam châu Á. Đảng cộng sản Ma-lai-xi-a gồm 3000 đảng viên thì 87% là người Hoa. Đảng cộng sản Thái-lan có 5000 đảng viên thì phần lớn là Hoa kiều.

Hầu hết các tổ chức yêu nước ở các nước Đông Nam châu Á có đồng đảo Hoa kiều làm tay sai cho tập đoàn phản động Bắc-kinh tham gia đều dẫn tới chia rẽ nội bộ. Đó là một sự thật đã và đang diễn ra ở một số nước Đông Nam châu Á.

Tập đoàn phản động Bắc-kinh thông qua những Hoa kiều đã thâm nhập vào các tổ chức cách mạng của các nước Đông Nam châu Á để kích động chủ nghĩa dân tộc tư sản, kim hàm phong trào giải phóng dân tộc ở các nước này, biến các tổ chức này thành những công cụ của Bắc-kinh.

Thi hành chính sách mập mờ về quốc tịch, sử dụng quần chúng lao động Hoa kiều để chi phối các tổ chức tiến bộ, sử dụng giai cấp tư sản Hoa kiều làm tình báo và gây áp lực với chính phủ các nước Đông Nam châu Á, tập đoàn phản động cầm quyền Bắc-kinh đã tự bóc trần chính sách hai mặt phản động của họ. Chính phủ các nước Đông Nam châu Á hẳn không quên những vụ bạo loạn của Hoa kiều ở Ma-lai-xi-a năm 1969. Ở In-đô-nê-xi-a, Thái-lan, những vụ bạo loạn như thế đã được Bắc-kinh « bật đèn xanh ».

Ngày 19-9-1977, trong cuộc họp mặt với những người hoạt động « lỗi lạc » trong cộng đồng Trung-quốc hải ngoại, một nhà lãnh đạo của Bắc-kinh nói rằng từ nay trở đi những việc có liên quan đến Hoa kiều sẽ nằm trong chương trình nghị sự hằng ngày của chính phủ Trung-quốc.

Ngày 29-1-1978, bọn cầm quyền phản động Bắc-kinh đã gặp bọn bồi bút của chúng ở Hương-cảng, Ma-cau và yêu cầu bọn này nhận chỉ thị tuyên truyền về chiến dịch người Hoa.



(2) T.M. Kà-tô-va « Chính sách của Bắc-kinh về việc sử dụng tư sản Trung-quốc ở nước ngoài ». Tạp chí « Những vấn đề Viễn-đông » Mat-xcơ-va, 1979, trang 112.

(3) A. Lam-ban : « Trung-quốc và Thái-bình-dương », Báo vệ tổ quốc, số 11-1975.

Đã tâm của nhà cầm quyền Trung-quốc sử dụng người Hoa làm công cụ để thực hiện mưu đồ bành trướng bá quyền đã phơi bày trong cái gọi là « vấn đề người Hoa ở Việt-nam ».

H. Sô-nô-xi, một nhà báo Mỹ nhận xét: « Tập đoàn phản động Bắc-kinh khó nghĩ ra được cái gì thích hợp hơn để phá hoại những tình cảm kiên quyết ủng hộ Việt-nam tồn tại bao nhiêu năm nay trong nhân dân Trung-quốc. Muốn phá hình ảnh đẹp Việt-nam thì phải làm cho nhân dân Trung-quốc ủng hộ các chính sách chống Việt-nam một cách thậm tệ » (4).

Còn đối với vấn đề người Hoa ở Việt-nam, « từ năm 1955, Trung ương Đảng Việt-nam và Trung ương Đảng Trung-quốc đã thỏa thuận là Hoa kiều ở Việt-nam do Đảng lao động Việt-nam lãnh đạo và dẫn dắt chuyển thành công dân Việt-nam » (5). Chính phủ ta luôn luôn tôn trọng và thực hiện đúng sự thỏa thuận đó. Những người Hoa ở Việt-nam đã được hưởng quyền lợi và làm nghĩa vụ như công dân Việt-nam. Bỗng dưng ngày nay tập đoàn lãnh đạo Bắc-kinh lại đưa ra cái gọi là quyền « bảo vệ những người Hoa » và dựng lên cái gọi là « nạn kiều » ở Việt-nam. Trong khi Bắc-kinh làm ngơ trước một thực tế hiển nhiên là 50 vạn Hoa kiều ở Cam-pu-chia bị bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry khủng bố dã man tàn bạo thì họ lại lên tiếng bảo vệ quyền lợi cho những tên tư sản người Hoa ở miền Nam Việt-nam trong khi chúng ta tiến hành cuộc vận động cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam Việt-nam.

Đề tập hợp lực lượng tư sản Hoa kiều và các thế lực phản động trong Hoa kiều, tập đoàn phản động Bắc-kinh kêu gọi Hoa kiều ở nước ngoài tập hợp vào « mặt trận yêu nước thống nhất ». Thực chất là lập một

mặt trận dây tinh kỳ thị dân tộc để chống Việt-nam.

Thất bại trong chiến dịch dùng người Hoa để kích động hằn thù dân tộc, gây rối loạn, đe dọa Việt-nam, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã phát động chiến tranh xâm lược Việt-nam trên quy mô lớn.

Toàn thế giới đều biết rõ rằng cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam được tiến hành sau chuyến đi Mỹ của Đặng-Tiêu-Binh. Biểu hiện cao nhất trong việc sử dụng người Hoa để thực hiện âm mưu bá quyền của tập đoàn phản động Bắc-kinh là việc thành lập những sư đoàn người Hoa tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam gần đây. Khẩu hiệu mà tập đoàn phản động Bắc-kinh đề ra cho quân đội của chúng là: « đánh toàn tuyến, chiến thuật biển người, người Hoa dẫn đường ».

Dựng nên cái gọi là « nạn kiều » ở Việt-nam, gây ra chiến tranh xâm lược Việt-nam, tập đoàn phản động Bắc-kinh đã lộ nguyên hình và phơi trần dã tâm bành trướng đại dân tộc của chúng. Mọi âm mưu thủ đoạn, mọi ý đồ đen tối hòng biến các nước Đông Nam châu Á thành « chư hầu » của Trung-quốc đang bị thất bại thảm hại. Nhân dân các nước Đông Nam châu Á và nhân dân tiến bộ toàn thế giới ngày càng thấy rõ bộ mặt bỉ ổi và mưu đồ bành trướng đại dân tộc của bọn phản động Trung-quốc. Bánh xe lịch sử vẫn chuyển lên phía trước, mưu đồ bá chủ thế giới của tập đoàn phản động Bắc-kinh nhất định sẽ bị đập tan.

(4) H. Sô-nô-xi : Báo *Guardian* (Mỹ) ngày 29-3-1979.

(5) « Tuyên bố của người phát ngôn Bộ ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam về việc phía Trung-quốc tuyên tạc chính sách của Chính phủ Việt-nam đối với người Hoa ở Việt-nam », báo *Nhân dân*, ngày 29-5-1978.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ

№ 8—1979 г.

ПЕРЕДОВАЯ: Всенародное обсуждение новой конституции. **ДО МЫОЙ:** Успешно завершить работу по социалистическому преобразованию частно — капиталистической промышленности и торговли в провинциях и городах Юга. **НГУЕН СУАН ЧАНГ:** Тридцатилетие деятельности Совета Экономической Взаимопомощи **ХОНГ ТОАН:** Процесс строительства и развития социализма в Польше. **ЛЕ СУАН ЛЫУ:** Великонациональный экспансионизм и великодержавный гегемонизм пекинской реакционной группировки и их неизбежный крах. **ХОАНГ КИМ:** Пекинская реакционная группировка использует хуацяо как инструмент для достижения своих экспансионистских устремлений.

...

REVIEW OF COMMUNISM

№ 8 — 1979

Editorial — The entire people participate in the working out of the new constitution. **ĐỖ-MUỠI** — Bring to completion the socialist transformation of private industry and trade in the provinces and cities of the South. **NGUYỄN-XUÂN-TRANG** — Thirty years of activity of the Council for Mutual Economic Assistance. **HỒNG-TOÀN** — The building and development of socialism in Poland. **LÊ-XUÂN-LƯU** — The Peking reactionary clique's great-nation expansionism and big-power hegemonism and its inevitable bankruptcy. **HOÀNG-KIM** — The Peking reactionary clique uses the Hoa as a tool for carrying out greatnation expansionism.

...

REVUE DU COMMUNISME

№ 8 — 1979

Éditorial — Le peuple tout entier participe à l'édification de la nouvelle constitution. **ĐỖ-MUỠI** — Mener à bonne fin la transformation socialiste de l'industrie et du commerce privés dans les villes et provinces du Vietnam du sud. **NGUYỄN-XUÂN-TRANG** — Trente ans d'activités du COMECON. **HỒNG-TOÀN** — La voie de construction et de développement du socialisme en Pologne. **LÊ-XUÂN-LƯU** — L'expansionnisme de grande nation et l'hégémonisme de grande puissance de la clique réactionnaire de Pékin et son échec inéluctable. **HOÀNG-KIM** — La clique réactionnaire de Pékin utilise les Hoa comme un instrument pour la réalisation de son expansionnisme de grande nation.

...

REVISTA DEL COMUNISMO

№ 8 — 1979

Editorial — El pueblo entero participa en la edificación de la nueva Constitución. **ĐỖ-MUỠI** — Cumplir optimamente la transformación socialista de la industria y el comercio capitalistas en las ciudades sureñas. **NGUYỄN-XUÂN-TRANG** — Treinta años de actividades del CAME. **HỒNG-TOÀN** — La vía de construcción y desarrollo socialistas en Polonia. **LÊ-XUÂN-LƯU** — El expansionismo de gran nación y el hegemonismo de gran potencia de la camarilla reaccionaria de Pekín y su derrota inevitable. **HOÀNG-KIM** — La camarilla reaccionaria de Pekín utiliza a los Hoa como un instrumento para la realización de su expansionismo de gran nación.

...

MỤC LỤC

Xã luận — Toàn dân tham gia xây dựng Hiến pháp mới	1
DỖ-MUỖI — Hoàn thành tốt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp và thương nghiệp tư doanh ở các tỉnh và thành phố miền Nam	9
CHẾ-VIỆT-TẤN — Phân bổ lại lực lượng lao động để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	17
LÊ-THẾ-SON — Phong trào thi đua với hợp tác xã Định-công ở tỉnh Thanh-hóa	23
NGUYỄN-VĂN-NOÃN — Hà-bắc chuyển hướng công tác lãnh đạo và chỉ đạo	28
Điều tra ★ DAM-MAI — Công tác phát triển Đảng ở Đảng bộ nhà máy cơ khí Yên-viên	33
THIỆN-NHÂN — Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa	40
VŨ-KHIÊU — Đọc lại Đại cáo bình Ngô	45
Thảo luận — Về nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa ★ HÃ-HUY-GIÁP Vài ý kiến về xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ★ NÔNG-QUỐC-CHẤN — Dem ánh sáng của nền văn hóa mới đến đời sống các dân tộc ít người ★ ĐẶNG-NGHIÊM-VĂN — Khoa học và đời sống văn hóa mới	54
NGUYỄN-XUÂN-TRANG — Ba mươi năm hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế	65
HỒNG-TOÀN — Bước đường xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Ba-lan	72
LÊ-XUÂN-LŨU — Chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc-kinh và sự phá sản tất yếu của nó	75
HOÀNG-KIM — Tập đoàn phản động Bắc-kinh sử dụng người Hoa như một công cụ để thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc	83

KỶ NIỆM LẦN THỨ 34
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9
(1945 — 1979)

Tìm đọc:

HỒ - CHÍ - MINH

- Chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ

LÊ - DUẬN

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam
(Tác phẩm chọn lọc — Tập I và tập II)
- Về xây dựng Đảng

TRƯỜNG - CHINH

- Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam
(Tác phẩm chọn lọc — Tập I và tập II)

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

- Sự nghiệp giáo dục trong chế độ xã hội chủ nghĩa

VÔ-NGUYÊN-GIÁP

- Cả nước một lòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT